

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

LÊ PHONG TOÀN

TÌNH HÌNH TỘI CƯỚP GIẠT TÀI SẢN TRÊN ĐỊA BÀN
QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2017

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

LÊ PHONG TOÀN

**TÌNH HÌNH TỘI CƯỚP GIẠT TÀI SẢN TRÊN ĐỊA BÀN
QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Chuyên ngành : Tội phạm học và Phòng ngừa tội phạm

Mã số: 60.38.01.05

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

PGS. TS. PHẠM VĂN TỈNH

HÀ NỘI - 2017

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi.

Các số liệu, kết quả nêu trong luận văn là trung thực và chưa từng được công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

Tác giả

Lê Phong Toàn

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ TÌNH HÌNH TỘI CƯỚP GIẬT TÀI SẢN	7
1.1. Khái niệm, bản chất, ý nghĩa của tình hình tội cướp giật tài sản	7
1.2. Tình hình tội cướp giật tài sản	12
1.3. Những yếu tố tác động đến tình hình tội cướp giật tài sản	17
1.4. Mối quan hệ giữa tình hình tội cướp giật tài sản với nhân thân người phạm tội.....	28
Chương 2: TÌNH HÌNH TỘI CƯỚP GIẬT TÀI SẢN TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN BÌNH TÂN GIAI ĐOẠN 2011-2015	31
2.1. Phần hiện của tình hình tội cướp giật tài sản	31
2.2. Phần ẩn của tình hình tội cướp giật tài sản	42
Chương 3: NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI VIỆC PHÒNG NGỪA TÌNH HÌNH TỘI CƯỚP GIẬT TÀI SẢN TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN BÌNH TÂN	47
3.1 Dự báo tình hình tội cướp giật tài sản trên địa bàn quận Bình Tân trong những năm sắp tới	47
3.2. Kiến nghị hoàn thiện pháp luật	51
3.3. Kiến nghị hoàn thiện các giải pháp phòng ngừa tội phạm.....	56
3.4. Phát huy vai trò của Tòa án nhân dân các cấp tại phiên tòa xét xử các vụ án cướp giật tài sản	71
3.5. Tăng cường hoạt động giám sát của chính quyền địa phương đối với người phạm tội cướp giật tài sản sau khi chấp hành án.....	72
KẾT LUẬN	74
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	76
PHỤ LỤC	

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

BLHS	Bộ luật hình sự
BLTTHS	Bộ luật Tố tụng hình sự
CA	Công an
CGTS	Cướp giết tài sản
CTTP	Cấu thành tội phạm
KSV	Kiểm sát viên
HVPT	Hành vi phạm tội
TAND	Tòa án nhân dân
THTP	Tình hình tội phạm
TTHS	Tố tụng hình sự
VKSND	Viện kiểm sát nhân dân

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 2.1. Xu hướng tổng quan của THTP và tình hình tội cướp giật tài sản từ năm 2011 đến 2015 trên địa bàn quận Bình Tân

Bảng 2.2. Bảng mức độ tổng quan tuyệt đối của tình hình tội cướp giật tài sản trên địa bàn quận Bình Tân từ năm 2011 – 2015

Bảng 2.3. Bảng so sánh Số vụ án về tội cướp giật tài sản so với số vụ án về xâm phạm sở hữu trên địa bàn quận Bình Tân giai đoạn 2011 – 2015

Bảng 2.4. Bảng thống kê Tỷ lệ tội cướp giật tài sản trong THTP ở quận Bình Tân giai đoạn 2011 – 2015

Bảng 2.5. Bảng so sánh tỷ lệ tội cướp giật tài sản ở quận Bình Tân với tỷ lệ THTP về cướp giật trên phạm vi toàn thành phố Hồ Chí Minh

Bảng 2.6. So sánh tỉ lệ tội cướp giật tài sản, THTP về xâm phạm sở hữu ở quận Bình Tân với tỷ lệ tội cướp giật tài sản, THTP về xâm phạm sở hữu đối với các quận huyện giáp ranh

Bảng 2.7. Cơ cấu xét theo mức độ của từng hành vi phạm tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn quận Bình Tân giai đoạn 2011-2015

Bảng 2.8. Tình hình khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử tội cướp giật tài sản giai đoạn 2011 – 2015 tại quận Bình Tân

Bảng 2.9. Cơ cấu của tình hình tội cướp giật theo địa bàn phạm tội

Bảng 2.10. Cơ cấu theo trình độ học vấn của bị cáo địa bàn quận Bình Tân năm 2011 đến năm 2015

Bảng 2.11. Cơ cấu theo nghề nghiệp của bị cáo địa bàn quận Bình Tân

Bảng 2.12. Cơ cấu của THTP trên địa bàn quận Bình Tân từ năm 2011 đến năm 2015 xét theo tiêu chí tiền án, tiền sự, tái phạm, tái phạm nguy hiểm

Bảng 2.13. Cơ cấu về nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và tạm trú của người phạm tội cướp giật tài sản

Bảng 2.14. Cơ cấu của tình hình tội cướp giật trên địa bàn quận Bình Tân từ năm 2011 đến năm 2015 xét theo độ tuổi và giới tính bị cáo

Bảng 2.15. Cơ cấu của tình hình tội cướp giật theo thời gian gây án

Bảng 2.16. Tình hình tội cướp giật trên địa bàn quận Bình Tân từ năm 2011 đến năm 2015 xét theo tổ chức quy mô của tội phạm

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Quận Bình Tân là quận nội thành của Thành phố Hồ Chí Minh, được hình thành trên cơ sở tách 3 xã: Bình Hưng Hòa, Bình Trị Đông, Tân Tạo và thị trấn An Lạc thuộc huyện Bình Chánh theo nghị định 130/2003/NĐ-CP được Chính phủ Việt Nam ban hành vào ngày 05 tháng 11 năm 2003. Toàn quận có 10 phường trực thuộc: An Lạc, An Lạc A, Bình Hưng Hòa, Bình Hưng Hòa A, Bình Hưng Hòa B, Bình Trị Đông, Bình Trị Đông A, Bình Trị Đông B, Tân Tạo, Tân Tạo A. Diện tích toàn quận là 5.188,67 ha diện tích tự nhiên với 686.474 nhân khẩu sinh sống, mật độ dân số 13.229 người/Km² bao gồm nhiều dân tộc khác nhau, trong đó chủ yếu là dân tộc Kinh chiếm 91,27% so với tổng số dân, dân tộc Hoa chiếm 8,45%, còn lại là các dân tộc Khơme, Chăm, Tày, Thái, Mường, Nùng, người nước ngoài... Tôn giáo có phật giáo, Thiên Chúa giáo, Tin Lành, Cao Đài, Hoà Hảo, Hồi giáo... trong đó phật giáo chiếm 27,26% trong tổng số dân có theo đạo.

Trong những năm gần đây, dưới tác động của công cuộc đổi mới kinh tế và hội nhập quốc tế, với lợi thế đất đai rộng lớn, quận Bình Tân đã thu hút mạnh mẽ nguồn vốn đầu tư trong nước và nước ngoài. Tại đây nhiều khu công nghiệp, khu chế xuất được thành lập, kéo theo các loại hình dịch vụ như nhà hàng, khách sạn, khu vui chơi giải trí... không chỉ thu hút một lực lượng lớn lao động từ các tỉnh phía Bắc, miền Trung và miền Tây Nam Bộ về đây tìm kiếm việc làm cùng với lượng khách đến thăm thân nhân, học tập, du lịch nên đã làm thay đổi toàn bộ diện mạo về kinh tế, văn hóa xã hội, đời sống vật chất và tinh thần của người dân, trong đó có nhiều thay đổi tích cực, song cũng xuất hiện và tồn tại những hiện tượng tiêu cực, đặc biệt là tình hình tội phạm với một *tỷ lệ phạm tội cướp giật tài sản* đặc biệt cao, trên 27% về số bị cáo.

Trước sự diễn biến phức tạp và nghiêm trọng của tình hình tội phạm, đặc biệt là của tình hình tội cướp giật tài sản, trong những năm qua, các cấp Ủy đảng và chính quyền địa phương đã chỉ đạo các Ban, Ngành, Tổ chức xã hội và công dân tăng cường công tác đấu tranh phòng và chống tội phạm song tình hình tội phạm

cướp giết tài sản trên địa bàn quận Bình Tân vẫn diễn ra phức tạp và nghiêm trọng. Vì thế cần phải được nghiên cứu cơ bản và chuyên sâu theo hướng phòng ngừa, tức là việc phòng ngừa tội phạm phải được nghiên cứu và thiết lập trên cơ sở hướng dẫn của khoa học chuyên ngành. Đó là tội phạm học, một khoa học về phòng ngừa tội phạm, tức là mọi công trình nghiên cứu trong phạm vi chuyên ngành này đều dẫn đến phòng ngừa tội phạm. Nói khác đi, phòng ngừa tội phạm là mục đích của tội phạm học và nó chỉ có thể đạt hiệu quả cao khi phòng ngừa tội phạm được thiết lập trên cơ sở đã làm rõ được bản thân tình hình tội phạm và xác định được nguyên nhân và điều kiện của hiện tượng tiêu cực này. Như vậy, “trong khoa học tội phạm học, tình hình tội phạm là khái niệm cơ bản, cơ sở đầu tiên.”. Vì vậy, việc lựa chọn vấn đề **“Tình hình tội cướp giết tài sản trên địa bàn quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh”** làm đề tài luận văn thạc sĩ đáp ứng được các yêu cầu lý luận và thực tiễn hiện nay.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

2.1. Những công trình tạo cơ sở lý luận của đề tài

- Giáo trình “Tội phạm học” (2003) của GS.TS Võ Khánh Vinh, NXB Công an nhân dân;
- Giáo trình “Tội phạm học” của GS.TS Võ Khánh Vinh, NXB Công an nhân dân, tái bản năm 2011;
- “Một số vấn đề lý luận về tình hình tội phạm ở Việt Nam” của PGS.TS Phạm Văn Tỉnh, NXB Tư pháp, 2007;
- “Tội phạm học, Luật Hình sự, Luật Tố tụng Hình sự Việt Nam” NXB Chính trị quốc gia, 1994;
- “Tội phạm học Việt Nam-Một số vấn đề lý luận và thực tiễn” của Viện Nhà nước và Pháp luật, Nxb. Công an nhân dân, năm 2000;
- “Một số vấn đề tội phạm học Việt Nam” của Nguyễn Văn Cảnh và Phạm Văn Tỉnh, do Học viện Cảnh sát nhân dân, Bộ Công an ấn hành năm 2013;

- Đấu tranh với tình hình tội chống người thi hành công vụ ở nước ta hiện nay, một mô hình nghiên cứu tội phạm học chuyên ngành, Phạm Văn Tinh, Đào Bá Sơn, Nxb. CAND, 2010;

- Các bài viết về nguyên nhân và điều kiện của tội phạm, về nhân thân người phạm tội, về phòng ngừa tội phạm được đăng tải trên các tạp chí: Nhân lực khoa học xã hội; Nhà nước và Pháp luật; Cảnh sát nhân dân; Kiểm sát; Tòa án nhân dân; Công an nhân dân trong những năm gần đây.

2.2. Những công trình liên quan trực tiếp đến đề tài

- Nguyễn Minh Hiền (2010), “Đấu tranh phòng, chống tội cướp giết tài sản trên địa bàn Thành phố Cần Thơ”, Luận văn thạc sỹ luật học, Học Viện Khoa Học Xã Hội-Thành phố Hồ Chí Minh;

- Lê Ngọc Hớn (2012), “Tội cướp giết tài sản trên địa bàn tỉnh An Giang: tình hình, nguyên nhân và giải pháp phòng ngừa”, Luận văn thạc sỹ luật học, Học Viện Khoa Học Xã Hội-Thành phố Hồ Chí Minh;

- Đào Quốc Thịnh (2012), “Tội cướp giết tài sản trên địa bàn quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh: tình hình, nguyên nhân và giải pháp phòng ngừa”, Luận văn thạc sỹ luật học, Học Viện Khoa Học Xã Hội-Thành phố Hồ Chí Minh;

- Dương Thị Huyền (2012), “Tội cướp giết tài sản mà người bị hại là người nước ngoài trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh: tình hình, nguyên nhân và giải pháp phòng ngừa”, Luận văn thạc sỹ luật học, Học Viện Khoa Học Xã Hội-Thành phố Hồ Chí Minh;

- Lê Thuần Phong (2013), “Tội cướp giết tài sản trên địa bàn Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh: tình hình, nguyên nhân và giải pháp phòng ngừa”, Luận văn thạc sỹ luật học, Học Viện Khoa Học Xã Hội-Thành phố Hồ Chí Minh;

- Nguyễn Hoàng Lâm (2013), “Tội cướp giết tài sản trên địa bàn tỉnh Tiền Giang: tình hình, nguyên nhân và giải pháp phòng ngừa”, Luận văn thạc sỹ luật học, Học Viện Khoa Học Xã Hội-Thành phố Hồ Chí Minh;

- Lê Công Nguyên (2014), “Tình hình tội phạm trên địa bàn quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh”, Luận văn thạc sỹ luật học, Học Viện Khoa Học Xã Hội- Thành phố Hồ Chí Minh;

Các đề tài, công trình nghiên cứu đã đưa ra những lý luận về chuyên ngành Tội phạm học như: Tình hình, nguyên nhân và điều kiện, từ đó đặt ra một số nội dung phòng ngừa tội cướp giật tài sản. Tuy nhiên cho đến nay, chưa có công trình nào nghiên cứu chuyên sâu về tình hình tội cướp giật tài sản đặc biệt là trên địa bàn quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Vì vậy, đề tài: Tình hình tội cướp giật tài sản trên địa bàn quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh là hoàn toàn phù hợp.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở đi sâu vào nghiên cứu tình hình tội cướp giật tài sản trên địa bàn quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, qua đó, luận văn đưa ra giải pháp nhằm góp phần hoàn thiện hệ thống các biện pháp phòng ngừa tội cướp giật tài sản trên địa bàn quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh trong thời gian tới.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt mục tiêu trên, luận văn đi sâu giải quyết các nhiệm vụ cơ bản:

- Nghiên cứu làm rõ những vấn đề lý luận chung về tình hình tội cướp giật tài sản hiện trên địa bàn quận Bình Tân;
- Đi sâu nghiên cứu những vấn đề thực tiễn, phân tích và đánh giá về tình hình tội cướp giật tài sản trên địa bàn quận Bình Tân giai đoạn 2011-2015;
- Nghiên cứu làm rõ những nguyên nhân, điều kiện của tội phạm ản và đánh giá thực trạng phòng ngừa tội cướp giật tài sản trên địa bàn quận Bình Tân;
- Làm rõ những yếu tố tác động đến tình hình tội cướp giật tài sản trên địa bàn quận Bình Tân;
- Xác định mối quan hệ giữa tình hình tội cướp giật tài sản trên địa bàn quận Bình Tân với nhân thân người phạm tội cướp giật tài sản, với nguyên nhân và điều kiện của hiện tượng tiêu cực này;

- Đưa ra dự báo tình hình tội cướp giật tài sản trên địa bàn quận Bình Tân trong thời gian tới;

- Đề xuất các giải pháp hoàn thiện hệ thống các biện pháp phòng ngừa và tổ chức phòng ngừa tội cướp giật tài sản trên địa bàn tỉnh trong thời gian tới.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài được thể hiện ở việc xác định sự phụ thuộc của tình hình tội cướp giật tài sản tại quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh vào các hiện tượng, quá trình kinh tế - xã hội khác trên địa bàn tỉnh, tức là đi tìm quy luật của sự phạm tội cướp giật tài sản tại quận Bình Tân.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

- Về nội dung nghiên cứu, đề tài được thực hiện dưới góc độ tội phạm học thuộc chuyên ngành Tội phạm học và Phòng ngừa tội phạm;

- Về Điều luật, đề tài nghiên cứu tội cướp giật tài sản được quy định tại Điều 136 BLHS 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 (có liên hệ với Điều 171 của Bộ luật hình sự năm 2015);

- Phạm vi về không gian: Khảo sát tình hình tội cướp giật tài sản trên địa bàn quận Bình Tân.

- Phạm vi về thời gian khảo sát: Đề tài sử dụng chất liệu nghiên cứu từ năm 2011 đến năm 2015, bao gồm số liệu thống kê thường xuyên của Tòa án Quận và 129 bản án xét xử hình sự về tội cướp giật tài sản trên địa bàn quận Bình Tân.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận

Luận văn được nghiên cứu dựa trên phép biện chứng duy vật của Chủ nghĩa Mác – Lênin; tư tưởng Hồ Chí Minh; Các quan điểm, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước ta về các vấn đề của tội phạm học nói chung và Tình hình tội cướp giật tài sản nói riêng.

5.2. Phương pháp nghiên cứu cụ thể

- Phương pháp nghiên cứu tài liệu: Tác giả sưu tầm, hệ thống, nghiên cứu các văn bản pháp luật, các công trình nghiên cứu liên quan đến tình hình tội cướp giật tài sản.

- Phương pháp thống kê, phân tích số liệu: Từ các báo cáo tổng kết tình hình tội cướp giật tài sản trên địa bàn quận Bình Tân qua các năm từ 2011 đến 2015 bằng các phương pháp thống kê, phân tích số liệu, tác giả hệ thống thành các bảng phụ lục, trích dẫn.

- Phương pháp nghiên cứu điển hình: Tác giả khảo sát một số vụ án cướp giật tài sản trên địa bàn quận Bình Tân nhằm rút ra các đặc điểm.

- Phương pháp phỏng vấn: Tác giả trực tiếp trao đổi, phỏng vấn các chuyên gia pháp lý, Kiểm sát viên VKSND, thẩm phán TAND có các nghiên cứu khoa học và thực tiễn tình hình tội cướp giật tài sản.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

- Ý nghĩa lý luận: Kết quả nghiên cứu của luận văn góp phần làm phong phú hệ thống lý luận về tình hình tội cướp giật tài sản.

- Ý nghĩa thực tiễn: Những vấn đề đã đưa ra của luận văn có thể khai thác trong nghiên cứu, giảng dạy, biên soạn tài liệu về tình hình tội cướp giật tài sản. Luận văn là tài liệu tham khảo và vận dụng cho việc giảng dạy chuyên ngành Tội phạm học tại các cơ sở đào tạo pháp luật trên cả nước. Trên cơ sở đó, góp phần không ngừng hoàn thiện và nâng cao lý luận về phòng ngừa tình hình tội cướp giật tài sản.

7. Cơ cấu luận văn

Chương 1. Những vấn đề lý luận chung về tình hình tội cướp giật tài sản

Chương 2. Tình hình tội cướp giật tài sản trên địa bàn quận Bình Tân giai đoạn 2011-2015

Chương 3. Những vấn đề đặt ra đối với việc phòng ngừa tình hình tội cướp giật tài sản trên địa bàn quận Bình Tân

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ TÌNH HÌNH TỘI CƯỚP GIẶT TÀI SẢN

1.1. Khái niệm, bản chất, ý nghĩa của tình hình tội cướp giạt tài sản

1.1.1. Khái niệm tình hình tội cướp giạt tài sản

Trải qua hàng trăm năm phát triển, đặc biệt là khi có sự xuất hiện của triết học mác-xít, nhận thức về tình hình tội cướp giạt tài sản đã đạt đến mức độ hoàn chỉnh nhất định. Mức độ đó đã được tiếp thu và khái quát hóa trong lời định nghĩa: “Tình hình tội cướp giạt tài sản là một hiện tượng xã hội, pháp lý - hình sự được thay đổi về mặt lịch sử, mang tính chất giai cấp, bao gồm tổng thể thống nhất (hệ thống) các tội phạm thực hiện trong một xã hội (quốc gia) nhất định và trong một khoảng thời gian nhất định” [43, tr.58].

Trong lời định nghĩa vừa nêu rõ ràng bao hàm cả mặt bản chất, tức là quy luật của sự phạm tội và cả mặt biểu hiện của bản chất đó. Vì thế, lời định nghĩa đó chính là sự đúc kết của lịch sử, nên nó chỉ có thể được kế thừa và củng cố.

Để cho dễ hiểu hơn và đặc biệt là để “công cụ hóa” khái niệm trừu tượng và phức tạp này cho việc triển khai nghiên cứu thực tế tình hình tội cướp giạt tài sản ở Việt nam, khái niệm THTP đã được xác định: “Với tính cách là khách thể nghiên cứu cơ bản của tội phạm học, tình hình tội phạm được hiểu là hiện tượng tâm - sinh lý - xã hội tiêu cực, vừa có tính lịch sử và lịch sử cụ thể, vừa có tính pháp lý hình sự với hạt nhân là tính giai cấp, được biểu hiện bằng tổng thể các hành vi phạm tội đã xảy ra và các chủ thể đã thực hiện các hành vi đó trong một đơn vị hành chính - lãnh thổ nhất định và trong một đơn vị thời gian nhất định” [27, tr.7].

Như vậy, áp dụng cho trường hợp của đề tài, *tình hình tội cướp giạt tài sản* được định nghĩa như sau: “*Tình hình tội cướp giạt tài sản là hiện tượng tâm - sinh lý - xã hội tiêu cực, vừa có tính lịch sử và lịch sử cụ thể, vừa có tính pháp lý hình sự với hạt nhân là tính giai cấp, chủ thể đã thực hiện các hành vi đó trong một đơn vị hành chính - lãnh thổ nhất định được biểu hiện bằng tổng thể các hành vi phạm tội cướp giạt tài*

sản đã xảy ra và các chủ thể đã thực hiện các hành vi đó trong một đơn vị hành chính – lãnh thổ nhất định và trong một đơn vị thời gian nhất định” (2011-2015).

Trong định nghĩa này hàm chứa hai nội dung: bản chất và sự biểu hiện của bản chất. Cả hai nội dung này phải được kiểm nghiệm từ thực tiễn quận Bình Tân giai đoạn 2011-2015 thông qua việc phân tích bản chất và làm rõ các đặc điểm định lượng và định tính của THTP, tức là các thông số, gồm mức độ, diễn biến, cơ cấu và tính chất của tình hình tội cướp giật tài sản.

1.1.2. Bản chất của tình hình tội cướp giật tài sản

Ở đây có một sự điều chỉnh về cách dùng từ. Từ “Đặc điểm” mà GS.TS. Võ Khánh Vinh gợi ý cần làm rõ khi đề cập đến khái niệm THTP, thì ở đây và trong luận văn này được dùng là “Bản chất”. Và như vậy, khi nói đến bản chất của tình hình tội cướp giật tài sản, thì ở đây phải nói đến những bản chất cụ thể. Đó là: Bản chất xã hội, còn gọi là bản chất tâm-sinh lý-xã hội tiêu cực; Bản chất lịch sử và lịch sử cụ thể; Bản chất pháp lý hình sự; Bản chất phản ánh.

a)Về bản chất xã hội

Bản chất này bao hàm hai nội dung khoa học:

Một là, khi định nghĩa THTP là hiện tượng..., tức là không phải hành vi. BLHS lại định nghĩa, tội phạm là hành vi... Đây chính là một cặp phạm trù, tức là mối liên hệ mang tính quy luật. THTP là cái chung, chỉ có thể tồn tại ở những cái riêng – tội phạm. Không thừa nhận mối quan hệ này, thì nghiên cứu tội phạm học sẽ đi vào bế tắc về mặt lý luận;

Hai là, bản chất xã hội của THTP đề cập đến quy luật của sự phạm tội, tức là tội phạm xảy ra là kết quả (hậu quả) không mong đợi của sự tác động qua lại giữa những yếu tố tiêu cực của môi trường sống với những yếu tố tiêu cực thuộc chủ thể hành vi (người phạm tội) mà trong những hoàn cảnh, tình huống nhất định đã dẫn tới việc thực hiện một hành vi mà Luật hình sự quy định là tội phạm.

Bản chất này được làm rõ thông qua việc nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện của THTP trên một địa bàn hành chính – lãnh thổ nhất định (ở đây là quận Bình Tân) và trong một đơn vị thời gian nhất định. Việc nghiên cứu này, cho đến

nay, được tiến hành trên cơ sở của cơ chế hành vi phạm tội, thu hút được thành quả của những khoa học khác, những khoa học cần thiết cho nhận thức về hành vi xã hội và tâm lý con người;

b) Về bản chất lịch sử và lịch sử cụ thể

Bản chất này đề cập đến hai nội dung khác nhau, trong đó, bản chất lịch sử khẳng định, tội phạm, cũng như THPT chỉ xuất hiện trong xã hội loài người khi Nhà nước xuất hiện, tức là có điều kiện. Và vì thế nó cũng sẽ bị tiêu vong trong những điều kiện nhất định. Đây chính là cơ sở cho tính chính đáng của chiến lược phòng, chống tội phạm trên phạm vi quốc tế và quốc gia. Còn bản chất lịch sử cụ thể thì khẳng định về tính phụ thuộc của THPT vào tình hình phát triển kinh tế - xã hội ở mỗi thời điểm nghiên cứu và ở từng địa bàn nghiên cứu. Ở nước ta, THPT ở thời bao cấp khác rất nhiều so với THPT hiện nay. THPT cũng mỗi năm một khác. Chính vì vậy mà sự nghiên cứu THPT luôn luôn đặt ra và luôn luôn cần thiết đối với mỗi đơn vị hành chính – lãnh thổ.

c) Về bản chất pháp lý hình sự

Ở đây đề cập đến hai nội dung như sau:

Một là, THPT chỉ tồn tại trong những tội danh đã bị vi phạm trên thực tế do BLHS hiện hành quy định;

Hai là, sự quy định của pháp luật hình sự lại phụ thuộc vào ý chí của giai cấp cầm quyền, ở nước ta là Đảng Cộng sản Việt Nam, lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, Nhân dân lao động và của cả dân tộc.

Chính vì thế mà có thể khẳng định được rằng, THPT, ngoài bản chất là hiện tượng tâm lý-xã hội tiêu cực, lịch sử và lịch sử cụ thể, còn là hiện tượng do pháp luật hình sự quy định, tức là chịu sự chi phối của chính sách hình sự của Nhà nước mà trong đó tính giai cấp là một nội dung quan trọng.

Vì thế, mỗi một lần sửa đổi, bổ sung Bộ luật hình sự, đặc biệt là sự sửa đổi, bổ sung có liên quan đến việc tội phạm hóa, phi tội phạm hóa và hình sự hóa, phi hình sự hóa, đều dẫn đến sự thay đổi của THPT trên thực tế. Nếu nhìn nhận vấn đề

trong mối quan hệ giữa vật chất và ý thức, giữa tồn tại và tư duy, thì đây chính là sự biểu hiện rất rõ nét vai trò và khả năng của ý thức, của tư duy của con người (ý thức pháp luật của các nhà làm luật) đối với sự thay đổi, cải biến thế giới. Trong mối quan hệ biện chứng này, mặt quyết định luôn luôn là hiện thực của đời sống xã hội, mà trong đó có một bộ phận là hiện thực của THTP.

d) Về bản chất phản ánh

Với quan điểm rằng, THTP vốn thuộc thế giới vật chất, nên có thuộc tính phản ánh. Lời định nghĩa tình hình tội cướp giật tài sản đã nêu ở trên đã hàm chứa câu trả lời khái quát nhất. Nó phản ánh mặt tiêu cực, mặt hạn chế của đời sống xã hội trên nhiều lĩnh vực. Vì thế, kết quả nghiên cứu tội phạm học về THTP sẽ hỗ trợ đắc lực và thiết thực cho quá trình lành mạnh hóa xã hội, giảm trừ tiêu cực, tạo thuận lợi cho tích cực phát triển. Nội dung thứ hai của bản chất phản ánh được thể hiện rõ nhất trong lời định nghĩa đã nêu, tức là sự khẳng định rằng: “THTP được biểu hiện bằng tổng thể các hành vi phạm tội đã xảy ra và các chủ thể đã thực hiện các hành vi đó trong một đơn vị hành chính - lãnh thổ nhất định và trong một đơn vị thời gian nhất định”[43, tr.58]. Vấn đề này đã được tội phạm học đặc biệt quan tâm trong suốt chiều dài lịch sử phát triển của nó và đã được khái quát thành bốn thông số phản ánh về THTP, đều đã được thể hiện trong mọi giáo trình tội phạm học. Đó là mức độ, diễn biến, cơ cấu và tính chất của THTP. Những thông số này là nội dung bắt buộc phải được làm rõ đối với tình hình tội cướp giật tài sản trên địa bàn quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh.

1.1.3. Ý nghĩa của việc nghiên cứu tình hình tội cướp giật tài sản

a) Về mặt lý luận

Vấn đề đặt ra ở đây là, việc nghiên cứu tình hình tội cướp giật tài sản, mang lại giá trị lý luận gì cho tội phạm học? Vấn đề này đòi hỏi phải định vị được vị trí và vai trò của bản thân tình hình tội cướp giật tài sản trong hệ thống lý luận tội phạm học. Từ cuối những năm chín mươi của thế kỷ trước, GS.TS. Võ Khánh Vinh đã khẳng định rằng, trong khoa học tội phạm học, tình hình tội phạm là khái niệm cơ bản, cơ sở đầu tiên.” [43, tr.89]. Đó chính là ý nghĩa quan trọng nhất và cơ bản

nhất trong lý luận tội phạm học khách quan. Có những cơ sở sau để chứng minh cho điều khẳng định đó:

Thứ nhất, xét về mặt biện chứng, trong xã hội, nếu không có tội phạm, không có THPT, thì không có các khoa học pháp lý hình sự nói chung và tội phạm học, nói riêng. Điều này đã được C.Mác khẳng định;

Thứ hai, tính quyết định luận vừa nêu của THPT còn định vị vai trò của THPT trong hệ thống các tiêu chí mà nhờ nó, tội phạm học được thừa nhận là một khoa học độc lập, tức là tội phạm học có khách thể nghiên cứu riêng [31, tr28, 29]. Đó chính là THPT, chứa đựng đối tượng nghiên cứu của tội phạm học, tức là chứa đựng những thông tin cho biết về nguyên nhân và điều kiện của tội phạm, của THPT. Ngày nay, tội phạm học Việt Nam còn bổ sung thêm, THPT, nếu được nghiên cứu trong nhiều năm, còn là cơ sở để nhận biết tình hình tội cướp giật tài sản tiềm tàng, giữ vai trò là cơ sở trực tiếp cho việc thiết lập các biện pháp phòng ngừa ở nghĩa Ngăn chặn tội phạm;

Thứ ba, lý luận tội phạm học khẳng định rằng, quy luật của sự phạm tội là bản chất, là sự ổn định, nhưng những yếu tố tiêu cực của môi trường sống và của chủ thể hành vi, những yếu tố tham gia vào sự tương tác làm phát sinh THPT, thì luôn luôn thay đổi và mỗi nơi mỗi khác. Chính vì các lý do đó mà việc nghiên cứu THPT cướp giật tài sản là rất có ý nghĩa về mặt lý luận.

b) Về mặt thực tế

Công tác phòng , chống tội phạm luôn được Ủy ban nhân dân quan tâm và chỉ đạo thực hiện. Các giải pháp phòng ngừa tội phạm từng bước phát huy hiệu quả, trong đó thực hiện công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan, đơn vị; chú trọng thực hiện các biện pháp kiểm tra tăng cường công tác thanh tra trong các lĩnh vực;

Công tác tuyên truyền và quán triệt các chỉ thị, nghị quyết của Đảng , pháp luật Nhà nước về phòng, chống tội phạm được thực hiện nghiêm túc, góp phần nâng cao nhận thức, tư tưởng của cán bộ, Đảng viên, công chức, viên chức và quần chúng có nhiều chuyển biến tích cực trong công tác phòng, chống tội phạm; nhận

thức rõ tầm quan trọng của công tác phòng, chống tội phạm là nhiệm vụ trước mắt của Đảng và Nhà nước đề ra nên mỗi cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức đều ý thức trách nhiệm trong công tác phòng, chống tội phạm.

1.2. Tình hình tội cướp giật tài sản

1.2.1. Phân hiện của tình hình tội cướp giật tài sản

Phân hiện của tình hình tội cướp giật tài sản được nghiên cứu thông qua việc làm rõ các thông số sau đây:

1.2.1.1. Mức độ của tình hình tội cướp giật tài sản

a) Mức độ tổng quan

Mức độ của THPT là đặc điểm định lượng tiêu biểu, cho biết về toàn bộ số người phạm tội cùng số tội phạm do họ thực hiện trong giai đoạn 2011-2015. Ở mức độ tổng quan đặc điểm này được phản ánh trong số liệu cơ bản gồm:

- Tuyệt đối: Cho biết về toàn bộ số người phạm tội cùng số tội phạm do họ thực hiện trong giai đoạn 2011-2015. Đây là số liệu cơ bản hàng năm để phục vụ cho nghiên cứu tất cả các thông số khác còn lại như diễn biến, cơ cấu và tính chất của THPT.

- Tương đối: Mức độ tổng quan tương đối là chỉ số so sánh. Nó cho biết số bị cáo trên số dân hàng năm trên địa bàn tình và so sánh với tỷ lệ mức độ tổng quan tương đối của tình hình tội cướp giật tài sản trên toàn TP. Hồ Chí Minh, tỷ lệ vụ/ bị cáo, để đưa ra nhận xét về mức độ của THPT trong giai đoạn nghiên cứu.

b) Mức độ của tình hình tội cướp giật tài sản xét theo nhóm tội phạm (tính theo chương của Phần các tội phạm)

Số tổng sẽ được phân chia thành các nhóm như thế nào là bước tiếp theo của việc nghiên cứu mức độ của THPT. Trong luận văn này, việc phân định được tiến hành theo các nhóm tội phạm đã được quy định thành các Chương của Phần các tội phạm trong BLHS hiện hành và phân theo các nhóm tội từ ít nghiêm trọng đến rất nghiêm trọng đối với các bị cáo đã xét xử trong giai đoạn 2011-2015. Các nhóm này cần được xác lập để làm rõ tỷ phần của từng nhóm (tương đối và tuyệt đối), qua đó sẽ biết được khuynh hướng phạm tội cướp giật tài sản trên địa bàn tình. Đây

cũng là một đặc điểm định lượng khi có đối chứng so sánh với các tỉnh, huyện khác của TP. Hồ Chí Minh.

c) Mức độ của tình hình tội cướp giật tài sản tính theo đơn vị hành vi phạm tội

Đây là toàn bộ số tội danh đã được Tòa án nhân dân áp dụng để tuyên phạt các bị cáo trong giai đoạn 2011-2015. Ở mức độ này, việc nghiên cứu được thực hiện qua các hoạt động cụ thể sau:

- Xác định cơ số hành vi phạm tội trong giai đoạn nghiên cứu. So sánh với cơ số hành vi phạm tội trên Thành phố;
- Xác định danh mục tội danh có mức độ phạm tội cao hơn cả để định hướng phòng ngừa;
- So sánh danh mục tội danh có mức độ phạm tội cao hơn cả của giai đoạn hiện tại với các giai đoạn trước.

1.2.1.2. Diễn biến của tình hình tội cướp giật tài sản

Là một hiện tượng xã hội, tình hình tội cướp giật tài sản không thể không thay đổi, vận động. Điều quan trọng là cần theo dõi và nắm bắt được những thay đổi của tình hình phạm tội. Việc phân tích diễn biến của tình hình phạm tội trong một khoảng thời gian 5 năm nghiên cứu của luận văn có ý nghĩa rất quan trọng đối với việc định hướng cho các cơ quan chuyên trách đấu tranh với tình hình tội cướp giật tài sản trên địa bàn.

Căn cứ vào mức độ THTP sẽ có các mô tả tương ứng diễn biến của THTP, luận văn sẽ áp dụng phương pháp so sánh định gốc, phương pháp so sánh liên kế theo năm để đưa ra khuynh hướng diễn biến của THTP.

1.2.1.3. Cơ cấu của tình hình tội cướp giật tài sản

“Cơ cấu của tình hình tội phạm là tỷ trọng và mối tương quan của các loại tội phạm khác nhau trong số lượng chung của chúng trong một khoảng thời gian nhất định và ở một lãnh thổ (địa hình) nhất định”[28, tr.58]

Cơ cấu của THTP được tội phạm học xếp vào loại đặc điểm định tính tiêu biểu của THTP. Nó là tổng thể của các hệ thống cấu trúc bên trong của THTP, cho biết về kết cấu cũng như tỉ lệ tương quan giữa các kết cấu đó từ tổng quan đến chi

tiết, phản ánh về các mối liên hệ của THTP với các hiện tượng, quá trình kinh tế- xã hội khác. Vì thế nó giữ vai trò là cơ sở cho việc đánh giá tính chất của THTP và đặc biệt là cho việc xác định nguyên nhân và điều kiện của THTP.

Tình hình tội cướp giật tài sản có nhiều cơ cấu khác nhau, mỗi cơ cấu là một hệ thống đồng bộ bên trong của THTP.

Luận văn tập trung nghiên cứu các cơ cấu sau:

- Cơ cấu tính theo đơn vị hành chính-lãnh thổ (tỉnh, thành phố), cần áp dụng phương pháp xác định hệ đặc điểm chuyên biệt;

- Cơ cấu tính theo lĩnh vực phạm tội;

- Cơ cấu tính theo các nhóm tội phạm và so sánh;

- Cơ cấu tính theo chế tài đã được áp dụng;

- Cơ cấu tính theo thành phần nhân thân người phạm tội;

- Cơ cấu tính theo đặc điểm nhân thân người phạm tội:

+ Đặc điểm xã hội – nhân khẩu;

+ Đặc điểm đạo đức, tâm lý;

+ Đặc điểm pháp lý hình sự.

- Cơ cấu theo phương thức thực hiện tội phạm, bao gồm: Số bước thực hiện; Thời gian thực hiện tội phạm; Địa điểm thực hiện tội phạm; Công cụ, phương tiện thực hiện tội phạm; Đối tượng tác động của tội phạm; Thủ đoạn thực hiện tội phạm);

- Cơ cấu theo đặc điểm nhân thân nạn nhân của tội phạm:

+ Đặc điểm tự nhiên;

+ Đặc điểm xã hội.

1.2.1.4. Tính chất của tình hình tội cướp giật tài sản

“Tội phạm học xem tính chất của THTP cũng là một đặc điểm định tính của THTP. Nó phản ánh mức độ nguy hiểm, mức độ nghiêm trọng khác nhau của THTP ở từng thời gian và không gian khác nhau thông qua tương quan và tỉ lệ giữa các thành phần tạo nên cơ cấu của THTP, như tỉ lệ giữa tội nghiêm trọng và tội ít nghiêm trọng, tỉ lệ giữa số người phạm tội bị phạt tù và không bị phạt tù v.v...” [32,

tr.62]. Như vậy, tính chất của THTP chính là kết quả của sự đánh giá đối với mức độ, cơ cấu và diễn biến của THTP.

Luận văn sẽ tập trung nghiên cứu tính chất của THTP thông qua mức độ, cơ cấu và diễn biến của THTP trong 5 năm từ 2011 đến 2015.

1.2.2. Phần ẩn của tình hình tội cướp giật tài sản

1.2.2.1. Các tội phạm ẩn

Tình hình tội cướp giật tài sản không chỉ được phản ánh thông qua số liệu thống kê, cả thống kê thường xuyên, cả thống kê không thường xuyên, mà còn phải dựa vào việc đánh giá phần ẩn của THTP. Phần ẩn của tình hình tội cướp giật tài sản hay tội phạm ẩn là tổng thể các hành vi phạm tội (cùng các chủ thể của các hành vi đó) đã xảy ra trong thực tế, song không được phát hiện, không bị xử lý theo quy định của pháp luật hình sự hoặc không có trong thống kê hình sự[28,tr.42]. Chính vì vậy, để có số liệu về phần ẩn của tình hình tội cướp giật tài sản là hết sức khó khăn, muốn có số liệu về tội phạm ẩn người ta thường dùng các phương pháp thống kê gián tiếp qua số liệu đã bị phát hiện, qua thăm dò dư luận, qua điều tra xã hội học, điều tra về nạn nhân của tội phạm. Do đó, số liệu về tội phạm ẩn chỉ có giá trị tương đối. Qua nghiên cứu, tình hình tội cướp giật tài sản ẩn ở nước ta trong thời gian vừa qua và hiện nay còn tồn tại ba loại tội phạm ẩn khác nhau là: tội phạm ẩn tự nhiên, tội phạm ẩn nhân tạo và tội phạm ẩn thống kê. Những loại tội phạm ẩn này và các nguyên nhân ẩn cần phải được xem xét, đánh giá đối với THTP cướp giật tài sản .

1.2.2.2. Nguyên nhân của tội phạm ẩn

Qua nghiên cứu, phân tích, đối chiếu với phần hiện của tình hình tội cướp giật tài sản đã được thống kê, đồng thời trao đổi trực tiếp với nhiều điều tra viên , nhận thấy tội phạm ở mức độ ẩn lớn nhất xuất phát từ các nguyên nhân sau:

a) Đối với tội phạm ẩn khách quan

Là trường hợp tội phạm đã xảy ra trên thực tế nhưng bị rơi vào trạng thái ẩn khi nguồn thông tin về tội phạm không được chuyển đến cơ quan có thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự. Đối với loại tội phạm ẩn này, có các nguyên nhân sau đã được xác định:

Một là, xuất phát từ chủ thể thực hiện hành vi phạm tội. Kẻ phạm tội với đặc tính tâm lý chung là luôn luôn tìm cách che giấu tội phạm. Người phạm tội che giấu tội phạm ở cả giai đoạn chuẩn bị phạm tội, cả trong và sau khi phạm tội. Thủ phạm thường sử dụng phương thức, thủ đoạn gây án tinh vi, xảo quyệt nhằm che giấu tội phạm.

Hai là, xuất phát từ phía nạn nhân. Đây là một trong những nguyên nhân chủ yếu của tình hình tội cướp giết tài sản ẩn. Nạn nhân không tố giác tội phạm vì các lý do như: không tin tưởng cơ quan pháp luật, sợ mất thời gian khi phải đi tố giác tội phạm, người thực hiện hành vi phạm tội cũng có thể là người thân của nạn nhân nên không tố giác, nạn nhân sợ bị người phạm tội trả thù...

Ba là, xuất phát từ phía những người chứng kiến hành vi phạm tội. Cũng như nạn nhân, những người chứng kiến hành vi phạm tội sợ mất thời gian khi phải trình báo với cơ quan pháp luật do thủ tục tố tụng rất rườm rà phải đi lại nhiều lần, sợ người phạm tội trả thù... nên họ thờ ơ trước những vụ việc mà mình chứng kiến.

Bốn là, xuất phát từ phía các cơ quan bảo vệ pháp luật. Đó là công tác phát hiện, điều tra, xử lý tội trộm cắp tài sản của các cơ quan chức năng còn hạn chế, thiếu sót nên tội cướp giết tài sản tồn tại nhiều trên thực tế nhưng không được phát hiện, xử lý.

b) Đối với tội phạm ẩn chủ quan

Từ khi nguồn thông tin về tội phạm được chính thức tiếp nhận, thụ lý, tức là quá trình giải quyết vụ án theo thủ tục tố tụng hình sự được chính thức vận hành, hành vi phạm tội vẫn rơi vào trạng thái ẩn vì hai lý do cơ bản:

Một là, các cơ quan chức năng không khởi tố vụ án hoặc sử dụng các lý do theo luật định để đình chỉ hoặc tạm đình chỉ điều tra vụ án rồi không phục hồi điều tra;

Hai là, sự thiếu sót, hạn chế của cơ quan bảo vệ pháp luật trong việc phát hiện, điều tra, xử lý tội phạm đã để sót, lọt tội phạm.

c) Đối với tội phạm ẩn thống kê

Về thực chất đây cũng là một dạng của tội phạm ản chủ quan, nó chính là việc những tội phạm đã được xử lý hình sự nhưng lọt ra ngoài số liệu thống kê chính thức mặc dù công tác thống kê đã được áp dụng đúng quy định pháp luật, hay nói cách khác ản thống kê là do quy định về cách thức thống kê tội phạm còn hạn chế, chưa hoàn chỉnh và phải khẳng định rằng đây không phải là sai số thống kê.

Như vậy, lý do tồn tại tội phạm ản thống kê nằm trong phạm vi công tác thống kê tội phạm, song không phải nằm ở chủ thể tiến hành công việc thống kê, mà nằm ở những quy định có tính chất pháp lý đối với công tác thống kê tội phạm. Nói một cách khái quát hơn, tội phạm ản thống kê có tồn tại hay không tồn tại phụ thuộc vào khả năng của công tác thống kê ở mọi nước, có đếm được hết và ghi chép được hết số tội phạm và người phạm tội đã được các cơ quan tư pháp hình sự xử lý hay không.

1.3. Những yếu tố tác động đến tình hình tội cướp giật tài sản

1.3.1. Những yếu tố tiêu cực khách quan

a) Những yếu tố tiêu cực thuộc môi trường gia đình

Vai trò của gia đình rất quan trọng trong sự phát triển của con người, hình thành nhân cách của một con người. Lúc mới sinh ra tất cả trẻ em được bố mẹ nuôi dưỡng trong tổ ấm gia đình, đến tuổi trưởng thành mới hoà nhập vào cộng đồng xã hội. Tổ ấm gia đình là môi trường văn hoá, được tạo dựng trên cơ sở tình thương yêu, đùm bọc lẫn nhau của những người ruột thịt. Đó là môi trường trẻ được chăm sóc, nuôi dạy an toàn và thoả mãn được các nhu cầu thích hợp cho trẻ phát triển toàn diện. Với môi trường như vậy, trẻ có được cảm giác an toàn, giúp trẻ yên tâm, vui vẻ hồn nhiên, mạnh dạn thăm dò, thử nghiệm, tìm cách tác động lên sự vật, học hành. Nó phát huy được tiềm năng về cơ thể, tâm lý đang sinh sôi nảy nở. Ngược lại, môi trường thiếu nuôi dưỡng, thiếu tình thương, đe nẹt, xung đột, bạo lực thì trẻ không có được cảm giác an toàn, luôn lo sợ làm cho trẻ co mình lại, giảm linh hoạt, tăng thụ động và dẫn đến thụ động, nghi ngờ cuộc sống, buồn chán, các chuẩn mực xã hội bị phá vỡ. Như vậy, sự phát triển về sức khoẻ tâm thần bị cản trở, lệch lạc hình thành nên những tội phạm về sau này.

Lứa tuổi dưới 18 tuổi chịu ảnh hưởng bởi các cảm nghĩ và các mối quan hệ của cha mẹ đối với con cái, và đối với người khác. Cha mẹ là những biểu mẫu về người đàn ông, người đàn bà, người chồng người vợ, người mẹ người cha, nên trẻ có xu hướng phát triển giống cha mẹ mình hơn. Trẻ học cách ứng xử, quan hệ với mọi người, với xã hội giống như cha mẹ chúng bộc lộ trong đời sống hàng ngày. Trẻ thường rất nhạy cảm với tình cảm của cha mẹ với chúng và giữa cha mẹ với nhau, vì vậy đôi khi chỉ một lời chỉ trích bóng gió đã gây tác hại đối với cảm xúc mạnh liệt của trẻ, làm trẻ bị tổn thương, nếu không nắm được tâm lý trẻ sẽ dẫn đến tâm lý của trẻ bị lệch lạc.

Các bậc cha mẹ thường có những tình cảm hai mặt trước sự trưởng thành của con cái, họ có cả cảm giác mát mát khi trẻ có xu hướng tách ra khỏi cha mẹ để hướng vào xã hội, bên cạnh là cảm giác yêu thương và trách nhiệm đối với con. Cha mẹ cần phải nhìn thấu đáo về việc tạo ra cơ hội cho sự trưởng thành của vị thành niên, tuy nhiên những vấn đề đó có thể có các tác hại, nên cần phải biết khi nào thì cho phép trẻ được làm theo ý muốn và khi nào thì phải chỉ bảo và răn đe.

b) Những yếu tố tiêu cực thuộc môi trường nhà trường

Là một môi trường cho trẻ tiếp nhận phát triển tri thức, hình thành phát triển nhân cách. Sự giáo dục không hợp lý, áp đặt, quá tải, thiếu khuyến khích hoặc hạn chế tính năng độc lập của trẻ, đều sai qui luật phát triển của chúng. Điều đó sẽ hạn chế năng lực sinh học và tính hứng thú, sáng tạo, cống hiến, giáo dục trẻ có nhân cách đầy đủ.

Môi trường giáo dục còn tạo môi trường sống, học tập lành mạnh, hình thành nhân cách đầy đủ, có tri thức để nhận thức được điều đúng sai, không bị lôi kéo phạm pháp.

Theo số liệu của Ban chỉ đạo đề án IV “Đấu tranh phòng chống tội phạm xâm hại trẻ em và tội phạm trong lứa tuổi chưa thành niên”, thì trong vòng 6 năm (2010 - 2015), trên cả nước đã phát hiện 63.600 vụ án hình sự do trẻ vị thành niên gây ra, với 94.300 đối tượng là trẻ vị thành niên phạm tội, tăng gần 4.300 vụ án so với 6 năm trước đó (2004 - 2010). Nghĩa là tính từ năm 2010 đến năm 2015, bình

quân mỗi năm có trên 10.000 vụ án, với hơn 15.000 đối tượng là trẻ vị thành niên phạm tội. Bình quân mỗi ngày xảy ra trên 30 vụ án với gần 40 đối tượng. Con số này cũng tương đương với số vụ tai nạn giao thông và số người chết vì tai nạn giao thông hàng năm và hàng ngày. Quả là những con số khủng khiếp, khiến cả những người vô cảm nhất cũng phải rùng mình. Tội phạm do trẻ vị thành niên gây ra chủ yếu là các tội: Trộm cắp tài sản; Cố ý gây thương tích; Gây rối trật tự công cộng; Cướp tài sản; Cướp gạt tài sản; Đánh bạc; Hiếp dâm; cưỡng dâm; Cưỡng đoạt tài sản; Giết người... Với mỗi vụ án, hầu hết những tội phạm vị thành niên đều phạm cùng một lúc nhiều tội danh. Trong đó có những vụ án đặc biệt nghiêm trọng, với những đối tượng vị thành niên phạm tội đặc biệt nghiêm trọng, như vụ Lê Văn Luyện sát hại cả 1 gia đình (giết 3 người và gây thương tích cho 1 người), cướp số tài sản trị giá hơn 1 tỷ đồng của tiệm vàng Ngọc Bích ở Bắc Giang; vụ Lý Nguyễn Chung giết người, cướp tài sản cũng ở Bắc Giang (chính vụ án này đã gây ra nỗi oan 10 năm tù cho ông Nguyễn Thanh Chấn). Khủng khiếp hơn là những vụ cháu giết ông bà, con giết cha hay giết mẹ... Và càng khủng khiếp hơn nữa là càng ngày, số tội phạm vị thành niên càng trẻ hóa. Trong tổng số 94.300 tội phạm vị thành niên nói trên, số trẻ dưới 14 tuổi phạm tội chiếm tới 13%, trẻ từ 14 đến 16 tuổi phạm tội chiếm tới 34,7%. Nếu như Lê Văn Luyện lạnh lùng sát hại liền một lúc 3 người khi chỉ còn kém vài tháng nữa là đầy 18 tuổi, thì sau đó Võ Nhật Trường ở thôn Trung Hậu, xã Mỹ Chánh Tây, huyện Phù Mỹ, Bình Định, giết bà nội mình là cụ Trần Thị Vân (83 tuổi) để cướp 700 ngàn khi Trường chưa đầy 16 tuổi. Nông Văn Công ở xã Ngọc Đường, TP Hà Giang, tỉnh Hà Giang giết mẹ đẻ là bà Lưu Thị Linh để cướp 2,8 triệu đồng và một sợi dây chuyền bạc khi hắn đang là học sinh lớp 9 của trường phổ thông THCS xã Ngọc Đường. Mông Thế Xương ở xã Yên Hòa, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An đã giết người để cướp tài sản khi Xương mới 14 tuổi 7 tháng....

c) Những yếu tố tiêu cực thuộc môi trường nhóm (bạn bè; nơi làm việc):

Bạn bè cũng có ảnh hưởng vô cùng quan trọng trong việc hình thành các đặc điểm nhân thân xấu. Có thể nói bạn bè, nhất là những bạn bè cùng trang lứa do

những đặc điểm về tâm sinh lí lứa tuổi, có ảnh hưởng vô cùng lớn đến các quan điểm, quan niệm, nhận thức lối sống, thậm chí đến thói quen, cách cư xử của con người. Kết bạn với những người bạn xấu, những đứa trẻ rất dễ nhiễm những thói hư, tật xấu của bạn bè như lười học, đua đòi, chơi bời, hưởng thụ, coi trọng đồng tiền, coi thường các giá trị con người, các giá trị đạo đức, các chuẩn mực pháp luật... hay thậm chí nghiện hút, bỏ học, tụ tập thành các băng nhóm phạm tội.

Những hoạt động vui chơi giải trí không lành mạnh cũng có tác động rất lớn đến sự hình thành các đặc điểm nhân thân xấu. Đặc biệt những trò chơi bạo lực, tình dục làm hình thành những thói quen bạo lực, sự coi thường giá trị con người, coi thường chuẩn mực đạo đức, sự dâm dăng, háo sắc... Rượu bia và các chất kích thích cũng là một trong những yếu tố rất quan trọng trong việc tác động đến suy nghĩ, nhận thức của con người để hình thành những đặc điểm nhân thân xấu. Sử dụng rượu bia và các chất kích thích trước hết sẽ tạo ra sự phụ thuộc của người đó vào các chất kích thích. Khi đó, con người sẽ tìm mọi cách để thoả mãn kể cả những cách thức vi phạm pháp luật như trộm cắp, lừa đảo, cướp giật, giết người, lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản... Mặt khác khi sử dụng các chất kích thích, con người trở nên thích thể hiện hơn, hung hãn hơn, liều mạng hơn, dễ bị kích động hơn, dễ gây gổ hơn... thậm chí không còn khả năng kiểm soát được hành vi của mình. Sử dụng thường xuyên và lâu dài rượu bia và các chất kích thích sẽ dẫn đến sự tổn hại về thần kinh, sự tổn hại về tâm lí, sức khỏe, không còn minh mẫn, do đó dễ nảy sinh những quan điểm, quan niệm tiêu cực, bế tắc trong cuộc sống, dễ thúc đẩy con người thực hiện các hành vi phạm tội. Mọi quan hệ đồng nghiệp cũng có ảnh hưởng đến sự hình thành một số đặc điểm nhân thân xấu của con người. Một tập thể mất đoàn kết, thường xuyên đố kị, ganh ghét, tìm mọi cách làm mất uy tín, danh dự, làm hại lẫn nhau sẽ làm phát sinh các đặc điểm nhân thân xấu như: Sự ghen ghét, thù hận... và trong những tình huống tiêu cực cụ thể sẽ dễ dàng làm phát sinh hành vi phạm tội.

d) Những yếu tố tiêu cực thuộc môi trường xã hội vĩ mô với nhà nước là chủ thể quản lý

Tội phạm là hiện tượng tiêu cực của xã hội, phát sinh tồn tại và phát triển trong lòng xã hội, luôn gắn liền với điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội trong những giai đoạn lịch sử nhất định. Vì vậy, nguyên nhân và điều kiện làm phát sinh tình hình tội cướp giết tài sản cũng luôn gắn liền với những yếu tố bất cập, yếu tố tiêu cực của tình hình xã hội.

Đến năm 2015, Việt Nam đã chuyển đổi cơ bản sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Điều kiện kinh tế - xã hội ở Bình Tân cũng có những điểm chung với các điều kiện kinh tế - xã hội của cả nước, tình hình chính trị - xã hội ổn định, đời sống nhân dân đã được cải thiện đáng kể, bình quân thu nhập đầu người đạt 26,9 triệu đồng/năm. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu nhất định về kinh tế, Bình Tân vẫn còn tồn tại những yếu tố tiêu cực như: trình độ khoa học, công nghệ, năng suất lao động thấp, đầu tư của Nhà nước vào các lĩnh vực hiệu quả chưa cao, việc quy hoạch và thực hiện các chủ trương chính sách thúc đẩy phát triển kinh tế chưa đồng bộ, tổng sản phẩm trong tỉnh (GDP) tăng bình quân hàng năm 9,35% nhưng cơ cấu kinh tế nói chung và cơ cấu kinh tế nông nghiệp nông thôn chuyển dịch chậm, kém phát triển, chưa tạo được bước đột phá, tỷ lệ lao động nông nghiệp còn cao khoảng 67%, khoảng 30% thời gian lao động chưa được sử dụng ở nông thôn, tỷ lệ thất nghiệp còn cao ở mức 2,21%, tỷ lệ hộ nghèo còn ở mức cao là 19,30%.

Những yếu tố tiêu cực của tình hình kinh tế - xã hội là nguyên nhân và điều kiện đã tác động đến nhóm người nhất định làm nảy sinh ở họ ý thức mong muốn phạm tội. Những nguyên nhân và điều kiện đó là:

Thứ nhất, tình trạng nghèo đói, khó khăn là một trong các nhân tố tác động hình thành các tệ nạn xã hội. Trong cơ chế thị trường, sự phân hóa giàu nghèo ngày càng rõ rệt, sự phân hóa giàu nghèo trong xã hội là yếu tố tác động mạnh mẽ làm nảy sinh ý thức tiêu cực của con người. Trong hoàn cảnh túng quẫn dễ nảy sinh những tư tưởng tâm lý tiêu cực, liều lĩnh, làm mọi việc, kể cả phạm tội để có tiền, có tài sản, nhằm thỏa mãn nhu cầu thiết yếu về vật chất của con người. Mặc dù không phải mọi người khó khăn về kinh tế đều nảy sinh ý định phạm tội, nhưng

hoàn cảnh kinh tế thiếu thôn luôn tiềm ẩn nguy cơ dễ thúc đẩy con người thực hiện hành vi phạm tội.

Thứ hai, tình trạng thiếu việc làm của một bộ phận không nhỏ người dân ở các đô thị và nông thôn là một trong các nguyên nhân và điều kiện phát sinh tội phạm. Trong giai đoạn 2010-2015, tuy đạt được những thành tựu đáng kể, tốc độ phát triển kinh tế ổn định. Song, tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị và thiếu việc làm ở nông thôn còn ở mức cao. Theo niên giám thống kê qua các năm, thì tỷ lệ thất nghiệp của năm 2010 là 2,24% và năm 2014 là 2,21%. Số việc làm được tạo ra hàng năm không đáp ứng đủ số lao động tăng cơ học theo đà tăng dân số. Do vậy, lượng lao động không có việc làm ngày càng tăng. Thiếu việc làm là một trong những nhân tố tác động làm phát sinh những tiêu cực trong xã hội và dễ dẫn đến con đường phạm tội, nhất là các tội phạm có tính chất chiếm đoạt. Qua khảo sát 256 bản án xét xử 302 vụ khác nhau với 398 người phạm tội thì có tới 106 người phạm tội không có việc làm, chiếm tỷ lệ 26,88%. Như vậy, tỷ lệ người không có việc làm phạm tội là tương đối cao.

Thứ ba, bên cạnh những mặt tích cực về đời sống kinh tế - xã hội được cải thiện nhưng cũng nhiều tệ nạn xã hội phát sinh và từ những tệ nạn này đã kéo theo một bộ phận không nhỏ các đối tượng thực hiện hành vi phạm tội. Thời gian gần đây, tình hình kinh tế - xã hội của đã có những bước tiến nhảy vọt, song bên cạnh đó cũng có nhiều yếu tố tiêu cực phát sinh như mại dâm, ma túy, đánh bạc... Tâm lý hưởng thụ, ăn chơi sa đọa đã làm cho một bộ phận thanh, thiếu niên sa ngã vào các tệ nạn xã hội và khi không có tiền, những đối tượng này tìm mọi cách để có tiền, kể cả việc phạm tội.

d.1. Do tồn tại xã hội:

Nguyên nhân khách quan chủ yếu của THTP những yếu tố môi trường, xã hội ngoài tầm kiểm soát của con người, của nhà nước, như khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế thế giới tác động đến đời sống kinh tế xã hội ở nước ta, yếu tố địa lý, tự nhiên... Nhưng nguyên nhân chủ quan ở đây là do bản thân chủ thể nhà nước trong hoạt động tổ chức và quản lý xã hội. Dù nhà nước không mong muốn. Đó là

những sai sót, yếu kém, ngộ nhận hoặc thiếu trách nhiệm trong quá trình quản lý toàn bộ các mặt của đời sống xã hội của Nhà nước từ kinh tế, văn hóa, giáo dục, đào tạo, nhà cửa, đất đai, tiền bạc, tài nguyên.... Và cả việc phòng và chống tội phạm, nội dung rộng lớn và bao gồm các khâu:

- Xác định mục đích quản lý, từ mục đích bao trùm đối với toàn xã hội cho đến mục đích đối với từng vấn đề riêng biệt như đánh bạc, mại dâm v.v. ở từng giai đoạn phát triển của đất nước;

- Xác định cơ chế quản lý (đối với toàn bộ nền kinh tế, đối với từng lĩnh vực, từng đối tượng quản lý v.v.);

- Thiết lập các quyết định quản lý mà hình thức biểu hiện cơ bản là những văn bản quy phạm pháp luật và cả những văn bản hành chính điều hành;

- Tổ chức thực hiện các quyết định quản lý trên các lĩnh vực của đời sống xã hội;

- Hoạt động kiểm tra, giám sát việc thực hiện.

d.2. Do hạn chế của Nhà nước trong các khâu quản lý trên các lĩnh vực

- Chính trị: Nhóm nguyên nhân này và điều kiện này phản ánh những mâu thuẫn về lợi ích chính trị của các giai cấp, các tầng lớp khác nhau trong xã hội, nó thể hiện sự xung đột các hệ tư tưởng, các loại học thuyết và chủ nghĩa trong xã hội. Đây là nhóm nguyên nhân, điều kiện làm phát sinh nhiều nhóm tội, loại tội phạm khác nhau, nhưng tác động trực tiếp nhất đến nhóm tội phạm về an ninh quốc gia, các tội phạm xâm phạm trật tự an toàn xã hội.

Chính sách phá hoại về nhiều mặt của các thế lực phản động ngày càng tinh vi, xảo quyệt hơn. Lợi dụng các chiêu bài dân chủ, nhân quyền, tự do ngôn luận, tự do tín ngưỡng, các thế lực thù địch không ngừng xuyên tạc, can thiệp trắng trợn vào nội bộ của nhà nước, Đảng, làm mất an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, kích thích các mâu thuẫn chính trị phát triển. Các tổ chức phản động của người Việt lưu vong vẫn không ngừng lôi kéo, dụ dỗ, mua chuộc, kích động hành vi chống phá, gây chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc ở trong và ngoài nước. Ở loại tội phạm chính trị chưa xảy ra trong 5 năm luận văn nghiên cứu.

- Kinh tế: Kinh tế thị trường đang được hình thành và phát triển dưới sự thúc đẩy của tiến trình phát triển hiện đại của nền kinh tế toàn cầu. Khung pháp lý cơ bản làm tiền đề cho sự phát triển của nền kinh tế thị trường đã dần hoàn thiện nhưng việc thể chế hoá các quan hệ sở hữu và phân phối còn chưa hoàn toàn thoát khỏi những dấu ấn của thời bao cấp, vì vậy không những chưa thực sự giải phóng hết các năng lực sản xuất mà còn tạo ra sự trì trệ trong phát triển, phát sinh nhiều tiêu cực trong các hoạt động quản lý kinh tế. - Các yếu tố thị trường và các loại thị trường còn chưa được phát triển đồng bộ. Đất đai, sức lao động, khoa học công nghệ... chưa được xem là hàng hoá, nên thị trường sức lao động, đất đai và khoa học công nghệ... chưa được xác lập và vận hành theo nguyên lý của nền kinh tế thị trường, trình độ quản lý kinh tế rất thấp. Điều đó đã gây cản trở cho sự phát triển của nền kinh tế cũng như dễ làm phát sinh tiêu cực. Kinh tế thị trường nước ta còn chưa thực sự có được nền tảng vững chắc. Các chủ thể kinh doanh còn ở trình độ phát triển thấp, năng suất, hiệu quả và sức cạnh tranh thấp, chưa thực sự năng động, chưa phát huy hết nội lực. Nền kinh tế còn thiếu những tổ chức kinh tế mạnh có thể tạo ra những chuỗi sản phẩm thương hiệu toàn cầu, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển của toàn bộ nền kinh tế. Nền kinh tế thị trường nước ta mặc dù mới đang trong giai đoạn hình thành và phát triển nhưng lại được xây dựng theo khuôn mẫu kinh tế thị trường hiện đại của thế giới: Kinh tế thị trường có sự quản lý, điều tiết của Nhà nước. Nhà nước vừa là chủ thể kinh tế công vừa là chủ thể quản lý, điều tiết nền kinh tế. Điều này vừa tạo thuận lợi giúp chúng ta nhanh chóng đạt được trình độ của nền kinh tế thị trường phát triển nhưng đồng thời cũng tạo sức ép cho nền kinh tế bởi khi mà trình độ quản lý kinh tế còn quá thấp, không tương xứng với trình độ phát triển của nền kinh tế sẽ tạo ra nhiều kẽ hở làm phát sinh tiêu cực. Xuất phát từ những đặc điểm đặc trưng của nền kinh tế thị trường nước ta, bên cạnh những thành quả kinh tế quan trọng đã đạt được, nền kinh tế thị trường cũng ảnh hưởng đáng kể đến tình hình tội cướp giật tài sản.

- Văn hóa: phản ánh những mâu thuẫn về lợi ích chính trị của các tầng lớp giai cấp khác. Thể hiện sự xung đột của các học thuyết, hệ tư tưởng, chủ nghĩa.

- Xã hội: thể hiện sự xung đột và mâu thuẫn của các loại trào lưu, giá trị văn hóa, phong tục tập quán, thói quen sở thích và thị hiếu của một bộ phận dân cư không phù hợp với chuẩn mực xã hội hiện đại.

- Quản lý Nhà nước: có thể nói rằng cơ chế tập trung quan liêu bao cấp đã làm cho hoạt động của các cơ quan hành chính Nhà nước mang tính chất hành chính tập trung hóa cao độ, với cơ chế thị trường thì các sơ hở, thiếu sót trong quản lý nhà nước cũng đã bộc lộ.

Đây chính là một trong số những nguyên nhân dẫn đến tội phạm phát sinh và tồn tại. Những hạn chế trong việc quản lý thể hiện ở các lĩnh vực:

- Hạn chế trong quản lý kinh tế: dẫn đến tội phạm kinh tế, tham nhũng và kéo theo một số tội phạm khác.

- Hiệu lực, hiệu quả quản lý của các cơ quan nhà nước chưa cao. Năng lực, phẩm chất của một số cán bộ, công chức trong tình chưa đáp ứng được yêu cầu, nhất là thái độ ứng xử cửa quyền, vô cảm. Chất lượng ban hành văn bản, quy định hành chính vẫn còn hạn chế. Một số quy định còn bất cập, thiếu tính khả thi, chưa sát thực tế gây bức xúc trong nhân dân. Cải cách hành chính còn chậm, kết quả chưa rõ rệt, tình trạng khiếu kiện, nhất là khiếu kiện đông người về đất đai còn diễn biến phức tạp. Một số vụ việc xử lý chưa tốt, gây bức xúc, bị kẻ xấu lợi dụng. Quá trình tái cơ cấu kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng tiến triển chậm. Để khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, tập trung cho các công trình trọng điểm theo chủ trương tái cơ cấu đầu tư công, một số công trình, dự án đã đầu tư nhưng phải ngừng hoặc điều chuyển vốn nên ảnh hưởng đến hiệu quả của các công trình dự án này. Việc sắp xếp cổ phần hóa, thoái vốn đầu tư ngoài lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính của doanh nghiệp nhà nước chưa đạt tiến độ. Việc tái cơ cấu các tổ chức tín dụng, xử lý nợ xấu đã được triển khai tích cực nhưng phát huy kết quả còn chậm, chủ trương cơ chế chính sách hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh tuy sớm được ban hành nhưng việc hướng dẫn cụ thể, tổ chức triển khai còn chậm nên không ít trường hợp không đi vào cuộc sống. Sản xuất kinh doanh còn nhiều khó khăn; sức mua của thị trường còn yếu, một số mặt hàng tồn kho vẫn còn khá cao; khả năng cạnh

tranh của nhiều sản phẩm còn thấp. Số doanh nghiệp giải thể, ngừng hoạt động còn lớn, số đăng ký mới thấp, nợ xấu tuy được kiểm soát nhưng vẫn còn cao, doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn còn nhiều khó khăn. Cân đối ngân sách nhà nước khó khăn, tiến độ thu ngân sách chậm và đạt thấp. Đầu tư từ khu vực tư nhân trong nước còn hạn chế.

1.3.2. Những yếu tố tiêu cực chủ quan

Ở đây có 2 nội dung cần nói đến:

- Những tiêu cực thuộc ý thức cá nhân:

Một là, cá nhân không có đủ các phẩm chất tâm lý – sinh lý mà vai trò xã hội của họ đòi hỏi. Từ đó, hình thành ở cá nhân những đặc điểm tâm lý tiêu cực như : chán nản, chây lười, thụ động trong công việc.

Hai là, cá nhân có thái độ tiêu cực đối với vai trò xã hội của bản thân. Chẳng hạn, một người làm y, nhưng anh ta không có thái độ y đức cần thiết. Hệ quả là anh ta đã lợi dụng nghề nghiệp để lừa đảo, hoặc có thái độ vô trách nhiệm với người bệnh do đó chính là biểu hiện lệch lạc trong tâm lý cá nhân.

Ba là, cá nhân không tích cực, không tự giác tiếp thu kinh nghiệm xã hội. Chính sự thiếu hụt kiến thức dẫn đến sự lệch lạc trong nhận thức, thái độ và hình thành những đặc điểm tiêu cực ở cá nhân.

Bốn là, trong kinh nghiệm mà cá nhân tiếp thu có những khiếm khuyết, lệch lạc nhất định.

Năm là, cá nhân chỉ quan tâm tiếp thu những kinh nghiệm mà nhờ đó có thể thỏa mãn nhu cầu của bản thân.

- Những biểu hiện tiêu cực trong lối sống cá nhân (sống gấp, ăn chơi, đua đòi, nghiện bia rượu, cờ bạc, ma túy, lười lao động, thích hưởng thụ).

Không những quan hệ giữa con người với nhau trên thị trường bị đồng tiền chi phối, mà cả những quan hệ trong gia đình cũng bị sức mạnh của đồng tiền làm băng hoại. Vì sự cám dỗ của đồng tiền mà người ta sẵn sàng để cho người thân của mình bán rẻ nhân phẩm, tiếp tay cho các tệ nạn xã hội. Vì đồng tiền mà con cái hành hung cha mẹ, anh em từ bỏ nhau, vợ chồng ly tán... các quan hệ trong gia đình

bị đảo lộn. Chính sự rối loạn trong quan hệ gia đình là một trong những nguyên nhân làm cho yếu tố tiêu cực phát triển có điều kiện phát triển.

Đặc biệt là trong giới sinh viên, đã nảy sinh xu hướng quan tâm nhiều đến lợi ích kinh tế của cá nhân, điều đó được biểu hiện trong việc chọn ngành nghề để làm giàu hoặc có quyền lực. Khi tốt nghiệp ra trường, phần lớn trong số họ không muốn làm việc ở các cơ quan của tổ chức Đảng, đoàn thể, giáo dục... "Thập nạn" trong sinh viên hiện nay, như tiêu cực trong thi cử, cờ bạc, quan hệ tình dục phóng túng, mê tín dị đoan, uống rượu say, nghiện hút, cầm quán, trộm cướp, ham mê văn hoá phẩm đồi trụy, vô kỷ luật, mất trật tự vệ sinh, đua đòi, chạy theo lối sống tiêu dùng cho thấy, thực trạng đạo đức sinh viên đang đặt ra nhiều vấn đề cần phải nghiên cứu, giải quyết.

Ngoài xã hội đã xuất hiện những cách sống và lối sống xa lạ, trái với thuần phong mỹ tục của dân tộc. Một bộ phận trong các tầng lớp nhân dân, các thành phần xã hội khi mưu cầu lợi ích cá nhân đã chà đạp lên những khuôn mẫu, những giá trị đạo đức truyền thống. Nạn tham nhũng, buôn lậu, làm giàu bất chính và các tệ nạn xã hội khác đang phát triển. Đặc biệt, "một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên thiếu tu dưỡng bản thân, phai nhạt lý tưởng, mất cảnh giác, giảm sút ý chí, kém ý thức tổ chức kỷ luật, sa đọa về đạo đức và lối sống. Thực tế cho thấy rằng, những năm gần đây, số vụ buôn lậu, buôn bán ma tuý, làm hàng giả được phát hiện ngày càng tăng. Một bộ phận trong lớp trẻ hiện nay có xu hướng chạy theo lối sống thực dụng, buông thả, sùng bái đồng tiền, quay lưng lại với các giá trị văn hoá truyền thống, đạo đức truyền thống. Trái với truyền thống coi trọng tình nhân ái của dân tộc ta, một bộ phận trong nhân dân, chủ yếu là lớp trẻ, vị thành niên đã và đang sa vào cuộc sống bạo lực, phi nhân tính. Tình hình tội cướp giật tài sản hình sự ở Việt Nam trong quá trình chuyển sang nền kinh tế thị trường đang ở mức khá nghiêm trọng so với trước. Một loạt tội danh mới nguy hiểm đã xuất hiện, như khủng bố cá nhân, tống tiền, bắt cóc trẻ em, buôn bán phụ nữ, buôn bán chất nổ, chất ma tuý với số lượng lớn, tổ chức đâm thuê chém mướn, môi giới mại dâm, xì

ke ma tuý. Tình hình phụ nữ phạm tội và các vụ phạm tội do người chưa thành niên thực hiện có chiều hướng gia tăng.

1.4. Mối quan hệ giữa tình hình tội cướp giật tài sản với nhân thân người phạm tội

Từ những công trình tội phạm học đã công bố, cho phép rút ra những mối quan hệ sau đây giữa THPT với nhân thân người phạm tội:

Dưới góc độ tội phạm học, nhân thân người phạm tội là hình ảnh có thể nhận thức được thông qua tổng thể các đặc điểm về tự nhiên, xã hội và pháp lý hình sự, bao hàm cả đặc điểm về hành vi phạm tội của chủ thể đã thực hiện hành vi phạm tội đó trên một địa bàn và thời gian nhất định, tức là những đặc điểm chứa đựng những thông tin về nguyên nhân và điều kiện của sự phạm tội. Trong trường hợp của đề tài đang nói ở đây là sự phạm tội cướp giật tài sản trên địa bàn quận Bình Tân.

Thứ nhất, như đã trình bày ở mục 1.2. và mục 1.3., nhân thân người phạm tội là một bộ phận không thể tách rời của THPT. Vì thế, khái niệm nhân thân người phạm tội trong tội phạm học cũng có biểu hiện giống như khái niệm THPT, tức là nhân thân người phạm tội với tính cách là cá nhân (cái riêng) và nhân thân người phạm tội với tính cách là hiện tượng (cái chung). Nhân thân người phạm tội với tính cách là hiện tượng được gọi là tình hình nhân thân người phạm tội. Đây chính là “bộ mặt” tổng quan của THPT xét theo nhân thân người phạm tội. Nó được khái quát từ những đặc điểm của tổng thể những người phạm tội (bị can, bị cáo) trong một đơn vị thời gian và không gian nhất định. Điều này có nghĩa rằng, có tình hình nhân thân người phạm tội ở một quốc gia, ở một đơn vị hành chính cấp tỉnh và cấp huyện...

Thứ hai, “Nhân thân người phạm tội là một bộ phận cấu thành tất yếu và rất quan trọng của cơ chế hành vi tội phạm...” [43, tr.34,35]. Kết luận này cho thấy rõ sự khác nhau giữa khoa học luật hình sự và tội phạm học trong quan niệm về nhân thân người phạm tội. Khoa học Luật hình sự khai thác nhân thân người phạm tội để tìm kiếm những đặc điểm, những yếu tố có ý nghĩa, có giá trị thiết thực cho việc thực hiện chính sách hình sự của Nhà nước ta, đặc biệt là để giải quyết đúng đắn vấn đề trách nhiệm hình sự. Còn tội phạm học cũng khai thác những đặc điểm,

những yếu tố nhân thân người phạm tội nhưng để trả lời câu hỏi tại sao con người đó lại phạm tội, đặc điểm nào, yếu tố nào đã dẫn dắt đến sự phạm tội của người đó, tức là tìm nguyên nhân của tội phạm để phòng ngừa. Chính vì mục đích của tội phạm học bao trùm như vậy, cho nên hệ thống các đặc điểm, các yếu tố thuộc nhân thân người phạm tội ở lĩnh vực tội phạm học phải bao trùm hơn, rộng hơn những gì mà khoa học Luật hình sự đã khai thác. Và những đặc điểm, những yếu tố này không bắt buộc phải có hình thức pháp lý, tức là phải có sẵn trong Luật hình sự, nhưng phải có mối liên hệ dẫn dắt tới sự phạm tội của chủ thể hành vi. Với cách nhìn nhận như vậy, khái niệm nhân thân người phạm tội dưới góc độ tội phạm học cần phải được hiểu một cách “công cụ hóa”, tức là có thể nghiên cứu được trên thực tế như sau [29, tr 10-17]:

+ Ở mức độ chung, nhân thân của một người nào đó là hình ảnh có thể nhận thức được thông qua tổng thể các đặc điểm về mặt tự nhiên, xã hội và hành vi xã hội của chủ thể đã thực hiện hành vi đó ở một địa bàn và thời gian nhất định;

+ Ở mức độ riêng, nhân thân người phạm tội là hình ảnh có thể nhận thức được thông qua tổng thể các đặc điểm về tự nhiên, xã hội và hành vi phạm tội của chủ thể đã thực hiện hành vi đó trên một địa bàn và thời gian nhất định, tức là những đặc điểm chứa đựng những thông tin về nguyên nhân và điều kiện của sự phạm tội.

Như vậy, vấn đề biện chứng và hàm chứa giá trị khả thi của khái niệm nhân thân nói chung và nhân thân người phạm tội nói riêng chính là mối quan hệ giữa hình ảnh và đặc điểm. Hình ảnh càng rõ khi những đặc điểm càng được mô tả đầy đủ và chuyên biệt theo nhân thân cần nghiên cứu.

Kết luận chương 1

Chương 1 của luận văn đã phân tích và làm rõ lý luận về tình hình tội phạm nói chung và tình hình tội cướp giật tài sản nói riêng. Trong đó chỉ ra bản chất của tình hình tội cướp giật tài sản bao gồm: Bản chất xã hội, Bản chất lịch sử và lịch sử cụ thể của THTP. Từ những phân tích trên đi đến kết luận về ý nghĩa lý luận và thực tiễn của việc nghiên cứu vấn đề tình hình tội phạm nói chung và tình hình tội cướp giật nói riêng như sau: Về lý luận tội phạm học, khẳng định quy luật của sự phạm

tội là bản chất, là sự ổn định, nhưng những yếu tố tiêu cực của môi trường sống và của chủ thể hành vi, những yếu tố tham gia vào sự tương tác làm phát sinh THTP, thì luôn luôn thay đổi và mỗi nơi mỗi khác. Chính vì các lý do đó mà việc nghiên cứu THTP là rất có ý nghĩa; về mặt thực tiễn, nghiên cứu tình hình tội phạm là căn cứ quan trọng để đề ra các giải pháp đấu tranh phòng ngừa tình hình tội phạm. Ngoài ra, Chương 1 luận văn phân tích các yếu tố tác động tới tình hình tội cướp giết tài sản và mối quan hệ giữa tình hình tội phạm với nhân thân người phạm tội; đây là những nội dung lý luận quan trọng, cần được làm rõ, là tiền đề để trình bày thực tiễn tình hình tội cướp giết tài sản trên địa bàn quận Bình Tân trong Chương 2 của luận văn.

Chương 2

TÌNH HÌNH TỘI CƯỚP GIẬT TÀI SẢN TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN BÌNH TÂN GIAI ĐOẠN 2011-2015

Trong những năm vừa qua được sự quan tâm của cấp ủy Đảng và chính quyền địa phương, được sự tham gia đông đảo của quần chúng nhân dân, các cơ quan bảo vệ pháp luật đã tích cực áp dụng các biện pháp phòng, chống vi phạm và tội phạm, nên một thực tế khái quát về tình hình tội phạm và tình hình tội cướp giật tài sản trong giai đoạn 2011-2015 đã đạt được là: Tình hình tội phạm trên địa bàn quận Bình Tân diễn ra theo xu hướng giảm, còn riêng tình hình tội cướp giật tài sản lại diễn ra theo chiều ngược lại. Bảng 2.1. (phần phụ lục) minh họa cho điều khái quát này.

Dưới góc độ của tội phạm học khách quan, tình hình tội cướp giật tài sản trên địa bàn quận Bình Tân giai đoạn 2011-2015 được xem là một chỉnh thể mà sự nhận thức của con người chỉ có thể tiệm tiến đến chỉnh thể đó. Vì thế, ở mọi thời điểm của nhận thức, chỉnh thể này luôn có hai phần: Phần hiện và phần ẩn.

2.1. Phần hiện của tình hình tội cướp giật tài sản

Từ kết quả đấu tranh phòng ngừa tình hình tội cướp giật tài sản được đánh giá thực trạng phản ánh qua thông số về tổng số vụ vi phạm hình sự và tổng số người phạm tội cướp giật tài sản được đưa ra xét xử sơ thẩm trên địa bàn quận Bình Tân trong hơn 5 năm qua như sau:

2.1.1. Mức độ của tình hình tội cướp giật tài sản

Luận văn nghiên cứu trên ba mức độ, đó là mức độ tổng quan, mức độ nhóm và mức độ hành vi.

2.1.1.1 Mức độ tổng quan

Quá trình nghiên cứu đã sử dụng số liệu thống kê thường xuyên của Tòa án nhân dân quận Bình Tân cùng 129 bản án xét xử sơ thẩm hình sự đối với 379 bị cáo về tội cướp giật tài sản trong giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2015 để làm chất liệu nghiên cứu. Ngoài ra luận văn cũng sử dụng số liệu thống kê thường xuyên của Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân và Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh

để làm số liệu so sánh, tức là, mức độ tổng quan phải được làm rõ theo hai khía cạnh, mức độ tổng quan tuyệt đối và mức độ tổng quan tương đối.

a. Mức độ tổng quan tuyệt đối

Mức độ này thể hiện bằng số nguyên và cho biết hàng năm có bao nhiêu vụ và bị cáo phạm tội cướp giật tài sản ở quận Bình Tân. Bảng 2.2. – Bảng mức độ tổng quan tuyệt đối của tình hình tội cướp giật tài sản trên địa bàn quận Bình Tân (phần phụ lục) phản ánh nội dung này và là số liệu cơ sở để thực hiện các bước phân tích và so sánh tiếp theo.

b. Mức độ tổng quan tương đối

Mức độ tổng quan tương đối, tức là so sánh ở dạng %. Vì mức độ tổng quan tuyệt đối của tình hình tội cướp giật tài sản như đã trình bày chỉ có giá trị đánh giá là cao hay thấp khi nó được chuyển thành số tương đối để so sánh với THPT về xâm phạm sở hữu cũng như với THPT chung ở quận Bình Tân. Kết quả % này được tội phạm học gọi là tỷ lệ tội cướp giật tài sản trong THPT ở quận Bình Tân. Tỷ lệ này, cũng như cơ số tội phạm và mật độ tội phạm, đều là những chỉ số khái quát của THPT.

Xem Bảng 2.3. (phần phụ lục) sau cho thấy tỷ lệ tội cướp giật tài sản trong THPT về xâm phạm sở hữu ở quận Bình Tân giai đoạn 2011-2015 là 21,7% về số vụ. Trong đó năm 2015 có tỷ lệ số vụ cao nhất là 25%, và năm 2011 có tỷ lệ số vụ thấp nhất là 16,8%.

Bảng 2.4. (phần phụ lục) dưới đây cho thấy thống kê tỷ lệ tội cướp giật tài sản trong THPT ở quận Bình Tân giai đoạn 2011-2015 là 4,62% về số vụ và 9,44% về số bị cáo. Trong đó năm 2015 có tỷ lệ số vụ cao nhất là 5,83%, tỷ lệ số bị cáo là 10,712% và năm 2011 có tỷ lệ số vụ thấp nhất là 3,54%, tỷ lệ bị cáo là 6,8%. Như đã nói ở trên, tỷ lệ này là nhỏ và đây là đặc điểm đặc biệt và bao trùm nhất của tình hình tội cướp giật tài sản ở quận Bình Tân.

c. Mức độ tổng quan so sánh

Để có thể đánh giá tỷ lệ vừa được làm rõ ở trên là cao hay thấp, mức độ tổng quan cần phải được so sánh ở các phạm vi khác nhau mà đề tài có số liệu đối chứng. Ở đây, việc so sánh được thực hiện trên phạm vi toàn thành phố.

Việc so sánh này được thực hiện bằng Bảng 2.5. (phần phụ lục). Như vậy, Bảng thống kê sau cho thấy mức độ của tình hình tội cướp giật tài sản ở quận Bình Tân là trung bình so với mức độ tình hình tội cướp giật tài sản của 24 quận huyện trên phạm vi toàn Tp. Hồ Chí Minh. Thông qua những số liệu trên chúng ta cần tìm kiếm những giải pháp, biện pháp đấu tranh phòng chống có hiệu quả tội cướp giật tài sản trên địa bàn quận Bình Tân và cân nhắc khả năng phản ánh thực trạng, động thái của tình hình tội phạm để từ đó xác định cơ cấu của tội cướp giật tài sản qua các biểu hiện về hình thức, phương pháp qui mô thực hiện tội phạm ... để ngăn ngừa có hiệu quả.

So sánh với một số quận huyện giáp ranh và có đặc điểm tương đồng. Bảng 2.6. (phần phụ lục) dưới đây cho thấy tình hình tội cướp giật tài sản trên địa bàn quận Bình Tân có số vụ án và số bị cáo thấp hơn quận 6, quận 8, quận 12. Tuy nhiên tỷ lệ số vụ và số bị cáo của tội cướp giật tài sản trong cơ cấu các tội xâm phạm sở hữu lại cao hơn so với các quận kể trên.

2.1.1.2 Mức độ nhóm của tình hình tội cướp giật tài sản

Mức độ nhóm của THTP là cơ sở để xác định mức độ và khuynh hướng phạm tội của từng nhóm tội phạm. Áp dụng lý thuyết phân nhóm đối với tình hình tội cướp giật tài sản trên địa bàn quận Bình Tân thì kết quả phải là mức độ tổng quan đã được trình bày ở trên được chia tiếp theo hệ thống nào: Theo các hành vi xâm phạm sở hữu được quy định tại BLHS 1999, theo đơn vị hành chính - lãnh thổ, theo phương thức thực hiện tội phạm (một bước, hai bước hay ba bước), hoặc theo hệ thống giới tính, hoặc dân tộc, tôn giáo v.v... Đó cũng chính là mức độ trong cơ cấu. Do vậy, để tránh trùng lặp, mức độ nhóm sẽ được làm rõ thông qua việc nghiên cứu cơ cấu của tình hình tội cướp giật tài sản ở địa bàn quận Bình Tân.

2.1.1.3 Mức độ hành vi cướp giật tài sản trong nhóm các tội phạm về xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt

Do BLHS năm 1999 hiện hành quy các hành vi phạm tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt khác nhau và trên thực tế chúng có mức độ vi phạm khác nhau, nên cần phải được làm rõ.

Xem bảng 2.7. (phần phụ lục) cho thấy tỉ trọng, tương quan giữa tội cướp giật tài sản với một số tội xâm phạm sở hữu thường xảy ra có tính chất chiếm đoạt trong 5 năm từ năm 2011 đến 2015, tội cướp giật tài sản so với tội cướp tài sản: nhiều gấp 6,45 lần số lượng vụ án và nhiều gấp 15,8 lần số bị cáo; so với tội cưỡng đoạt tài sản: nhiều gấp 9,9 lần số lượng vụ án và nhiều gấp 23,7 lần số bị cáo; so với tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản: nhiều gấp 1,1 lần số lượng vụ án và nhiều gấp 3,05 lần số bị cáo.

Ngoài các tội xâm phạm sở hữu nói trên một số tội phạm khác cùng Chương XVI, các tội như: Tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản, tội chiếm giữ trái phép tài sản, tội sử dụng trái phép tài sản... những tội này trong 05 năm từ 2011 – 2015, trên địa bàn quận Bình Tân không xảy ra hoặc có xảy ra nhưng chỉ có 1-2 vụ, không đưa vào so sánh với tội cướp giật tài sản để làm rõ cơ cấu tình hình tội phạm. Qua tỉ trọng so sánh giữa tội cướp giật tài sản với một số tội phạm về xâm phạm sở hữu thuộc cùng một nhóm tội xảy ra trong 5 năm qua trên địa bàn quận Bình Tân cho thấy tội cướp giật tài sản xếp thứ hai về số vụ và xếp thứ nhất về số bị cáo, điều đó cho thấy đây là loại tội phạm cần được CQĐT, VKSND, TAND tập trung đấu tranh triệt phá để góp phần giữ gìn an ninh trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ tài sản của Nhà nước, của tổ chức và công dân.

2.1.2. Diễn biến của tình hình tội cướp giật tài sản

Thứ nhất, diễn biến tình hình khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử tội cướp giật tài sản tại Bảng 2.8. (phần phụ lục).

- Năm 2011 CQĐT đã tiếp nhận 42 tố giác, tin báo tội phạm về hành vi cướp giật tài sản do bị hại hoặc gia đình bị hại cung cấp; đã tiến hành khởi tố 22 vụ/ 64 bị can; còn lại 20 vụ chưa được phát hiện, xử lý. VKSND truy tố 22 vụ/ 64 bị can. TAND đã đưa ra xét xử 22 vụ/ 61 bị cáo.

- Năm 2012 CQĐT đã tiếp nhận 58 tố giác, tin báo tội phạm về hành vi cướp giật tài sản do bị hại hoặc gia đình bị hại cung cấp; đã tiến hành khởi tố 27 vụ/ 86 bị can; còn lại 31 vụ chưa được phát hiện, xử lý. VKSND truy tố 27 vụ/ 86 bị can. TAND đã đưa ra xét xử 26 vụ/ 83 bị cáo.

- Năm 2013 CQĐT đã tiếp nhận 47 tố giác, tin báo tội phạm về hành vi cướp giật tài sản do bị hại hoặc gia đình bị hại cung cấp; đã tiến hành khởi tố 29 vụ/ 88 bị can; còn lại 28 vụ chưa được phát hiện, xử lý. VKSND truy tố 29 vụ/88 bị can, còn lại 1 vụ/ 3 bị can chuyển sang năm 2014. TAND đã đưa ra xét xử 28 vụ/ 85 bị cáo.

- Năm 2014 CQĐT đã tiếp nhận 34 tố giác, tin báo tội phạm về hành vi cướp giật tài sản do bị hại hoặc gia đình bị hại cung cấp; đã tiến hành khởi tố 30 vụ/ 87 bị can; còn lại 8 vụ chưa được phát hiện, xử lý. VKSND truy tố 30 vụ/ 87 bị can. TAND đã đưa ra xét xử 29 vụ/ 84 bị cáo, còn lại 1 vụ/ 2 bị cáo chuyển sang năm 2015.

- Năm 2015 CQĐT đã tiếp nhận 32 tố giác, tin báo tội phạm về hành vi cướp giật tài sản do bị hại hoặc gia đình bị hại cung cấp; đã tiến hành khởi tố 25 vụ/ 69 bị can; còn lại 7 vụ chưa được phát hiện, xử lý. VKSND truy tố 25 vụ/ 69 bị can. TAND đã đưa ra xét xử 24 vụ/ 66 bị cáo.

Thứ hai, về thiệt hại tài sản do tội cướp giật tài sản gây ra cụ thể như sau:

Đối tượng của tội cướp giật tài sản mà các đối tượng nhắm tới là tiền, các tài sản có giá trị. Theo số liệu thống kê tổng kết 5 năm của TAND quận Bình Tân, từ năm 2011 đến 2015 trên địa bàn toàn quận đã xét xử 129 vụ án cướp giật tài sản gây ra hậu quả cụ thể là:

+ Dây chuyền vàng, bạc, bạch kim: 87 dây trong đó, thông qua việc tiếp nhận từ quần chúng nhân dân thu được được khi vây bắt quả tang đối tượng phạm tội; qua phục kích bắt giữ tại nơi tiêu thụ tài sản, khám xét 46 dây chuyền các loại. Số tài sản này sau khi xác định được nạn nhân và xác lập xong chứng cứ đã trả lại người bị hại; 41 dây chuyền đã bị các đối tượng tiêu thụ, đánh mất trên đường tẩu thoát với số tiền thiệt hại theo khai báo là 255.400.000 đồng.

+ Điện thoại: 24 chiếc, trong đó CQĐT thu giữ được 5 chiếc trả lại cho người bị hại, còn lại 19 chiếc đã bị các đối tượng phạm tội tiêu thụ với số thiệt hại theo khai báo của người bị hại khoảng 30 370 000 đồng.

+ Tiền mặt: Theo khai báo của bị hại đã bị các đối tượng chiếm đoạt 75 830 000 đồng, trong đó trả lại cho người bị hại 15 820 000, còn lại 60 010 000 đã bị các đối tượng phạm tội tiêu dùng hết.

Như vậy, trong 5 năm qua, các đối tượng phạm tội đã cướp giật 87 dây chuyền các loại, 24 điện thoại di động và 75 830 000 đồng tiền mặt. CQĐT đã phát hiện, thu giữ được 46 dây chuyền các loại; 5 điện thoại di động các loại và 15 820 000 trả lại cho người bị hại. Số tài sản tính ra tiền cùng với số tiền bị chiếm đoạt tổng cộng 395 810 000 đồng.

Ngoài ra, các đối tượng phạm tội còn tiêu hủy nhiều đồ vật, túi xách, giấy chứng minh nhân dân, giấy phép lái xe, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là những đồ vật, giấy tờ không tính ra tiền nhưng gây ra nhiều khó khăn, bức xúc trong đi lại, học tập, làm việc cho người bị hại. Đặc biệt trong số 129 vụ án cướp giật tài sản xảy ra trên địa bàn quận Bình Tân có 8 vụ gây ra tai nạn cho người bị hại và gây hư hỏng tài sản của họ với số tiền yêu cầu bồi thường là 33.650.000 đồng.

2.1.3. Cơ cấu của tình hình tội cướp giật tài sản

Con số về số lượng 129 vụ án/379 bị cáo phạm tội cướp giật tài sản đã bị xét xử sơ thẩm hình sự trên địa bàn quận Bình Tân trong 5 năm qua như đã nêu ở trên mới chỉ phản ánh đặc điểm về số lượng, quy mô hay nói cách khác đều là những dấu hiệu bên ngoài mà chưa cho chúng ta biết được những đặc điểm hình sự đặc trưng về chất bên trong. Vì vậy, để nhận biết các đặc điểm về chất của tình hình tội cướp giật tài sản xảy ra trên địa bàn quận Bình Tân cần phải đi sâu phân tích, nghiên cứu cơ cấu của tình hình phạm tội của loại tội phạm này.

- Cơ cấu theo địa bàn phạm tội

Xem bảng 2.9. (phần phụ lục) cho thấy các vụ án xảy ra chủ yếu ở các phường có nhiều đường phố buôn bán sầm uất, nhiều chợ, có nhiều cửa hàng kinh doanh điện thoại, vàng bạc, tiếp giáp với nhiều địa bàn quận, huyện khác... là điều kiện thuận lợi để tội phạm thực hiện hành vi cướp giật tài sản. Từ năm 2011 đến 2015 trên địa bàn quận Bình Tân, phường Bình Hưng Hòa xảy ra nhiều vụ cướp giật tài sản. Đây là nơi các con nghiện thường lui tới sử dụng trái phép chất ma túy. Các con nghiện này sau khi không còn tiền để mua ma túy sẽ dễ nảy sinh vấn đề đi phạm tội.

- Cơ cấu về trình độ học vấn của người phạm tội cướp giật

Bảng 2.10. (phần phụ lục) cho thấy người phạm tội cướp giật tài sản chủ yếu có trình độ tiểu học và trung học cơ sở với 304/379 bị cáo, chiếm 80,21%. Do có trình độ văn hóa thấp nên khả năng nhận thức về pháp luật và các vấn đề xã hội của các đối tượng này bị hạn chế, do vậy nếu họ bị tác động bởi những yếu tố tiêu cực trong môi trường sống sẽ dễ dẫn đến thực hiện hành vi phạm tội cướp giật tài sản.

- Cơ cấu về nghề nghiệp của người phạm tội cướp giật

Xem bảng 2.11. (phần phụ lục), đa số người phạm tội cướp giật tài sản là những người không có nghề nghiệp hoặc nghề nghiệp không ổn định. Theo đó, số lượng bị cáo có nghề nghiệp là 38 bị cáo, chiếm tỷ lệ 10,03%; số bị cáo không có nghề nghiệp hoặc công việc không ổn định chiếm 89,97%, tương đương với 341 bị cáo. Những đối tượng này do không có nghề nghiệp hoặc nghề nghiệp không ổn định nên đời sống khó khăn và dễ phạm tội cướp giật tài sản nhằm kiếm tiền thỏa mãn nhu cầu một cách nhanh chóng.

- Cơ cấu về các đặc điểm tiền án, tiền sự

Xem bảng 2.12. (phần phụ lục), trong 5 năm từ năm 2011 đến năm 2015, số bị cáo phạm tội cướp giật tài sản thì đa số là phạm tội lần đầu với 295 bị cáo chiếm 77,84%. Tuy vậy số lượng bị cáo từng có tiền án, tiền sự đặc biệt là từng có tiền án về tội cướp giật tài sản nay lại phạm tội vẫn chiếm tỷ lệ khá cao, có 84 bị cáo thuộc trường hợp tái phạm, tái phạm nguy hiểm chiếm 22,16%. Đây cũng là một vấn đề cần quan tâm trong việc đưa ra biện pháp phòng ngừa liên quan đến công tác giáo dục, tái hòa nhập cộng đồng đối với những trường hợp mãn hạn tù, người được hưởng án treo trở về địa phương sinh sống, giúp họ tái hòa nhập cộng đồng một cách nhanh chóng, ổn định tránh phạm tội trở lại.

- Cơ cấu về nơi cư trú của người phạm tội cướp giật

Bảng 2.13. (phần phụ lục) cho thấy số bị cáo cư trú tại các địa phương khác là 212/379 chiếm tỷ lệ 55,94%, bị cáo cư trú tại quận Bình Tân là 118/379 bị cáo chiếm 31,13%, còn lại là không có chỗ cư trú nhất định chiếm tỷ lệ 12,93%. Nguyên nhân dẫn đến tình hình này do tốc độ phát triển kinh tế nhanh chóng tại quận Bình Tân đã làm cho một số lượng lớn lao động nhập cư vào sinh sống và làm

việc tại địa bàn quận, làm cho tình hình ANTT phức tạp, tội cướp giật tài sản do người nhập cư thực hiện vì thế cũng chiếm tỷ lệ rất lớn.

- Cơ cấu về theo độ tuổi và giới tính của người phạm tội cướp giật (Bảng 2.14.)

Tỷ trọng tội phạm do người chưa thành niên phạm tội cướp giật tài sản, trong tổng số 129 vụ/379 bị cáo có 17 vụ/19 bị cáo; chiếm 13,18% số vụ, 5,01% bị cáo. Nghiên cứu số liệu trên cho thấy người chưa thành niên phạm tội cướp giật tài sản xảy ra không nhiều với lý do còn ở tuổi đi học, ở cùng gia đình có bố mẹ. Tuy nhiên đây cũng là tình trạng đáng lo ngại đòi hỏi các cơ quan trực tiếp đấu tranh bảo vệ pháp luật cần phối hợp với Nhà trường, gia đình tuyên truyền giáo dục, ý thức chấp hành pháp luật để các em không sa ngã vào con đường phạm tội. Số bị cáo phạm tội cướp giật tài sản từ 18 tuổi đến dưới 30 tuổi chiếm tỷ lệ cao nhất 79,42% trong tổng số bị cáo phạm tội cướp giật tài sản. Điều này cũng phù hợp vì ở lứa tuổi mới va chạm với cuộc sống, do bắt đầu yêu đương, thích khẳng định bản thân, ... họ có nhu cầu vật chất cao lại lười lao động nên dễ thực hiện hành vi phạm tội cướp giật.

Tỷ trọng về giới tính. trong tổng số 129 vụ/379 bị cáo phạm tội cướp giật tài sản có 4 vụ/4 bị cáo; Chiếm 3,1% số vụ, 1,06% số bị cáo là nữ giới tuổi thanh niên tham gia thực hiện phạm tội. Qua số liệu thống kê cho thấy số đối tượng là nữ giới thực hiện tội cướp giật tài sản đều ở tuổi thanh niên mới lớn do đua đòi, ăn chơi tráng táng dễ bị lôi kéo vào con đường phạm tội.

- Cơ cấu của tình hình tội cướp giật tài sản theo thời gian gây án

Xem xét thời gian gây án của 129 vụ án cướp giật tài sản (Bảng 2.15.) cho thấy, thời gian các đối tượng thực hiện hành vi phạm tội cướp giật tài sản phần lớn trong khoảng từ 12 giờ đến 24 giờ với 95/129 vụ án chiếm 73,64%. Trong khi đó thời gian buổi sáng nhất là từ 0-6 giờ là thời gian tội phạm ít thực hiện hành vi cướp giật tài sản nhất. Điều này cũng phù hợp với tính chất của tội cướp giật tài sản, vì trong khoảng thời gian từ 12 giờ đến 24 giờ là thời điểm người đi lại đông đúc, lực lượng chức năng công an ít tuần tra kiểm soát nên dễ dàng thực hiện hành vi phạm tội, ngược lại thời gian buổi sáng đường sá vắng vẻ, lực lượng tuần tra canh gác ban đêm được tăng cường vì thế các đối tượng phạm tội cướp giật tài sản ít hoạt động.

- Cơ cấu theo đặc điểm nhân thân nạn nhân của tội phạm

Trong tổng số 129 nạn nhân, có 95 nạn nhân là phụ nữ, chiếm tỷ lệ 73,64% và có 34 nạn nhân là nam giới, chiếm tỷ lệ 26,36%. Nguyên nhân dẫn đến tình trạng đa số nạn nhân là phụ nữ trong các vụ cướp giật tài sản vì phụ nữ thường mang trên người nhiều tài sản có giá trị như: bông tai, dây chuyền, điện thoại, túi xách... khi tham gia giao thông nhưng không có biện pháp phòng ngừa tội phạm. Mặt khác khi bị cướp giật, phụ nữ thường có phản ứng chậm và tâm lý hoảng loạn, nên khó có khả năng truy đuổi hoặc hô hoán cho người dân xung quanh kịp thời.

- Cơ cấu theo dân tộc

Trong 379 bị cáo thì chỉ có 04 bị cáo là người dân tộc Hoa và dân tộc thiểu số, chiếm tỷ lệ 1,06% là rất nhỏ. Như vậy có thể thấy trong cơ cấu dân tộc, số người phạm tội cướp giật tài sản chủ yếu là người dân tộc Kinh.

2.1.4. Tính chất của tình hình tội cướp giật tài sản

Tính chất của thực tiễn tình hình tội phạm phần hiện của tội cướp giật tài sản trên địa bàn quận Bình Tân thể hiện trên nhiều phương diện khác nhau của tội phạm như: Tính tổ chức, quy mô của tội phạm; Phương thức, thủ đoạn; Nhân thân của các đối tượng phạm tội, hậu quả nguy hiểm do hành vi phạm tội gây ra cho xã hội...

- Về tính tổ chức và quy mô của tội phạm. Trong tổng số 129 vụ/379 bị cáo phạm tội cướp giật tài sản xảy ra trên địa bàn quận Bình Tân trong 5 năm kể từ năm 2011-2015 hình thức tổ chức, quy mô của tội phạm (Bảng 2.16. – phần phụ lục) cụ thể như sau:

- + 20 vụ/1 bị cáo thực hiện (20 bị cáo); Chiếm 15,50% số vụ, 5,27% số bị cáo;
- + 21 vụ/2 bị cáo thực hiện (42 bị cáo); Chiếm 16,27% số vụ, 11,08% số bị cáo;
- + 36 vụ/3 bị cáo thực hiện (108 bị cáo); Chiếm 27,90% số vụ, 28,50 % số bị cáo;
- + 51 vụ/4 bị cáo thực hiện (204 bị cáo); Chiếm 39,53% số vụ, 53,82 % số bị cáo;
- + 1 vụ/5 bị cáo thực hiện (5 bị cáo); Chiếm 0,77% số vụ, 1,32% số bị cáo.

Từ số liệu thống kê cho thấy, đa số tội cướp giật tài sản xảy ra trên địa bàn quận Bình Tân trong 5 năm qua là có đồng phạm, thậm chí là có 5 người cùng tham gia thực hiện tội phạm. Trong số các vụ án đồng phạm tuy không có sự cấu kết chặt chẽ với

nhau nhưng đều có sự bàn bạc thống nhất từ giai đoạn chuẩn bị phạm tội, có kế hoạch phân công rõ ràng người tổ chức, người thực hành...; Tội phạm hoạt động theo kiểu băng nhóm có sự liên kết giữa các đối tượng trong quận Bình Tân với các đối tượng ở các địa phương khác lân cận để dễ dàng che dấu tội phạm gây khó khăn cho công tác điều tra. Nghiên cứu tính tổ chức, quy mô của tội cướp giật tài sản có ý nghĩa quan trọng trong công tác điều tra, truy tố, xét xử nói chung và công tác hồi cung bị cáo trong các vụ án có đồng phạm nói riêng nhằm bảo đảm phân hóa đối tượng phạm tội ngay từ đầu để buộc chúng phải khai ra những người đồng phạm khác.

- Phương thức, thủ đoạn thực hiện tội phạm được thể hiện toàn bộ hay từng phần bị chi phối bởi những yếu tố chủ quan hay khách quan, kết hợp với việc sử dụng công cụ, phương tiện gây án nhằm đạt được mục đích phạm tội đã đề ra. Phương thức, thủ đoạn phạm tội của tội cướp giật tài sản trên địa bàn quận Bình Tân được biểu hiện cụ thể như sau:

+ Giai đoạn chuẩn bị phạm tội: Một trong những dấu hiệu pháp lý đặc trưng của tội cướp giật tài sản là “công khai và nhanh chóng” chiếm đoạt tài sản của người khác do đó ở giai đoạn này các đối tượng phạm tội thường chuẩn bị phương tiện gây án thường là xe máy; Các đồ vật dùng để hành hung tẩu thoát khi bị phát hiện như giao, kiếm, nỏ cao su, ớt bột,... đồng thời lên kế hoạch thực hiện như thời gian nào, địa điểm ở đâu, ai thực hành, ai cầm lái, ai can địa...

+ Giai đoạn gây án: Các đối tượng thường dành một thời gian nhất định để theo dõi người có tài sản đến một địa điểm nhất định, theo kế hoạch đã phân công nhanh chóng giật tài sản và tẩu thoát. Do có sự phân công, chuẩn bị từ trước, nên giai đoạn gây án thường diễn ra nhanh chóng, liều lĩnh, nếu có hành vi chống đối của người bị hại như đuổi theo kêu cứu thì nhanh chóng tìm đường tẩu thoát, có trường hợp có dùng các đối tượng khác cản trở gây khó khăn cho người truy bắt, đánh lạc hướng người truy bắt...

+ Giai đoạn sau khi thực hiện hành vi phạm tội: Để che dấu hành vi phạm tội thông thường sau khi gây án, các đối tượng chạy trốn về nhiều hướng khác nhau sau

đó liên lạc gặp lại nhau đi phân chia tài sản, tiền đã chiếm đoạt hoặc tìm nơi tiêu thụ tài sản.

+ Về phương tiện thực hiện hành vi phạm tội: qua nghiên cứu 129 bản án xét xử sơ thẩm của TAND quận Bình Tân cho thấy có đến 119 vụ người phạm tội cướp giật tài sản dùng phương tiện xe máy để thực hiện hành vi phạm tội, có 03 vụ án người phạm tội đi bộ và 07 vụ án là dùng phương tiện khác như xe đạp.... Qua đó cho thấy để thực hiện hành vi phạm tội cướp giật tài sản hầu hết các đối tượng đều dùng phương tiện là xe gắn máy, do khi sử dụng xe máy để đi cướp giật sẽ mau chóng tẩu thoát. Một đặc điểm khác là xe máy mà các đối tượng này sử dụng đa số không thuộc quyền sở hữu của người phạm tội. Các xe trên do đối tượng phạm tội mượn của bạn bè, của người quen hoặc là người thân trong gia đình. Nguồn gốc của xe máy thông thường không rõ nguồn gốc hoặc mua bán qua nhiều chủ sở hữu, không sang tên và, các đối tượng phạm tội cướp giật tài sản thường dùng biển số xe giả hoặc tháo biển kiểm soát, thuê xe... để tránh sự phát hiện. Sau khi thực hiện tội phạm nhanh chóng tháo biển số và thay bằng biển số xe thật do đó sẽ gây rất nhiều khó khăn cho cơ quan công an trong việc truy bắt, lần tìm dấu vết để phá án.

+ Về nhân thân người phạm tội: Như trên đã trình bày, đa số đối tượng phạm tội là thanh niên, trong đó hầu hết các đối tượng phạm tội là do lười lao động, thích hưởng thụ, sa đọa về đạo đức lối sống, đặc biệt một số đối tượng phạm tội là người có tiền án, tiền sự, sống lang thang, tái phạm... Đây là thành phần nguy hiểm cho xã hội, nếu không kịp thời phát hiện tội phạm thì vẫn tiếp tục gây nguy hại cho xã hội.

+ Về hoàn cảnh gia đình: nghiên cứu 129 vụ án với 379 bị cáo phạm tội cướp giật tài sản trên địa bàn quận Bình Tân từ năm 2011 đến 2015, cho thấy về quan hệ gia đình: Số bị cáo chưa có gia đình là 317 bị cáo chiếm tỷ lệ 83,64%; Số bị cáo đã kết hôn có 62 bị cáo chiếm 16,36%. Trong đó đang duy trì hôn nhân là 60 bị cáo, đã ly hôn 02 bị cáo. Trong 62 bị cáo đã kết hôn và có con có 60 bị cáo gia đình có từ 1-2 con và 02 bị cáo gia đình có 03 con trở lên; Số bị cáo được sống trong gia đình hoàn thiện có đầy đủ cha mẹ là 312 bị cáo chiếm 82,32% và 67 bị cáo sống trong

gia đình không hoàn thiện chiếm 17,68% (cha hoặc mẹ mất hoặc cả hai mất hoặc không biết cha, mẹ là ai).

- Hậu quả nguy hiểm cho xã hội: tội cướp giết tài sản trước hết gây thiệt hại về tài sản cho người bị hại dẫn đến gây khó khăn cho cuộc sống của họ và gia đình, ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh, đồng thời gây ra tâm lý sợ hãi, hoang loạn lo lắng cho họ và gia đình họ.

Trong một số trường hợp hành vi phạm tội còn gây tổn hại về sức khỏe cho người bị hại... Mặt khác, chính hành vi phạm tội cướp giết còn gây ra tâm lý lo âu trong quần chúng nhân dân trực tiếp ảnh hưởng đến uy tín của các cơ quan bảo vệ pháp luật, làm mất trật tự trị an tại địa phương.

2.2. Phần ẩn của tình hình tội cướp giết tài sản

2.2.1. Các loại tội phạm ẩn

Để thấy được bức tranh toàn cảnh phản ánh chính xác thực trạng tình hình tội cướp giết tài sản xảy ra trên địa bàn quận Bình Tân trong những năm vừa qua đòi hỏi ngoài con số 129 vụ án/379 bị cáo phạm tội còn phải cộng thêm số tội phạm ẩn; Có nghĩa là toàn bộ số tội phạm cụ thể, thực tế đã xảy ra và số lượng người thực hiện tội cướp giết tài sản mà chưa bị phát hiện và xử lý về hình sự vì vậy chưa có trong các bảng thống kê tội phạm đã nêu trên.

Về nguyên tắc xử lý đối với người phạm tội Điều 3 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định “Mọi hành vi phạm tội do người thực hiện phải được phát hiện kịp thời, xử lý nhanh chóng, công minh theo đúng pháp luật...”. Do đó việc nghiên cứu và xác định tình hình tội phạm ẩn về tội cướp giết tài sản là đòi hỏi cấp thiết, giúp chúng ta hiểu rõ hơn về tình hình tội cướp giết tài sản để đưa ra định hướng, giải pháp đấu tranh phòng, chống có hiệu quả hơn.

2.2.2. Nguyên nhân của các loại tội phạm ẩn

Mọi hành vi phạm tội do pháp nhân thương mại thực hiện phải được phát hiện kịp thời, xử lý nhanh chóng, công minh theo đúng pháp luật. Mặc dù nguyên tắc của Bộ luật hình sự năm 2015 quy định như vậy, nhưng trên thực tế ở các địa phương khác nói chung và tại quận Bình Tân nói riêng vẫn tồn tại thực trạng phạm tội cướp

giật tài sản xảy ra nhưng Cơ quan điều tra, Viện KSND, TAND chưa hoặc không phát hiện được xuất phát từ nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan sau đây:

Thứ nhất, trong năm năm qua số tội cướp giật tài sản ẩn nhưng đã xác định được số lượng do tố giác tin báo của người bị hại hoặc gia đình người bị hại cung cấp nhưng cơ quan điều tra đã áp dụng các biện pháp pháp luật và các biện pháp nghiệp vụ nhưng khi phát hiện được tội phạm và người phạm tội tổng cộng 83 vụ. Vấn đề này trước hết do hành vi phạm tội cướp giật tài sản xảy ra hết sức nhanh chóng có khi chỉ trong 1-2 giây, xe máy của các đối tượng không mang biển số, biển số bôi bùn đất không nhận biết được hoặc nhận biết được nhưng là biển số giả. Mặt khác hành vi phạm tội xảy ra thường vào ban ngày nhưng ở các địa điểm vắng người, người bị hại luôn ở thế thụ động do đó họ không nhận dạng được đối tượng, không phát hiện được kiểu dáng xe, biển số xe... Một số trường hợp có người làm chứng nhưng cũng ở tình trạng như người bị hại. Chính vì vậy, khi tiếp nhận tố giác tin báo về tội phạm, CQĐT khai thác được thông tin ban đầu nhưng không có gì. Đây là một vấn đề hết sức khó khăn trong điều tra vụ án cướp giật và cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến trong 5 năm qua mặc dù CQĐT đã có nhiều cố gắng nhưng vẫn còn 83 tố giác, tin báo về tội cướp giật tài sản nhưng chưa được phát hiện. Mặc dù vậy, trong trường hợp này các cơ quan trực tiếp được bảo vệ pháp luật vẫn nắm bắt được số lượng tội phạm ẩn chưa được phát hiện để đưa vào sổ đăng ký theo dõi để tiếp tục thẩm tra xác minh khi phát hiện được sẽ ra quyết định khởi tố bị cáo để tiếp tục điều tra, xử lý.

Thứ hai, do người bị hại hoặc gia đình họ không tố giác, báo tin về hành vi cướp giật tài sản xảy ra. Một thực tiễn hiện nay trong đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung và phòng chống tội cướp giật tài sản nói riêng, đó là người bị hại khi gặp những trường hợp bị cướp giật tài sản thường không báo tin cho CQĐT, VKSND biết để tiến hành điều tra.

Mặt khác, với quan điểm không đúng đắn cho rằng “của đi thay người” do đó trong cuộc đời của người bị hại gặp nhiều may mắn rồi giờ bị cướp giật mất tài sản nhưng người, phương tiện an toàn cũng là may mắn quá rồi. Nếu có báo cho

CQĐT hoặc VKSND đã chắc gì phát hiện được lại còn mất thì giờ khai báo ảnh hưởng đến công việc vì mất tiền, đồ vật còn có thời gian làm lại được.

Nguyên nhân từ phía bị hại không tố giác, báo tin cho CQĐT, VKS biết để tiến hành thẩm tra, xác minh ra quyết định khởi tố vụ án dẫn đến tình trạng gây khó khăn cho các cơ quan trực tiếp đấu tranh phòng chống tội phạm trên địa bàn quận Bình Tân không nắm được diễn biến thực tế tình hình tội phạm, không xác định được số lượng, tính chất, đặc điểm hình sự, cơ cấu của tội phạm... đặc biệt là không quản lý được tình hình thực tế tội cướp giật tài sản trên địa bàn do đó không có nhận định chính xác về thực trạng tình hình tội phạm do đó không đề ra được những biện pháp phòng ngừa có hiệu quả.

Thứ ba, do hạn chế của các cơ quan trực tiếp đấu tranh bảo vệ pháp luật. Nhìn chung, trong những năm vừa qua CQĐT, VKSND, TAND quận Bình Tân đã phối hợp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân hữu quan trong công tác phát hiện, điều tra, xử lý tội cướp giật tài sản. Đối với 129 vụ/379 bị cáo đã khởi tố, điều tra, xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Không để xảy ra oan sai nhưng so với tình hình thực tế vẫn còn 83 tố giác, tin báo về tội phạm chưa được phát hiện, điều tra, xử lý cộng với số lượng tội phạm ẩn do người bị hại hoặc gia đình họ không trình báo thì rõ ràng chưa đáp ứng yêu cầu đấu tranh, phòng chống loại tội này. Vấn đề này trước hết xuất phát từ thực tế là lực lượng cảnh sát điều tra công an quận Bình Tân không có đủ con số để thành lập các tổ, đội cảnh sát hình sự để tuần tra, kiểm soát thường xuyên tại các địa bàn, các tuyến đường trọng điểm thường xảy ra các vụ cướp giật để kịp thời phát hiện, bắt giữ; Phương tiện, công cụ, kinh phí, phục vụ cho việc truy đuổi, bắt giữ thẩm tra, xác minh truy tìm các đối tượng phạm tội còn hạn chế; Một số Điều tra viên trình độ năng lực còn hạn chế, thiếu tinh thần trách nhiệm, ngại khó, sợ trách nhiệm... dẫn đến chưa đi sâu vào quần chúng nhân dân để phát hiện tội phạm hoặc khi nhận được tố giác tin báo về tội cướp giật tài sản chưa kịp thời thẩm tra, xác minh hoặc thẩm tra xác minh qua loa đại khái do đó không kịp thời phát hiện tội phạm đồng nghĩa với việc bỏ lọt tội phạm để các đối tượng phạm tội tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội.

Thứ tư, do phương thức, thủ đoạn thực hiện tội cướp giật tài sản hết sức tinh vi, xảo quyệt. Như trên đã trình bày, hầu hết tội cướp giật tài sản xảy ra trên địa bàn quận Bình Tân là tội phạm có tổ chức, được bàn bạc, trao đổi lên kế hoạch phân công vai trò trách nhiệm cho từng đối tượng phạm tội, khi thực hiện thì bất ngờ nhanh chóng chiếm đoạt và tẩu thoát, khi tiêu thụ tài sản thì có thể thực hiện ở xa nơi thực hiện tội phạm có khi ở các tỉnh khác, phương tiện giao thông dùng để tẩu thoát thường là xe có phân khối lớn, lại bị làm giả hoặc che lấp biển số, không mang biển số do đó gây ra hết sức khó khăn cho việc pháp hiện tội phạm dẫn đến vẫn còn một số tội cướp giật tài sản đã xảy ra trên thực tế nhưng chưa phát hiện được, thậm chí không thể phát hiện được như trường hợp tội cướp giật tài sản có tính chất lưu động, chỉ thực hiện hành vi phạm tội một vài lần sau đó chuyển sang địa bàn tỉnh khác...

Như vậy, việc tồn tại số lượng tội cướp giật tài sản chưa được phát hiện (ẩn) trên địa bàn quận Bình Tân trong những năm vừa qua và có thể cả những năm sắp tới như là một tất yếu khách quan và thực tế đã chứng minh rằng chừng nào tội phạm ẩn còn tồn tại nhiều thì thực trạng tình hình tội phạm còn phức tạp. Để khắc phục tình trạng tội phạm ẩn đang tồn tại và để quản lý được tình hình tội cướp giật tài sản đòi hỏi trước hết CQĐT công an quận Bình Tân phối hợp chặt chẽ với VKSND, phải cử cán bộ, Điều tra viên, Kiểm sát viên thông qua chức năng, nhiệm vụ của mình thường xuyên xuyên cử cán bộ xuống các xã phường thị trấn phối hợp với cơ quan chính quyền địa phương giáo dục, vận động nhân viên kịp thời tố giác, cung cấp thông tin và hỗ trợ, giúp đỡ, hợp tác với các cơ quan bảo vệ pháp luật kịp thời phát hiện, điều tra, xử lý vi phạm, không bỏ lọt tội phạm kéo giảm số lượng tội phạm ẩn góp phần thực hiện tốt công tác quản lý tình hình tội phạm, giữ vững trật tự, trị an, an toàn xã hội trên địa bàn toàn quận.

Kết luận chương 2

Trên cơ sở nghiên cứu phân tích, lý luận về tình hình tội cướp giật tài sản trong Chương 2 của luận văn đã đi sâu phân tích và làm rõ thực tiễn tình hình tội phạm rõ của tội cướp giật tài sản đã được CQĐT, VKSND, TAND hai cấp quận

Bình Tân đã phát hiện, khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử trong những năm vừa qua trên địa bàn quận Bình Tân có số liệu chứng minh cụ thể, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng. Từ những số liệu đó, luận văn cũng làm rõ những vấn đề tính chất, cơ cấu của đặc điểm tình hình tội cướp giật tài sản để mọi người thấy được hình thức biểu hiện bên ngoài và bản chất bên trong của tội phạm của tội cướp giật tài sản trên địa bàn quận Bình Tân. Mặt khác trong Chương 2 luận văn còn phân tích tình hình tội phạm ẩn của tội cướp giật tài sản để làm rõ hơn về bức tranh toàn cảnh về tội cướp giật tài sản đồng thời xây dựng cơ sở dự báo về tình hình tội cướp giật tài sản xảy ra trong tương lai gần trên địa bàn toàn quận để các cơ quan trực tiếp bảo vệ pháp luật tăng cường hơn nữa các biện pháp đấu tranh phòng chống loại tội phạm này ngày càng có hiệu quả.

Chương 3

NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI VIỆC PHÒNG NGỪA TÌNH HÌNH TỘI CƯỚP GIẬT TÀI SẢN TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN BÌNH TÂN

3.1 Dự báo tình hình tội cướp giật tài sản trên địa bàn quận Bình Tân trong những năm sắp tới

3.1.1. Cơ sở để xây dựng dự báo

Việc dự báo tình hình tội cướp giật tài sản trên địa bàn quận Bình Tân trong thời gian sắp tới có ý nghĩa quan trọng trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung và tội cướp giật tài sản nói riêng. Trên cơ sở nội dung dự báo đưa ra, các cơ quan trực tiếp đấu tranh bảo vệ pháp luật và các cơ quan tổ chức hữu quan có một hệ thống thông tin phục vụ thiết thực cho hoạt động phòng ngừa và điều tra khám phá tội phạm, trong đó có các thông tin về sự tác động, ảnh hưởng của sự phát triển kinh tế xã hội với sự hình thành và phát triển tội phạm; Thông tin về quy luật vận động, cơ cấu của tội phạm ở quá khứ, hiện tại và tương lai... Từ đó, giúp cho các cơ quan chức năng chủ động đề ra các phương án, chuẩn bị lực lượng, công cụ, phương tiện và căn cứ vào điều kiện thực tiễn để đấu tranh có hiệu quả đối với tội cướp giật tài sản trên địa bàn quận Bình Tân diễn ra trong những năm sắp tới được xác lập trên cơ sở khoa học sau đây:

Thứ nhất, sự tác động của các yếu tố về kinh tế, văn hóa – xã hội, cùng với xu thế phát triển kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế chung của cả nước trong những năm vừa qua, quận Bình Tân là địa phương có tiềm lực về phát triển nông nghiệp, ngư nghiệp và dịch vụ kết hợp với du lịch lại nằm trên tuyến quốc lộ 1A xuyên suốt từ Bắc vào Nam và đến tận mũi Cà Mau nên đời sống kinh tế, văn hóa – xã hội của nhân dân từng bước được nâng lên nhưng nhìn chung vẫn còn nhiều khó khăn nghèo khó. Tuy nhiên trong những năm sắp tới, quận Bình Tân chưa phải là địa chỉ thu hút nguồn vốn trong nước và nước ngoài đầu tư, phát triển công nghiệp và dịch vụ mà nền kinh tế vẫn chủ yếu dựa vào sản xuất nông nghiệp, ngư nghiệp và lại phụ thuộc quá nhiều vào yếu tố thiên nhiên do đó đời sống của nhân dân vẫn chưa một sớm một chiều thoát ra khỏi khó khăn, vất vả. Về đời sống văn hóa – xã

hội, mặc dù là quận có nền văn hóa phong phú của bốn dân tộc lớn là Kinh, Khơ me, Hoa và Chăm lại được Đảng và Nhà nước quan tâm nhưng do yếu tố địa lý phức tạp chia cắt nhiều vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn nên việc phát triển hệ thống trường học, y tế, khu vui chơi giải trí, du lịch vẫn còn nhiều hạn chế... Tất cả những yếu tố đó bên cạnh những tác động tích cực thì cùng làm phát sinh nhiều tiêu cực như nhu cầu về tìm kiếm việc làm để thoát nghèo gặp nhiều khó khăn, trình độ văn hóa của một bộ phận dân cư còn thấp, nhận thức pháp luật hạn chế dẫn đến dễ phát sinh các hiện tượng tiêu cực như cờ bạc, rượu chè, mại dâm, ma túy, đặc biệt một phần trong số đó lại chịu tác động mạnh mẽ của lối sống hưởng thụ, thích ăn chơi, đua đòi nhưng kinh tế gia đình và bản thân không đáp ứng được do đó con đường tắt yếu dẫn tới thực hiện tội phạm mà con đường nhanh nhất và đơn giản nhất để có tiền bạc tài sản là đi cướp giật tài sản.

Thứ hai, yếu tố tác động đến tình hình tội cướp giật tài sản từ phía các cơ quan trực tiếp bảo vệ pháp luật và các cơ quan, tổ chức hữu quan. Trước yêu cầu cải cách tư pháp, trong những năm vừa qua hệ thống cơ quan tư pháp gồm CQĐT, VKSND, TAND với quan điểm lấy cơ quan Tòa án trung tâm xét xử là trọng tâm ngày càng được hoàn thiện. Về tổ chức bộ máy và công tác cán bộ được tăng cường cả về số lượng lẫn chất lượng, trình độ năng lực của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán được chuẩn hóa theo đó phải có bằng cử nhân luật và đã được đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ; Chế độ, chính sách được ưu tiên đảm bảo; Trụ sở, trang thiết bị bàn làm việc, phương tiện trang thiết bị phục vụ công tác được trang bị ngày càng đầy đủ hơn. Hoạt động thực hiện chức năng, nhiệm vụ từng bước được đổi mới nhằm nâng cao hiệu quả công tác phát hiện khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử các vụ án nói chung, các vụ án hình sự nói riêng; Công tác phòng ngừa tội phạm ngày càng chú trọng hơn. Tuy nhiên so với yêu cầu thực tiễn đấu tranh phòng chống tội phạm vẫn còn nhiều hạn chế chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn đang đặt ra.

Thứ ba, yếu tố thực tiễn diễn biến tình hình tội cướp giật tài sản xảy ra trên địa bàn quận Bình Tân trong những năm vừa qua. Một trong những nguyên tắc dự

báo tình hình tội phạm là căn cứ vào kết quả của quá khứ, hiện tại và các yếu tố tác động trong tương lai để xác lập dự báo tình hình tội phạm trong tương lai.

Từ kết quả nghiên cứu thực trạng tình hình tội phạm đã xảy ra trên địa bàn quận Bình Tân trong 5 năm từ 2011-2015 cho thấy, mặc dù hàng năm có chiều hướng giảm dần theo từng năm nhưng ngược lại các tội phạm xâm phạm sở hữu, đặc biệt là tội cướp giật tài sản có năm tăng, năm giảm nhưng luôn có chiều hướng gia tăng tỷ lệ tuy số lượng không lớn nhưng đây cũng là vấn đề cần phải được CQĐT, VKSND quan tâm trong việc đề ra kế hoạch đấu tranh phòng chống tội phạm.

Thứ tư, yếu tố về công tác quản lý xã hội. Một thực tế hiện nay đang đặt ra cho các cơ quan quản lý tình hình trật tự xã hội là quản lý con người gặp rất nhiều khó khăn do nhu cầu tìm kiếm việc làm, học tập, du lịch... cho nên việc đăng ký tạm trú tạm vắng không thể hiện đầy đủ và kiểm soát chặt chẽ; Công tác quản lý văn hóa phẩm đồi trụy chỉ kiểm soát được những nơi công cộng còn các tụ điểm hoặc tại gia đình thì không thể kiểm soát nổi do đó trong thời gian tới cùng với xu thế hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng sẽ phát sinh nhiều tiêu cực mới làm cho công tác quản lý xã hội lại càng gặp nhiều khó khăn thách thức mới và tạo thuận lợi cho tội cướp giật tài sản phát triển.

3.1.2. Nội dung dự báo

Từ những cơ sở dự báo đã được phân tích ở trên, có thể đi đến dự báo tình hình tội cướp giật tài sản trên địa bàn quận Bình Tân những năm sắp tới diễn ra như sau:

- Về số lượng và tính chất của tội phạm: Tình hình tội phạm nói chung có chiều hướng giảm nhưng với số lượng tội phạm và người phạm tội giảm không đáng kể. Đối với tội cướp giật tài sản tiếp tục diễn biến theo chiều hướng năm tăng, năm giảm nhưng nhìn chung vẫn có chiều hướng sẽ tăng lên tuy không nhiều về số lượng tội phạm và người phạm tội nhưng tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội cũng như hậu quả do hành vi gây ra sẽ nghiêm trọng hơn.

- Về địa bàn và thời gian gây án: Chủ yếu diễn ra trên các trục đường chính, khi người bị hại đang di chuyển ra từ các quán ăn, siêu thị, cửa hàng, cơ quan, xí nghiệp... hoặc khi người bị hại dừng lại bên đường để nghe điện thoại hoặc tìm kiếm tư trang trong túi xách, cặp táp.

Thời gian gây án vẫn chủ yếu tập trung vào giờ làm việc, trong một số trường hợp có thể các đối tượng phạm tội lợi dụng các đoạn đường vắng ít người qua lại để thực hiện hành vi phạm tội.

- Về đối tượng gây án: trong những năm sắp tới thành phần đối tượng gây án sẽ đa dạng, phức tạp hơn và theo chiều hướng trẻ hóa. Ngoài số đối tượng có tiền án, tiền sự, đối tượng nghiện ma túy... thì còn có sự tham gia của các đối tượng là học sinh bỏ học, các đối tượng không có nghề nghiệp hoặc có nghề nghiệp nhưng không ổn định. Đặc biệt do sự tác động tiêu cực của phát triển kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế đã tác động mạnh đến các đối tượng là thanh thiếu niên có lối sống thực dụng, đua đòi, lười lao động để thỏa mãn nhu cầu của cuộc sống, sẵn sàng tham gia vào các băng nhóm phạm tội cướp giật tài sản.

- Về phương thức thủ đoạn gây án: trong những năm sắp tới, để đối phó với cơ quan trực tiếp bảo vệ pháp luật, các đối tượng phạm tội sẽ sử dụng nhiều phương thức thủ đoạn tinh vi xảo quyệt hơn như có kế hoạch thực hiện tội phạm cụ thể hơn, sử dụng xe phân khối lớn có nhiều đối tượng tham gia để hỗ trợ tạo điều kiện cho người thực hành tẩu thoát, đánh lạc hướng người tham gia truy đuổi, gây khó khăn cho công tác phát hiện thu thập thông tin, tài liệu chứng cứ phục vụ cho công tác phát hiện thu thập thông tin, công tác điều tra. Khi thực hiện các đối tượng phạm tội sẽ manh động liều lĩnh và trắng trợn hơn. Sau khi gây án, các đối tượng sẽ nhanh chóng xóa dấu vết, nếu phát hiện chúng sẽ sẵn sàng bỏ trốn sang địa bàn tỉnh khác để tiếp tục phạm tội.

- Xu hướng các đối tượng phạm tội cướp giật tài sản hoạt động theo băng nhóm sẽ tăng cao hơn thời gian trước cả về số lượng, quy mô, cũng như tổ chức hoạt động. Chúng có thể hoạt động theo tuyến, địa bàn và có sự cấu kết chặt chẽ với nhau không chỉ phạm tội cướp giật tài sản mà còn có thể sử dụng hung khí tấn công

nạn nhân nhằm cướp tài sản bằng mọi giá thậm chí còn kéo theo một số hoạt động phạm tội khác như: Hiếp dâm, cố ý gây thương tích... về giới tính vẫn chủ yếu là nam giới, phụ nữ chỉ tham gia cá biệt với tư cách người đồng phạm.

- Về người bị hại: tội cướp giật tài sản chủ yếu tập trung vào các đối tượng là phụ nữ mang theo nhiều tài sản nhưng không có các biện pháp phòng ngừa có hiệu quả; Người bị hại là nam giới vẫn chiếm tỷ lệ nhỏ trong số những người bị hại.

Từ những nội dung dự báo đã nêu trên đây cho thấy, trong những năm sắp tới các cơ quan trực tiếp đấu tranh bảo vệ pháp luật đặc biệt là CQĐT của công an cần phải tăng cường hơn nữa công tác phối hợp với các cơ quan, chính quyền địa phương, các tổ chức chính trị xã hội thực hiện tốt công tác tuyên truyền giáo dục ý thức phòng ngừa tội phạm trong quần chúng nhân dân kết hợp với công tác đấu tranh mạnh mẽ chống lại tội cướp giật tài sản nhằm từng bước ngăn chặn loại tội phạm này trên địa bàn quận Bình Tân.

3.2. Kiến nghị hoàn thiện pháp luật

3.2.1. Kiến nghị hoàn thiện pháp luật hình sự

Bộ Luật hình sự năm 2015 (BLHS năm 2015) mặc dù đang tạm hoãn, tuy nhiên qua nghiên cứu thực tiễn tình hình tội cướp giật tài sản trên địa bàn quận Bình Tân, luận văn có một số vấn đề kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật cụ thể như sau:

Cấu thành tội phạm (CTTP) tội cướp giật tài sản và thời điểm hoàn thành là thời điểm mà người phạm tội thực hiện hành vi cướp giật tài sản cho dù người phạm tội chiếm đoạt được hay chưa chiếm đoạt được tài sản. Ngược lại, có quan điểm cho rằng tội cướp giật tài sản được quy định tại Điều 171 BLHS có cấu thành tội phạm vật chất, có nghĩa rằng dấu hiệu hậu quả nguy hiểm cho xã hội là dấu hiệu bắt buộc trong mặt khách quan của cấu thành tội phạm và thời điểm hoàn thành kể từ khi người phạm tội giật được tài sản. Có quan điểm khác lại cho rằng hành vi tẩu thoát là dấu hiệu bắt buộc trong CTTP tội cướp giật tài sản. Hành vi tẩu thoát là hành vi chiếm đoạt tài sản. Ngược lại với quan điểm đó là quan điểm cho rằng hành vi tẩu thoát không phải là dấu hiệu bắt buộc trong CTTP tội cướp giật tài sản. Theo quan điểm này thì hành vi tẩu thoát chỉ là để bảo vệ tài sản mà người phạm tội chiếm

đoạt được. Hành vi này không phải là hành vi chiếm đoạt tài sản. Những quan điểm khác nhau như trên đã dẫn đến thực tiễn áp dụng pháp luật về định tội danh cướp giật tài sản còn nhiều quan điểm khác nhau. Chính vì những lý do đó mà tác giả xin kiến nghị hoàn thiện khoản 1 Điều 171BLHS năm 2015 như sau:

Khoảng 1 Điều 171 BLHS năm 2015 nên được sửa đổi như sau: “Người nào chiếm đoạt tài sản của người khác một cách công khai và nhanh chóng, thì bị phạt tù từ 1 năm đến 5 năm”.

Kiến nghị sửa đổi khoản 1 Điều 171 BLHS năm 2015 từ quy phạm gián đơn thành quy phạm mô tả như trên sẽ làm rõ được dấu hiệu pháp lý của tội cướp giật tài sản. Làm rõ được CTPP của tội cướp giật tài sản là CTPP hình thức. Đây chính là cơ sở để xác định thời điểm hoàn thành của tội phạm, là cơ sở để quyết định hình phạt đúng quy định của BLHS, hạn chế sai sót trong quyết định hình phạt do xác định không đúng giai đoạn thực hiện tội phạm.

Hướng dẫn áp dụng một số tình tiết định khung tăng nặng của tội cướp giật tài sản: Từ thực tiễn tình hình tội cướp giật tài sản trên địa bàn quận Bình Tân thì chúng ta thấy trong phần xác định tình tiết định khung của tội cướp giật tài sản vẫn còn tồn tại nhiều quan điểm giải quyết khác nhau. Nguyên nhân của điều này một phần là do chính điều luật chưa rõ ràng, mặt khác cũng là vì vấn đề xác định tình tiết định khung của tội cướp giật tài sản là một vấn đề phức tạp đòi hỏi phải có văn bản hướng dẫn về vấn đề này. Chính vì những lý do đó mà luận văn đề xuất Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ tư pháp cần phải ban hành văn bản hướng dẫn khi áp dụng tình tiết định khung tội cướp giật tài sản như sau:

Khi áp dụng tình tiết định khung “hành hung để tẩu thoát” thuộc Điểm d khoản 2 Điều 171 BLHS cần chú ý: Nếu như người phạm tội có hành vi dùng vũ lực nhằm mục đích tẩu thoát nhưng hành vi đó lại cấu thành tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác hoặc tội giết người thì người phạm tội phải chịu trách nhiệm hình sự thêm về tội cố ý gây thương tích hoặc gây

tổn hại cho sức khỏe của người khác (Điều 136 BLHS 2015) hoặc tội giết người (Điều 123 BLHS 2015).

3.2.2. Kiến nghị hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự

- Từ thực tiễn điều tra, truy tố, xét xử các vụ án cướp giật tài sản xảy ra trên địa bàn quận Bình Tân trong những năm vừa qua cho thấy, hầu hết tội phạm khi xảy ra đều chiếm đoạt được tiền và tài sản nhưng số vụ khi phát hiện CQĐT chỉ thu được khoảng một phần ba số tiền, tài sản đã bị chiếm đoạt trả lại cho người bị hại, số còn lại do các đối tượng phạm tội đã sử dụng vào mục đích ăn chơi sa đọa, dùng làm quà biếu, tặng cho hoặc gửi người thân cất giấu. Chính vì vậy trong giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử, CQĐT, VKSND, TAND không chỉ làm rõ các tình tiết của vụ án mà còn phải tập trung xác minh áp dụng các biện pháp pháp luật để kịp thời thu giữ tài sản bảo đảm bồi thường thiệt hại cho người bị hại. Nhưng thực tế cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng chủ yếu tập trung thu thập tài liệu, chứng cứ chứng minh tội phạm, người phạm tội, chưa thật sự quan tâm đến vấn đề thu giữ tài sản để bảo đảm vấn đề bồi thường thiệt hại dẫn đến nhiều vụ án cướp giật tài sản, đặc biệt là những vụ phạm tội quả tang, thời gian khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử nhanh chóng, chính xác nhưng vấn đề về xác định tài sản bị thiệt hại do người bị hại khai báo và số thiệt hại trên thực tế do các đối tượng cướp giật khai báo còn chênh lệch nhau đáng kể như: Người bị hại khai báo bị cướp giật dây chuyền vàng 24k, 5 chỉ giá 18 triệu đồng, thực tế các đối tượng sau khi chiếm đoạt được tài sản đã tặng cho người tình, không thu hồi lại được hoặc đem bán cho cửa hàng vàng với giá chỉ 12 triệu đồng... Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố không được làm rõ đến giai đoạn xét xử cũng không xét hỏi để xác định giá trị tài sản, không giải thích, hòa giải để hai bên đi đến thỏa thuận đền bù mà chỉ tuyên án theo lời khai của một bên dẫn đến có một số vụ án có kháng cáo, kháng nghị nhưng cũng không giải quyết được dẫn đến tình trạng các quyết định dân sự về bồi thường thiệt hại trong các vụ án chiếm đoạt tài sản khi cơ quan thi hành án dân sự đưa ra thi hành không thể thi hành được vì lý do đối tượng phạm tội không chấp nhận giá trị tài sản phải bồi thường. Trong một số trường hợp khi điều tra, truy tố, xét xử bị cáo,

bị cáo có tài sản nhưng khi áp dụng các biện pháp phong tỏa tài sản, đến giai đoạn thi hành án thì tài sản đã bị tẩu tán hết không có điều kiện để thi hành. Tình trạng đó dẫn đến hiện nay tại Bình Tân vẫn tồn tại một số quyết định dân sự về bồi thường thiệt hại trong các vụ án cướp giật không thể thi hành được mà chỉ tồn tại trên giấy tờ, sổ sách. Từ những vấn đề nêu trên để bảo đảm cho việc điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án đối với các vụ án có hành vi chiếm đoạt tài sản nói chung, các vụ án cướp giật tài sản nói riêng cũng như tính hiệu lực, hiệu quả của bản án, quyết định của TA đã có hiệu lực pháp luật trong khi Bộ luật tố tụng hình sự mới được Quốc hội khóa XIII kì họp thứ 10 thông qua ngày 27 tháng 11 năm 2015 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2016 chưa thể sửa đổi bổ sung thì Chính phủ hoặc liên ngành tư pháp Trung ương bao gồm Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, VKSND tối cao, TAND tối cao, Bộ tư pháp cần ban hành Nghị định hoặc Thông tư liên tịch hướng dẫn một số quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, trong đó có một số điều quy định rõ nhiệm vụ của CQĐT, VKS, TAND khi tiến hành các hoạt động điều tra, truy tố, xét xử phải thu thập đầy đủ tài liệu chứng cứ làm rõ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra và áp dụng kịp thời, có hiệu quả các biện pháp phong tỏa tài sản để bảo đảm bồi thường thiệt hại cho người bị hại.

3.3.3. Kiến nghị hoàn thiện luật thi hành án hình sự và luật thi hành án dân sự

Theo quy định của pháp luật hiện nay, đối với các vụ án hình sự có hành vi chiếm đoạt tài sản nói chung, các vụ án cướp giật tài sản nói riêng trong bản án hình sự ngoài việc áp dụng hình phạt chính, hình phạt bổ sung với bị cáo còn quyết định dân sự về việc trả lại tiền, tài sản bị chiếm đoạt cho người bị hại và bồi thường các khoản như: Bồi thường giá trị tài sản do tài sản bị chiếm đoạt nhưng đã bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng; sửa chữa tài sản bị hư hỏng; bồi thường thiệt hại gắn liền với việc sử dụng, khai thác tài sản, chi phí hợp lý để ngăn chặn, hạn chế và khắc phục thiệt hại do tài sản bị chiếm đoạt, hủy hoại hoặc hư hỏng; bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm... Sau khi bản án, quyết định của Hội đồng xét xử vụ án hình sự áp dụng hình phạt được TA ra quyết định thi hành và chuyển giao cho cơ

quan thi hành án hình sự tổ chức thi hành, còn các quyết định dân sự trong vụ án hình sự được chuyển giao cho cơ quan thi hành án dân sự thuộc Bộ tư pháp trực tiếp ra quyết định và tổ chức thi hành. Mặc dù bản án, quyết định của Hội đồng xét xử vụ án hình sự nếu có các quyết định dân sự được giao cho hai cơ quan thi hành có hệ thống tổ chức, chức năng, nhiệm vụ quyền hạn khác nhau (Luật thi hành án hình sự năm 2010 và luật thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung 2014) nhưng đều có một mục đích và nhiệm vụ chung là tổ chức thi hành bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật được chấp hành, nghiêm chỉnh thống nhất do đó có quan hệ mật thiết với nhau. Mỗi quan hệ đó thể hiện ở chỗ một người bị kết án về hình sự chỉ được coi là đã chấp hành xong bản án, quyết định của TA khi người đó đã chấp hành xong hình phạt và đã thực hiện xong nghĩa vụ bồi thường thiệt hại về dân sự. Do đó, trong quá trình chấp hành hình phạt, nếu người bị kết án hoặc gia đình của họ tự nguyện bồi thường thiệt hại về dân sự cho người bị hại thì sẽ được xem xét giảm án tha tù trước thời hạn, đại xá xóa án tích... Tuy nhiên một thực tế hiện nay ở quận Bình Tân cũng như các địa phương khác là khi người bị kết án đang chấp hành hình phạt, đặc biệt là hình phạt tù thì hầu hết các đối tượng mặc dù gia đình có điều kiện để bồi thường thiệt hại về dân sự nhưng kiên quyết chống đối, không tự nguyện chấp hành quyết định thi hành án, hoặc sau khi chấp hành xong hình phạt họ trở về quê hương ở tỉnh khác, đi tìm kiếm việc làm ở địa phương (tỉnh) khác... do không có quy định của pháp luật là cơ quan thi hành án hình sự phải phối hợp với cơ quan thi hành án dân sự trong quá trình thi hành án và sau khi người bị kết án chấp hành xong hình phạt dẫn đến cơ quan thi hành án dân sự không nắm được họ chấp hành xong hình phạt lúc nào để theo dõi, xác minh tài sản bảo đảm cho thi hành các quyết định dân sự dẫn đến tình trạng một vụ án cướp giật tài sản quá trình khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử chỉ mấy tháng nhưng thời gian thi hành án kéo dài nhiều năm thậm chí nhiều khi chỉ tồn tại trên giấy tờ. Từ sự phân tích nêu trên cho thấy cần quy định trong luật thi hành án hình sự và thi hành án dân sự một điều luật quy định về nhiệm vụ và quyền hạn của mỗi cơ quan trong việc phối hợp với nhau để thi hành bản án, quyết định của Tòa án.

3.3. Kiến nghị hoàn thiện các giải pháp phòng ngừa tội phạm

Phòng ngừa ngăn chặn tội phạm để từng bước loại trừ tội phạm ta khỏi đời sống xã hội luôn luôn được các Nhà nước trên thế giới quan tâm. Ở nước ta công tác phòng ngừa tội phạm là trách nhiệm của Đảng, Nhà nước và toàn thể nhân dân lao động và phải có sự tham gia của cả hệ thống chính trị, hệ thống cơ quan Nhà nước và được thực hiện bằng nhiều giải pháp kết hợp đồng bộ với nhau. Từ thực tiễn tình hình tội cướp giật tài sản xảy ra trên địa bàn quận Bình Tân cho thấy, tội cướp giật tài sản chịu sự tác động của nhiều yếu tố tiêu cực như kinh tế, văn hóa, giáo dục, công tác quản lý hành chính, xã hội... Chính vì vậy để đấu tranh phòng ngừa loại tội phạm này có hiệu quả cần thực hiện các giải pháp phòng ngừa sau:

3.3.1. Giải pháp về đẩy mạnh phát triển kinh tế

Đảng và Nhà nước cần phải có các biện pháp thúc đẩy nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa phát triển nhanh và vững mạnh, tạo ra nhiều của cải vật chất cho xã hội. Khi nền kinh tế phát triển chưa tốt thì tình hình xã hội sẽ không ổn định, tiêu cực nảy sinh và tội phạm phát triển. Ngược lại, khi nền kinh tế thị trường phát triển sẽ tạo ra nhiều cơ hội việc làm cho người lao động, tạo ra nhiều sản phẩm cho xã hội, thu nhập cá nhân tăng và đảm bảo đời sống vật chất, tinh thần nhân dân nâng cao sẽ góp phần làm ổn định tình hình chính trị xã hội dẫn đến giảm thiểu tội phạm.

Trên cơ sở đường lối của Nhà nước phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần có định hướng XHCN, trong những năm qua dưới sự chỉ đạo của Đảng và Nhà nước, kinh tế nước ta đã có sự ổn định và phát triển. Tuy nhiên, trong những năm sắp tới cần tập trung chỉ đạo có định hướng theo yêu cầu đa dạng hoá nền kinh tế, phát huy tiềm năng kinh tế tư nhân, tạo môi trường tốt cho đầu tư nước ngoài, phát triển các ngành dịch vụ có sự quản lý chặt chẽ của nhà nước. Trong đó, cần ưu tiên phát triển một số ngành nghề, vừa phát triển kinh tế nhanh, vừa giải quyết được nhiều việc làm cho người lao động, giải quyết tình trạng thất nghiệp trong giới trẻ, tạo điều kiện cho người lao động có cuộc sống ổn định. Ưu tiên tập trung phát triển kinh tế cho các khu vực nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa quan tâm tạo điều

kiện phát triển các trung tâm xúc tiến việc làm, tạo nguồn việc làm cho người lao động. Mở các trung tâm dạy nghề, các trường dạy nghề ở những nơi thu hồi đất của nông dân. Sau khi bồi thường, đền bù đất đai cần tổ chức dạy nghề ở các quận huyện, tạo việc làm cho thanh niên, để giảm tỷ lệ ăn chơi sa đọa, lao vào con đường nghiện hút và các tệ nạn xã hội khác.

Đối với dân tộc ít người, vùng núi phía Bắc, Tây Nguyên và Tây Nam Bộ, Đảng và Nhà nước cần phải có chính sách nâng cao đời sống, tuyên truyền giáo dục sâu rộng về mọi mặt như pháp luật, văn hóa, chống các hủ tục và giữ gìn bản sắc tốt đẹp của dân tộc. Phổ biến và đào tạo, hướng dẫn cách làm kinh tế dựa trên tiềm năng sẵn có tại địa phương, áp dụng khoa học kỹ thuật tạo năng xuất, chất lượng cao, giúp những người dân tộc ít người cập nhật những thông tin mới, để họ theo kịp với những tiến bộ văn minh tiên tiến. Mặt khác, cần có sự kiểm soát đối với những người là dân tộc ít người vì họ thiếu thông tin và trình độ văn hóa thấp, do đó rất dễ bị lôi kéo vào con đường tội phạm (gần đây số tội cướp giật tài sản là dân tộc ít người có chiều hướng gia tăng).

3.3.2. Các giải pháp mang tính xã hội

Để giải quyết vấn đề từng bước ngăn chặn kéo giảm tội cướp giật tài sản, Đảng và Nhà nước, cần phải có những chương trình chính sách xã hội thiết thực, trực tiếp, liên tục vào những người có nguy cơ phạm tội cao. Tìm ra các nguyên nhân và điều kiện từ phía xã hội để đưa ra các giải pháp làm triệt tiêu tình hình phạm tội cướp giật tài sản hiện nay.

Nhân cách của người phạm tội cướp giật tài sản chịu ảnh hưởng trực tiếp của môi trường xã hội, của những mặt tiêu cực, mặt trái của xã hội. Vì vậy, song song với các biện pháp về kinh tế là những vấn đề xã hội cần giải quyết. Phải tạo việc làm cho các gia đình là đối tượng chính sách, những người có khó khăn trong cuộc sống, những gia đình bị thu hồi đất nông nghiệp, những người nghèo, người có tiền án, tiền sự.

Trước tiên, xây dựng và triển khai chương trình đào tạo dạy nghề; đảm bảo việc tái hoà nhập người phạm tội sau khi đã chấp hành hình phạt tù trở về địa

phương, đảm bảo cuộc sống của những hộ nghèo, bảo đảm việc làm cho những thanh niên đến tuổi lao động. Trước hết, các cấp uỷ Đảng và lãnh đạo xã phường phải quan tâm chăm lo tới các hộ nghèo, những người chưa có công ăn việc làm. Đối với những người đã chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương, những người xử phạt tù nhưng được hưởng án treo, không những phải giám sát mà về mặt kinh tế còn phải đi sâu nắm bắt được tâm tư nguyện vọng của họ, kết hợp với những khả năng, sở trường và điều kiện của họ, giúp họ có một công việc phù hợp phục vụ cho cuộc sống. Việc giao về cho xã, phường, thị trấn trực tiếp quản lý những đối tượng được hưởng án treo cũng phải đưa vào hoạt động thực tế theo quy định của luật thi hành án hình sự, phải phân công nhiệm vụ rõ ràng cho Công an xã để giám sát họ; không để tình trạng buông lỏng quản lý dẫn đến người phạm tội cướp giật tài sản tiếp tục tái phạm, tái phạm nguy hiểm như hiện nay mà không ai chịu trách nhiệm.

Chính quyền địa phương thực hiện tốt các chính sách như xoá đói giảm nghèo, chính sách hỗ trợ giúp đỡ với gia đình có công, gia đình thương binh liệt sĩ, bảo hiểm xã hội, các hoạt động nhân đạo, từ thiện, chăm sóc bảo vệ sức khoẻ, nâng cao thể chất, tinh thần của nhân dân phải được thực hiện có hiệu quả; đẩy mạnh công tác dân số - kế hoạch hoá gia đình, đẩy lùi tệ nạn xã hội, nhằm tạo ra niềm tin của nhân dân với Đảng và Nhà nước, tạo ý thức trách nhiệm, xây dựng môi trường sống lành mạnh, trong sạch, phát triển bền vững đến từng con người trong từng khu phố, làng, bản.

Lập tổ chức hướng nghiệp cho những người đến tuổi lao động, cho người chưa thành niên, những trẻ em đang còn đi học và những em đã bỏ học. Định hướng nghề nghiệp, trước tiên là tạo cho mọi người có ý thức lao động, khơi dậy những khả năng tiềm ẩn mà chưa được khuyến khích trong bản thân con người họ, giới thiệu và dạy những ngành nghề cho họ, để họ có những lựa chọn ngành nghề phù hợp với bản thân và dễ dàng tìm được việc làm sau này. Giáo dục đạo đức nhân cách con người ngay từ khi con ngồi trên ghế nhà trường, phải phổ biến và tuyên truyền giá trị của lao động, lấy lao động là vinh quang, giáo dục tình yêu lao động,

khơi niềm cảm hứng trong lao động và chỉ ra những hậu quả và tác hại to lớn của việc lười lao động ngay từ khi còn nhỏ.

Các tổ chức chính trị xã hội, các tổ chức đoàn thể như Hội phụ nữ, Mặt trận tổ quốc, Đoàn thanh niên của các phường, xã, thị trấn ở cơ sở dưới sự hỗ trợ của Nhà nước về ngân sách, về các điều kiện vật chất tổ chức thực hiện nhiều hình thức giáo dục pháp luật, giáo dục tri thức và ý thức công dân, ý thức tôn trọng tài sản của người khác, tạo thói quen tuân thủ pháp luật, nếp sống công cộng trong quần chúng nhân dân. Đặc biệt, cần phải giám sát, giáo dục, động viên chặt chẽ những người chưa thành niên có cha mẹ có nhân thân xấu, cha mẹ đã ly hôn người đã chấp hành án trở về địa phương, thu hút họ vào các hoạt động xã hội lành mạnh. Định hướng phát triển nhân cách cho người chưa thành niên để các em có thể tự nhận biết, tự hình thành nhân cách đạt những chuẩn mực đạo đức xã hội, những cách ứng xử trong gia đình và trong xã hội.

Công an các cấp thường xuyên tuyên truyền vận động quần chúng đấu tranh phòng chống tội phạm, lồng ghép vào các nội dung của việc xây dựng thôn xóm, khu phố, nhà trường với các nội dung trong yêu cầu của việc đấu tranh phòng chống tội phạm. Thí điểm xây dựng mô hình “Câu lạc bộ phòng, chống tội phạm trong nhà trường”. Tổ chức các cuộc thi Tìm hiểu pháp luật về phòng chống tội phạm”. “Câu lạc bộ phòng, chống tội phạm”, sinh hoạt 1 tháng/1 lần. Mô hình đó thu hút đông đảo học sinh tham gia, phát huy hiệu quả tuyên truyền, giáo dục ý thức pháp luật cho học sinh.

Tất cả các cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội và mọi công dân đều phải có nhiệm vụ tham gia vào cuộc đấu tranh phòng chống tội cướp giật tài sản. Bên cạnh đó nhà nước cần đầu tư xây dựng các khu vui chơi giải trí, khu thể dục thể thao, văn hoá nghệ thuật, tạo ra những sân chơi lành mạnh bổ ích vừa mang ý nghĩa giáo dục, vừa đem lại sự phát triển về thể chất tinh thần, kích thích khả năng sáng tạo, khơi dậy niềm tin yêu cuộc sống cho mọi người.

3.3.3 Các giải pháp về phát triển văn hóa - giáo dục

Về văn hóa, dân tộc Việt nam trải qua hàng nghìn năm lịch sử đã hun đúc cho mình nhiều phẩm chất tốt đẹp, do đó cần phải giữ gìn bản sắc dân tộc như tinh thần hội nghị Ban Chấp hành Trung ương 5 khóa VII đã đề ra.

Trước hết, mỗi địa phương, mỗi dân tộc cần bảo tồn những nét đẹp mang tính bản sắc dân tộc, đồng thời phải quản lý chặt chẽ văn hóa phẩm, kiểm soát các nội dung có tính chất đồi trụy, chống sự xâm nhập văn hóa phẩm độc hại, bạo lực; củng cố và tiếp tục xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, phong phú, đa dạng; đẩy mạnh xây dựng nếp sống văn minh trong cộng đồng dân cư, truyền bá văn hóa và phát triển nền văn học, nghệ thuật Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, giàu chất nhân văn. Chú trọng phát huy mạnh mẽ chức năng thông tin, giáo dục, tổ chức và phản biện xã hội vì lợi ích của nhân dân và đất nước.

Tại các địa phương cần tổ chức thực hiện tốt các biện pháp quản lý chặt chẽ việc nhập các loại sách, báo, đĩa hình có nội dung đồi trụy, bạo lực và phải quản lý các cửa hàng kinh doanh internet, các cơ sở sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực xuất bản, kiểm soát những văn hóa phẩm để ngăn chặn đưa ra thị trường những sản phẩm thiếu văn hóa làm băng hoại đạo đức truyền thống tốt đẹp của dân tộc.

Văn hoá với vai trò là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu, động lực thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển, gắn với sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước, gắn với những vấn đề nảy sinh trong xu thế toàn cầu hoá và trong thời kỳ nền kinh tế thị trường .

- Về giáo dục, mục tiêu giáo dục của Đảng và Nhà nước ta là đào tạo con người Việt Nam phát triển toàn diện, có đạo đức, tri thức, sức khoẻ, thẩm mỹ và nghề nghiệp, trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; hình thành và bồi dưỡng nhân cách, phẩm chất và năng lực của công dân, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Vì vậy, giáo dục ở nhiều cấp học khác nhau phải phù hợp với từng lứa tuổi, giáo dục người chưa thành niên khác với giáo dục người đã thành niên. Đối với, người chưa thành niên cũng cần được tuyên

truyền phổ biến giáo dục thường xuyên, sâu sắc. Do đó trong phần các biện pháp về giáo dục đào tạo này nhấn mạnh tới giáo dục người chưa thành niên là chủ yếu.

Giáo dục của gia đình ảnh hưởng rất lớn đến sự hình thành nhân cách của người chưa thành niên. Bản thân ông bà, cha mẹ, anh chị em phải luôn luôn tự hoàn thiện mình trong lời nói việc làm. Các cấp lãnh đạo cơ sở xã, phường, thị trấn cần quan tâm đặc biệt, thường xuyên các gia đình có cha mẹ và những thành viên trong gia đình có tiền án, tiền sự, có những thói hư tật xấu như cờ bạc, rượu chè, nghiện hút, ăn chơi xa đọa.

Mặt khác, cần phải xây dựng đội ngũ giáo viên có phẩm chất đạo đức tốt, có phương pháp giảng dạy tốt, cần có chương trình giáo dục phù hợp trong nhà trường phổ thông; các hình thức kỷ luật trong nhà trường phải bằng các biện pháp mang tính giáo dục và nghiêm khắc đối với những hành vi vi phạm của học sinh, những hành động xấu cần kịp thời tìm ra nguyên nhân sự việc để có biện pháp uốn nắn, hình thức kỷ luật cho đúng mức bản bảo công bằng và hợp lý. Tránh lạm dụng các biện pháp hành chính trong giáo dục nhà trường phổ thông. Nghiêm cấm giáo viên trù úm học sinh, tỏ thái độ kinh miệt, coi thường đối với học sinh hoặc có phương pháp phản giáo dục, biện pháp kỷ luật thái quá, quá mức cần thiết và quan tâm chưa đúng mức tới công tác giáo dục. Nâng cao năng lực và phẩm chất đạo đức của giáo viên, phẩm chất đạo đức của người thầy phải trong sáng, các giáo viên phải là những hình mẫu, tấm gương cho học sinh. Nâng cao lòng nhiệt tình yêu nghề, yêu trò của người thầy. Nâng cao chất lượng chuyên môn giảng dạy, bằng cách hàng tuần mỗi giáo viên đưa ra một tình huống điển hình tốt để phổ biến cho các em học sinh noi theo.

Nhà nước cần có chính sách phát triển nhiều mô hình loại trường khác nhau, mở các trường, lớp vừa học, vừa làm cho phù hợp với khả năng của từng mức độ tiếp thu, nhận thức.

3.3.4. Các giải pháp về quản lý hành chính, quản lý con người

3.3.4.1. Tăng cường công tác quản lý hành chính

Quản lý Nhà nước về đăng ký hộ khẩu, đăng ký tạm trú, tạm vắng là một biện pháp hết sức cần thiết để bảo đảm về giữ gìn trật tự an toàn xã hội. Có thể nói hiện nay công tác này hết sức cần thiết để đóng góp cho công tác phòng, chống tội phạm đúng ý nghĩa về vai trò, nhiệm vụ của quản lý hành chính nhà nước về hộ khẩu, tạm trú, tạm vắng.

Do nhu cầu tìm kiếm việc làm trong thời kì kinh tế thị trường ở quận Bình Tân cũng như các địa phương khác hiện tượng di dân tự phát, người dân ở các tỉnh khác về sinh sống và làm ăn một cách tự do đang xảy ra rất phổ biến đặc biệt là các tỉnh, thành phố phát triển kinh tế nhanh, điển hình là thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Bình Dương, Đồng Nai..., kéo theo nhiều hệ lụy xấu về trật tự trị an những nơi này, vì vậy cần phải có biện pháp quản lý hành chính chặt chẽ và thường xuyên kiểm soát được tình hình.

Có thể khẳng định rằng một trong các biện pháp trong biện pháp làm giảm nạn cướp giết tài sản là vấn đề quản lý đăng ký, kiểm tra tạm vắng, tạm trú. Đây là công việc mà các lực lượng công an xã, phường, thị trấn phải tiến hành thường xuyên của cơ quan công an. Thông qua quản lý tạm vắng, tạm trú để sàng lọc các đối tượng nghi vấn và phát hiện sự hình thành băng nhóm tội phạm. Số đối tượng cướp giết tài sản được bổ sung từ rất nhiều nguồn, nhiều khu vực khác nhau, hầu hết đều thuê mướn phòng trọ sống tạm bợ và từ đó đi gây án. Đăng ký nhân khẩu là quyền và nghĩa vụ của mỗi công dân, tuy nhiên một thực tế, người ở các tỉnh di dân ra thành phố rất nhiều, bản thân họ không hiểu biết các quy định của pháp luật về đăng ký tạm vắng, tạm trú. Do đó, công an khu vực bắt buộc yêu cầu chủ hộ cho ở nhờ, ở thuê phải có trách nhiệm đăng ký tạm trú cho họ tại Công an phường, xã sở tại.

Tất cả những người rời khỏi nơi ở đã đăng ký hộ khẩu thường trú phải có giấy báo tạm vắng tại địa phương đang sinh sống. Khi đến tạm trú ở địa phương nào nhất thiết phải đăng ký tạm trú tại nơi đó, Công an phường, xã, thị trấn phải nắm chắc những người đến tạm trú và phải yêu cầu xuất trình giấy tạm vắng, phải quản lý được người dân sống trong địa bàn mình quản lý từ xã, phường, thôn xóm. Quản

lý nhân khẩu phải có hồ sơ tư pháp và sử dụng công nghệ thông tin kết nối giữa các địa phương, khắc phục tình trạng buông lỏng quản lý như hiện nay.

Cần phải có hình thức xử phạt nghiêm khắc cho những người không đăng kí tạm trú, không có giấy tạm vắng, bằng hình thức phạt tiền thật cao. Nếu không có các biện pháp xử lý nghiêm khắc thì tình trạng sống một bộ phận chủ yếu là thanh niên, trung niên sẽ coi thường pháp luật và dễ dẫn đến con đường phạm tội.

Trách nhiệm của người cho thuê nhà là phải có nghĩa vụ đăng ký tạm trú cho người thuê nhà và cũng phải có chế tài đối với người cho thuê nhà, nếu không đăng ký tạm trú cho người thuê nhà thì phải có mức phạt thích đáng. Hoạt động này vừa có ý nghĩa trong quản lý con người và có ý nghĩa trong quản lý tình hình trật tự xã hội nói chung.

Để thực hiện tốt công tác quản lý nhân khẩu cần có sự nỗ lực và trách nhiệm của công an khu vực, ngoài ra Nhà nước cần đầu tư nhiều hơn nữa cho hoạt động quản lý nhân khẩu và cần có sự liên kết chặt chẽ quản lý giữa các tỉnh, thành phố trong cả nước với nhau; cần phải quy định tiêu chuẩn về điều kiện nhà cho thuê nhà để bảo đảm mức độ về vệ sinh, môi trường cho người thuê nhà, tạo điều kiện ổn định về chỗ ở, người thuê nhà không phải di chuyển nay đây mai đó, đồng thời thuận lợi trong quản lý nhân khẩu.

3.3.4.2. Tăng cường công tác quản lý các cơ sở kinh doanh dịch vụ có điều kiện

Kinh tế phát triển, nhiều loại hình kinh doanh dịch vụ có điều kiện là nơi tội phạm có thể lợi dụng để hoạt động phạm tội. Do đó, công tác quản lý nhà nước phải có nhiều biện pháp ngăn ngừa. Các cơ sở kinh doanh dịch vụ trong nhiều trường hợp tác động gián tiếp đến tội cướp giật tài sản.

Ngày nay, xe máy trở thành những vật dụng thiết yếu trong gia đình. Ở các thành phố, hầu hết một gia đình trung bình một người có một chiếc xe máy, ở nông thôn xe máy cũng là phương tiện thông dụng. Xe máy là một trong những đồ vật mà người sở hữu nó phải đăng ký tại cơ quan công an, là đối tượng quản lý của nhà nước. Nhưng một hiện tượng khá phổ biến từ lâu nay, là khi chuyển nhượng xe máy

hầu hết các bên tham gia giao dịch mua bán xe máy không thực hiện thủ tục chuyển nhượng sang tên đổi chủ theo qui định của pháp luật. Chính vì thế, công tác quản lý xe máy đã trở nên khó khăn. Trong khi đó 91% người phạm tội cướp giật tài sản sử dụng xe máy làm phương tiện gây án. Trong nhiều trường hợp từ số xe máy là tang vật của vụ cướp giật tài sản là manh mối tìm ra thủ phạm. Nhưng cũng chỉ vì quản lý trong khâu chuyển nhượng không sang tên đổi chủ, chuyển nhượng qua tay nhiều người không chặt chẽ, cho nên nhiều trường hợp công an không thể lần ra thủ phạm. Việc quản lý chặt chẽ xe máy cũng chính là đã tham gia vào công tác phòng chống tội cướp giật tài sản.

Đối với các cơ sở cho thuê xe máy cần phải có quy định yêu cầu người thuê phải xuất trình giấy tờ tùy thân, nhiều cơ sở kinh doanh vì háms lợi chỉ yêu cầu người thuê đặt cọc tiền, không yêu cầu các loại giấy tờ chứng minh nhân thân. Do đó, nhiều đối tượng là tội cướp giật tài sản đã lợi dụng thuê xe máy để phạm tội, trong trường hợp bị bắt bọn chúng bỏ lại xe và không còn dấu vết để lại gây khó khăn cho công tác điều tra.

Cơ quan quản lý thị trường phải kết hợp với cấp phường, xã giám sát chặt chẽ, thường xuyên các tiệm cầm đồ, cửa hàng dịch vụ cho thuê xe máy để ngăn chặn tội phạm đến tiêu thụ tài sản cướp giật.

Qua các vụ án về xâm phạm sở hữu, đa số tội phạm đều tiêu thụ tài sản do phạm tội mà có tại các cơ sở cầm đồ. Vì vậy, cần có biện pháp quản lý chặt chẽ các cơ sở cầm đồ, phải có cơ chế giám sát, kiểm tra hoạt động của các cơ sở cầm đồ thường xuyên, định kỳ. Quy định rõ đối với những tài sản nhà nước đã có quy định phải đăng ký là chủ tài sản, như xe máy, ô tô nhất thiết phải là làm thủ tục sang tên đổi chủ. Lĩnh vực hoạt động này rất khó quản lý cho nên phải yêu cầu đề cao tinh thần ý thức tự giác của chủ cơ sở kinh doanh là chủ yếu và phải có những hình thức phạt hành chính phù hợp nếu chưa tới mức phải chịu trách nhiệm hình sự.

Bọn tội phạm thường hay chọn các cơ sở kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ làm nơi ẩn náu, do đó cần phải kiểm tra, quản lý chặt chẽ. Phải quy định những người đến thuê phòng phải có giấy tờ tùy thân, đối với người chưa thành niên thuê

phòng phải có người trên 18 tuổi đi kèm giám hộ, các chủ cơ sở kinh doanh phải cảnh giác khi thấy có nghi vấn, phải báo ngay cho công an.

Thực trạng về vấn đề quản lý, một số ngành nghề chưa phân định rõ cơ quan hoặc cấp nào có thẩm quyền quản lý. Do đó, hiện tượng kinh doanh không có sự giám sát, kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước đã gây ra nhiều hậu quả xấu cho xã hội. Tại các địa phương cần phân công rõ ràng, đề ra cơ chế và thiết lập trật tự cho các ngành, các cấp đối với từng ngành nghề kinh doanh nhất định.

Các cửa hàng vàng bạc cũng là nơi tội phạm tiêu thụ tài sản và vừa là mục tiêu của bọn cướp giật tài sản. Do đó, yêu cầu các cơ sở kinh doanh vàng, bạc phải có hệ thống báo động, có camera để chủ động phòng chống tội phạm, cảnh giác quan sát đối tượng nghi vấn để tự phòng tránh.

Tăng cường công tác quản lý nhà nước là yêu cầu của bất kỳ nhà nước nào. Nước ta đang thực hiện cơ chế kinh tế thị trường còn gặp nhiều khó khăn trên mọi lĩnh vực nhưng vai trò quản lý nhà nước trong công tác bảo vệ trật tự an ninh xã hội là một yêu cầu bức thiết đặt ra trong giai đoạn này.

3.3.5. Các biện pháp tổ chức

Nếu như những biện pháp loại trừ tội phạm xét về mặt nội dung có chức năng tác động vào ý thức của con người, giúp cho mọi người có ý thức và thói quen tuân thủ pháp luật, thì những biện pháp tổ chức có chức năng đảm bảo, tạo điều kiện tốt nhất cho việc thực hiện các biện pháp về mặt nội dung và đồng thời phải khống chế, ngăn chặn và kịp thời phát hiện, xử lý những tiêu cực có thể phát sinh trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ thuộc biện pháp nội dung.

3.3.5.1. Các biện pháp đối với cơ quan điều tra

Điều tra tội cướp giật tài sản là quá trình thực hiện đồng bộ các biện pháp nghiệp vụ của ngành công an như: Tiếp nhận, xử lý thông tin, điều tra tại hiện trường, sử dụng các nghiệp vụ kỹ thuật chuyên ngành, để nhanh chóng làm rõ hành vi phạm tội. Từ đó, có các biện pháp ngăn chặn kịp thời để thực hiện hóa tư tưởng chỉ đạo của ngành công an là chủ động phòng ngừa, chủ động tấn công tội phạm.

Cần nâng cao chất lượng tiếp nhận và xử lý thông tin về tội phạm. Trong thực tế, có nhiều người dân, người bị hại khi bị cướp giật nhưng không báo Công an vì nhiều lý do, có thể vì họ không biết phải báo ở đâu, báo cho ai và vì giá trị tài sản không lớn nên họ đã bỏ qua. Khắc phục tình trạng này, phải xây dựng các điều kiện cơ sở vật chất như: xây dựng các trạm an ninh, các đường dây nóng, tạo mọi điều kiện tốt nhất cho người dân cung cấp thông tin, tố giác tội phạm và cơ chế tốt nhất để tiếp nhận thông tin từ mọi nguồn trong dân chúng.

Khi nhận được tin báo, tin tố giác, lực lượng công an phải nhanh chóng triển khai xác minh, điều tra vì thời gian đối với các vụ án cướp giật tài sản là hết sức quan trọng, quyết định kết quả của một vụ án. Vì đặc thù của tội cướp giật tài sản là bọn tội phạm sau khi nhanh chóng tẩu thoát, bọn chúng lại tiếp tục thực hiện phạm tội ngay nếu lại thấy người có tài sản dễ sơ hở. Do đó, sau khi đã tiếp nhận tin báo, tin tố giác cần phải thông báo cho các đơn vị chức năng điều tra tội phạm, phối hợp, hỗ trợ, hợp tác để triển khai hoạt động điều tra, cùng với sự chỉ đạo của các cấp lãnh đạo. Cần phải làm tốt công tác tiếp nhận tin báo ban đầu, bảo đảm thông tin nhanh nhất giúp cho công tác chỉ đạo, lãnh đạo có cơ sở để nhận định đúng đắn diễn biến tình hình tội phạm hoặc từng vụ án để đưa ra quyết định đúng đắn. Để thực hiện tốt nhiệm vụ trên thì ý thức trách nhiệm và trình độ chuyên môn của đội ngũ làm nhiệm vụ tiếp nhận thông tin ban đầu cần phải được đào tạo và giáo dục tốt.

Cần nâng cao hiệu quả công tác điều tra vì hoạt động điều tra các vụ phạm tội cướp giật tài sản như: khám nghiệm hiện trường, tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ để chứng minh hành vi phạm tội, cùng với việc khám xét, thu giữ tang vật, vật chứng của vụ án. Riêng đối với người chưa thành niên phạm tội khi giam giữ cần điều tra chính xác về độ tuổi và phải có người giám hộ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự đối với các thủ tục tố tụng cho người chưa thành niên. Nghiêm cấm việc làm tùy tiện hoặc “lách luật” của các điều tra viên làm tính chất vụ việc không còn chính xác, thiếu tính khách quan.

Công tác điều tra ban đầu ở hiện trường cần phải được nâng cao năng lực, vì hiện trường là nơi tập trung nhiều chứng cứ rất quan trọng, giúp cho quá trình xác

định tội phạm của vụ án được nhanh chóng, đúng hướng, chính xác. Thực tế cho thấy có khá nhiều vụ cướp giật tài sản công tác bảo vệ hiện trường chưa tốt, làm mất dấu vết quan trọng gây khó khăn cho việc điều tra của vụ án. Khoa học về Điều tra tội phạm học đã khẳng định hành vi phạm tội nào cũng để lại dấu vết ở hiện trường dù tội phạm có mức độ chuyên nghiệp cao, có nhiều thủ đoạn xóa dấu vết. Vì vậy, phải làm tốt công tác bảo vệ hiện trường để bảo vệ những dấu vết do tội phạm để lại phục vụ cho công tác điều tra. Công tác bảo vệ hiện trường cần quy định chặt chẽ, phải quy định trách nhiệm, nâng cao ý thức và nghiệp vụ cho các chiến sĩ công an cấp cơ sở.

Khi thu lượm các dấu vết, vật chứng mà bọn tội phạm để lại trên khu vực xảy ra vụ án trong hoạt động khám nghiệm hiện trường cần phải tiếp cận theo đúng phương pháp, có hệ thống, các bước phù hợp, đó là chú ý các công việc xử lý hiện trường như: Kiểm tra hiện trường, ghi chép, vẽ sơ đồ, chụp ảnh hiện trường, tiến hành thu thập vật chứng bằng trình độ, phương pháp khoa học, phương tiện kiểm tra, nghiên cứu tỉ mỉ nhằm phát hiện dấu vết tang vật để lại hiện trường để đánh giá diễn biến vụ án, thời gian xảy ra vụ án, như vậy mới thu được kết quả tốt, phục vụ cho việc nhận định tính chất của vụ án, đối tượng gây án và hướng điều tra. Để làm tốt công tác khám nghiệm hiện trường, vấn đề về năng lực, về nhận thức, trình độ, ý thức của các điều tra viên phải được đào tạo các kỹ năng nghề nghiệp, phẩm chất đạo đức tốt đồng thời phải đầu tư phương tiện, trang thiết bị kỹ thuật hiện đại.

Trong công tác điều tra, một trong hoạt động thu thập tài liệu là lấy lời khai cần phải rà soát, phát hiện triệt để nhân chứng, người bị hại, người biết việc, người có liên quan, xác minh những thông tin về vụ án, đối tượng có liên quan đến vụ án để phục vụ cho công tác điều tra tại hiện trường. Vì công khai điều tra nên cần phải thực hiện tỉ mỉ, có kế hoạch và có biện pháp phù hợp, có kỹ năng phát động để cho mọi người dân biết sự việc sẽ cung cấp thông tin cho cơ quan điều tra.

Gần đây các đối tượng đi cướp giật thường chuẩn bị hung khí và rất mạnh động, do đó phải xác định nguồn tin để nhanh chóng đánh giá mức độ nguy hiểm. Các đối tượng cướp giật tài sản thường sử dụng xe máy để cướp giật chiếm 91%, do

đó cần làm rõ đối tượng cướp giật tài sản sử dụng xe loại, màu xe, biển số xe như thế nào để có nguồn tin ban đầu cung cấp cho quá trình điều tra. Từ đó có kế hoạch khẩn trương xác minh làm rõ, đặc biệt là những thông tin chỉ rõ đối tượng gây án, tang vật vụ án. Sau khi thu thập những tin tức, tài liệu qua điều tra công khai, cần tổ chức kiểm tra, xác minh để đánh giá mức độ chính xác. Khi xác định nội dung là đúng thì tập trung chỉ đạo theo hướng tài liệu ban đầu đã thu thập được, để làm rõ đối tượng gây án, nếu trong trường hợp đối tượng gây án là người chưa thành niên thì các thủ tục điều tra tiếp theo phải theo đúng thủ tục tố tụng đối với người chưa thành niên.

Trong công tác điều tra, điều tra ban đầu tại hiện trường, nguồn tài liệu thu thập được có giá trị định hướng cho toàn bộ hoạt động điều tra tiếp theo. Nếu nguồn tài liệu thiếu chuẩn xác sẽ làm chệch hướng toàn bộ hoạt động điều tra. Vì vậy, việc thu thập tài liệu, chứng cứ, nhất là lời khai của người bị hại, nhân chứng, người biết việc, phải được đúng quy định của pháp luật, bảo đảm tính chính xác của từng nguồn tài liệu.

Cần phối hợp, liên kết giữa các lực lượng trong công tác điều tra. Quá trình điều tra là quá trình cơ quan điều tra áp dụng các biện pháp nghiệp vụ điều tra cần thiết để làm rõ vụ án. Trong quá trình này, các điều tra viên cần phải kết hợp với các lực lượng khác như: Lực lượng trinh sát, các lực lượng chuyên ngành về khoa học kỹ thuật nói chung và khoa học kỹ thuật hình sự, để sử lý những thông tin, những vật chứng thông qua việc giám định, các biện pháp trinh sát đặc biệt, công tác khám nghiệm. Để đưa ra những kết luận có tính khoa học phục vụ cho công tác điều tra.

Yêu cầu đặt ra cho công tác phối hợp giữa cơ quan điều tra với các lực lượng nghiệp vụ khác là phải tạo ra sức mạnh tổng hợp, đồng bộ, tạo ra sự kết hợp chặt chẽ trong công tác thông tin tội phạm, đảm bảo những thông tin ban đầu về vụ án, những thông tin trong quá trình điều tra phải được thu về một mối, từ đó sử dụng phục vụ cho công tác điều tra, khắc phục tình trạng thông tin chậm, tản mạn hoặc không trao đổi thông tin trong công tác điều tra. Kịp thời phối hợp giữa các lực

lượng cảnh sát trong tác bảo vệ hiện trường, khám nghiệm, thu thập tài liệu ban đầu về vụ án. Các lực lượng cảnh sát công khai tại cơ sở, khi phát hiện tin tức vụ án phải triển khai ngay những biện pháp cần thiết để bảo vệ hiện trường, thu thập tài liệu, truy xét theo dấu vết nóng, xác minh thông tin về đối tượng, tang vật của vụ án. Cần phối hợp chặt chẽ giữa lực lượng cảnh sát điều tra và các lực lượng trinh sát trong công tác thực hiện những biện pháp nghiệp vụ trinh sát, đặc biệt để xác định đối tượng, làm rõ các yêu cầu cụ thể để chứng minh tội phạm. Đối với tội phạm là người chưa thành niên các dấu vết để lại sẽ rất nhiều vì họ chưa đủ nhận thức để có những mưu mô, thủ đoạn để xóa dấu vết.

3.3.5.2. Đối với Viện kiểm sát các cấp

Với vai trò kiểm sát các hoạt động tư pháp, viện kiểm sát có rất nhiều điều kiện để làm tốt công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, như việc kịp thời phát hiện những bất cập, những sơ hở trong pháp luật và trong việc thực thi pháp luật của các ngành các cấp, những sơ hở trong quản lý nhà nước, của nhân dân từ đó chủ động tham mưu cho Đảng và chính quyền trong công tác phòng ngừa tội phạm nói chung và tội cướp giật tài sản nói riêng. Xây dựng các văn bản pháp luật, các cơ chế quản lý nhà nước về kinh tế, văn hoá, xã hội ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến tình hình cướp giật tài sản.

Việc bắt, tạm giam những người bị nghi ngờ phạm tội cướp giật tài sản cũng phải rất cẩn thận và xem xét có nhất thiết là phải giam giữ hay không với vai trò giám sát quá trình bắt giữ nhằm hạn chế mức thấp nhất việc tha, tạm tha đối tượng thiếu căn cứ. Trong vai trò giữ quyền công tố trước toà, bảo đảm truy tố đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, đưa ra được các chứng cứ rõ ràng chính xác, cần giám sát chặt chẽ việc thi hành án phạt tù, như vậy sẽ có tác dụng trực tiếp trong đấu tranh phòng chống tội cướp giật tài sản hiện nay.

Để phòng ngừa tội phạm có hiệu quả, đòi hỏi Viện kiểm sát phải thực hiện một cách chính xác và đầy đủ chức năng, nhiệm vụ của mình trong tổ tụng hình sự. Ngoài ra, hoạt động phòng ngừa tội cướp giật tài sản của VKSND xem xét dưới góc độ vai trò, trách nhiệm pháp lý thì cơ bản phải được thực hiện thông qua các hoạt

động nghề nghiệp, tuy nhiên rất cần có sự phối hợp thực hiện nhiệm vụ phòng ngừa với các chủ thể khác. Khi thực hiện chức năng của mình VKSND phải có sự phối hợp chặt chẽ với các cơ quan hữu quan và ngược lại. Trong quá trình phối hợp thực hiện nhiệm vụ phòng ngừa tội cướp giật tài sản với các chủ thể khác cũng đòi hỏi VKSND phải dựa trên cơ sở thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo qui định của pháp luật. VKSND trực tiếp áp dụng các biện pháp pháp lý có tác dụng quan trọng góp phần tích cực vào việc ngăn chặn tội phạm, hạn chế hậu quả thiệt hại do tội phạm gây ra, kiềm chế, đẩy lùi và từng bước làm giảm tội phạm, khắc phục những nguyên nhân và điều kiện của loại tội cướp giật tài sản cũng như tình hình tội phạm trong xã hội. Tăng cường sự phối hợp là phải nêu cao tinh thần hợp tác, hiệp đồng công tác, giúp đỡ, hỗ trợ lẫn nhau, nhất thiết phải trên cơ sở thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mỗi cơ quan, không thoả hiệp một chiều hoặc đùn đẩy trách nhiệm lẫn nhau. Trong thực tế, nếu VKSND nắm vững và thực hiện đầy đủ chức năng nhiệm vụ của mình thì ở đó phát huy được vai trò tích cực, chủ động của Viện kiểm sát trong hoạt động phối hợp phòng ngừa tội phạm.

VKSND phải giám sát chặt chẽ các hoạt động tư pháp nhằm phát hiện ra những sai phạm, những oan sai đối với tất cả các loại tội phạm, trong đó có tội cướp giật tài sản để kịp thời thực hiện các quyền yêu cầu, kiến nghị, kháng nghị. Như vậy đã là gián tiếp tác động để áp dụng các biện pháp phòng ngừa tội phạm.

VKSND phải không ngừng nâng cao chất lượng, phải hướng trọng tâm các công tác chuyên môn nghiệp vụ vào việc thực hiện nhiệm vụ phòng ngừa tội phạm và phải quan tâm nhiều hơn nữa tới loại tội cướp giật tài sản.

VKSND phải phát hiện những nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội cướp giật tài sản, trong đó đặc biệt quan tâm phát hiện những sơ hở, thiếu sót trong công tác quản lý Nhà nước để kiến nghị các cơ quan hữu quan có biện pháp chấn chỉnh, khắc phục nhằm ngăn ngừa tội cướp giật tài sản xảy ra.

VKSND cấp tỉnh, huyện phải tích cực trong việc quản lý và xử lý tin báo tội phạm, bằng hình thức mở hòm thư tố giác tội phạm, thông báo số điện thoại công khai để nhân dân cung cấp tình hình tội phạm, duy trì thường xuyên chế độ trực

nghiệp vụ. Từ đó, VKSND có thể trực tiếp khởi tố hoặc yêu cầu Cơ quan điều tra khởi tố nhiều vụ án về tội cướp giật tài sản để tiến hành điều tra, nâng cao tỷ lệ xử lý hình sự trong bắt giữ, chống bỏ lọt tội phạm, đẩy nhanh tiến độ giải quyết án.

Các VKSND chủ động bàn bạc với các cơ quan tiến hành tố tụng xác định các vụ án trọng điểm để tập trung chỉ đạo điều tra, truy tố, xét xử nhanh nhằm phục vụ yêu cầu chính trị của các địa phương. Viện kiểm sát cần tích cực phối hợp với Tòa án nhân dân tổ chức các phiên tòa lưu động nhằm thông qua việc thực hành quyền công tố đối với những vụ án này để tuyên truyền, giáo dục nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của nhân dân.

Để nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, Viện Kiểm sát cần phải triển khai nghiên cứu một số chuyên đề nhằm tổng kết thực tiễn, đúc rút kinh nghiệm từ những vụ việc cụ thể để phổ biến rộng rãi. Cần có các quy định pháp luật về trách nhiệm phòng ngừa tội phạm của VKSND. Phải có Chương trình tổng thể về phòng ngừa tội phạm và xây dựng những chuẩn mực rõ ràng trong công tác phòng ngừa tội phạm trong hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân.

3.4. Phát huy vai trò của Tòa án nhân dân các cấp tại phiên tòa xét xử các vụ án cướp giật tài sản

Với chức năng xét xử các vụ án hình sự, dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh thương mại, hành chính, lao động và các vụ việc khác theo quy định của pháp luật, TAND có vị trí quan trọng trong công tác tuyên truyền giáo dục ý thức pháp luật, ý thức phòng chống vi phạm trong quần chúng nhân dân. Chính vì vậy trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình, TAND cần phối hợp với CQĐT và VKSND trong công tác phát hiện, điều tra, truy tố và xét xử nghiêm minh các vụ án cướp giật tài sản; tổ chức các phiên tòa xét xử lưu động một số vụ án điển hình có nhiều bị cáo tham gia tại các địa bàn phức tạp, hay xảy ra các vụ án cướp giật tài sản để tăng cường tính tích cực trong công tác giáo dục phát luật trực tiếp cho người dân. Thông qua hoạt động xét xử lưu động, cần đi sâu làm rõ tính chất nguy hiểm cho xã hội và hậu quả do hành vi gây ra, phân tích nguyên nhân và điều kiện làm

phát sinh tội phạm đặc biệt là nguyên nhân từ phía bị hại để nhân dân nhận thức và tăng cường ý thức tự phòng ngừa.

Mặt khác khi xét xử cần căn cứ vào tính chất mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, các yếu tố về hoàn cảnh gia đình, nhân thân của bị cáo để áp dụng hình phạt nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội để trừng trị và răn đe người phạm tội và phòng ngừa đối với những người có ý định thực hiện tội cướp giật tài sản đồng thời áp dụng chính sách khoan hồng đối với những người ăn năn hối cải có nhiều tình tiết giảm nhẹ, đặc biệt là bị cáo phạm tội nhưng chưa thành niên để bảo đảm chính sách giáo dục đối với người phạm tội và những người tham dự phiên tòa.

Khi bản án đã có hiệu lực, TAND cần phối hợp với cơ quan thi hành án hình sự ra quyết định và tổ chức thi hành ngay đặc biệt là những bị cáo bị xử phạt tù có thời hạn, tù chung thân; kịp thời giao các quyết định dân sự trong vụ án cướp giật tài sản cho cơ quan thi hành án dân sự cùng cấp để thủ trưởng cơ quan Thi hành án dân sự ra quyết định và tổ chức thi hành kịp thời bảo đảm bồi thường kịp thời cho người bị hại và hiệu lực của bản án, quyết định của Tòa án.

3.5. Tăng cường hoạt động giám sát của chính quyền địa phương đối với người phạm tội cướp giật tài sản sau khi chấp hành án

Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn là cơ quan quản lý hành chính Nhà nước cấp cơ sở, được giao thực hiện một số nhiệm vụ thi hành án hình sự theo quy định của luật thi hành án hình sự. Với chức năng nhiệm vụ được giao, Ủy ban nhân dân xã phường, thị trấn cần phối hợp chặt chẽ với cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện, VKSND, TAND cấp huyện, giám sát theo dõi, giáo dục cảm hóa những người đã chấp hành xong hình phạt trở về địa phương sinh sống, tạo điều kiện cho họ có công ăn việc làm ổn định. Cùng với đoàn thể, tổ chức và gia đình kịp thời động viên, giúp đỡ họ ổn định cuộc sống, trở thành người công dân có ích cho xã hội; theo dõi và kịp thời ngăn chặn những hành vi vi phạm pháp luật, hành vi tiếp tục phạm tội.

Kết luận chương 3

Chương 3 của Luận văn đã phân tích cụ thể những vấn đề đặt ra đối với phòng ngừa tình hình tội cướp giật tài sản trong giai đoạn hiện nay và những năm sắp tới trong đó bao gồm: việc hoàn thiện pháp luật hình sự, pháp luật tố tụng hình sự và luật thi hành án dân sự. Ngoài ra, luận văn cũng đặt ra vấn đề hoàn thiện các giải pháp phòng ngừa tội phạm cướp giật tài sản như: Giải pháp về đẩy mạnh phát triển kinh tế; các giải pháp về phát triển văn hóa - giáo dục; các giải pháp về quản lý hành chính, quản lý con người. Đặc biệt, để công cuộc đấu tranh phòng ngừa tình hình tội phạm nói chung và phòng ngừa tình hình tội cướp giật tài sản nói riêng đạt kết quả tốt nhất thì việc hoàn thiện bộ máy tổ chức và hoạt động của các cơ quan trực tiếp đấu tranh phòng chống tội phạm như Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân là vô cùng quan trọng. Chương 3 của luận văn đã đề ra một loạt những giải pháp để giải quyết vấn đề này dựa trên những nghiên cứu và tình hình tội cướp giật tài sản trên địa bàn quận Bình Tân và thực tiễn giải quyết các vụ án cướp giật tài sản của những cơ quan tiến hành tố tụng, bởi lẽ: Nếu như những biện pháp loại trừ tội phạm xét về mặt nội dung có chức năng tác động vào ý thức của con người, giúp cho mọi người có ý thức và thói quen tuân thủ pháp luật, thì những biện pháp tổ chức có chức năng đảm bảo, tạo điều kiện tốt nhất cho việc thực hiện các biện pháp về mặt nội dung và đồng thời phải khống chế, ngăn chặn và kịp thời phát hiện, xử lý những tiêu cực có thể phát sinh trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ thuộc biện pháp nội dung.

KẾT LUẬN

Tội cướp giật tài sản là một trong những loại tội có hình thức chiếm đoạt tài sản với tính chất và mức độ nguy hiểm cao, mức cao nhất của khung hình phạt dành cho loại tội phạm này lên đến tù chung thân. Đây là loại tội phạm trong những năm gần đây đang phát triển mạnh và luôn có chiều hướng gia tăng cả về số lượng tội phạm và người phạm tội trong thời kỳ phát triển kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế. Đặc biệt là những năm gần đây loại tội phạm này diễn biến phức tạp không chỉ ở địa bàn quận Bình Tân mà trên phạm vi cả nước gây ra những bức xúc lo lắng cho người dân mỗi khi ra đường. Trước tình hình đó công tác phòng chống tội cướp giật tài sản trở thành đề tài được nhiều sự quan tâm của những người làm nghiên cứu lý luận pháp luật và những người làm công tác thực tiễn áp dụng pháp luật.

Với yêu cầu đó, trong quá trình nghiên cứu, luận văn đã tiếp cận bắt đầu từ những vấn đề lý luận chung về tình hình tội cướp giật tài sản như: Khái niệm, đặc điểm, ý nghĩa của tình hình tội cướp giật tài sản để làm rõ tình hình tội cướp giật tài sản là gì? Các đặc điểm mang tính chất chung và tính đặc thù của tình hình tội cướp giật tài sản và việc nghiên cứu đối tượng này có ý nghĩa gì đối với công tác đấu tranh phòng ngừa tội phạm. Đồng thời, luận văn cũng đi sâu làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn về tình hình tội phạm hiện, diễn biến, cơ cấu, tính chất của nó, tình hình tội phạm ẩn của tội cướp giật tài sản cũng như những yếu tố tác động đến tình hình tội phạm và mối quan hệ giữa tình hình tội phạm và nhân thân người phạm tội.

Trên cơ sở nghiên cứu, phân tích lý luận về tình hình tội cướp giật tài sản, luận văn xây dựng dự báo tình hình tội cướp giật tài sản trong những năm sắp tới trên địa bàn quận Bình Tân. Từ kết quả nghiên cứu lý luận và thực tiễn diễn biến tình hình tội cướp giật tài sản trên địa bàn quận Bình Tân, luận văn đã đề xuất một số giải pháp kiến nghị để hoàn thiện pháp luật hình sự, pháp luật tố tụng hình sự, pháp luật thi hành án hình sự là những văn bản pháp luật có liên quan trực tiếp đến công tác đấu tranh phòng chống tội cướp giật tài sản. Đồng thời luận văn cũng đề xuất hệ thống các biện pháp phòng ngừa ngăn chặn tội cướp giật tài sản có cơ sở khoa học và tính thực tiễn.

Trong quá trình thực hiện luận văn, tác giả đã nhận được sự giúp đỡ nhiệt tình của người hướng dẫn, quý thầy cô giáo của Học viện khoa học xã hội và các đồng nghiệp. Tôi rất mong nhận được sự góp ý của Quý Thầy Cô giáo, các nhà khoa học, các nhà nghiên cứu về lý luận và thực tiễn trong lĩnh vực này để luận văn được hoàn thiện hơn. Xin chân thành cảm ơn!

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chỉ đạo 138 của Chính phủ (1999), *Kế hoạch số 01/BCĐ138/CP, ngày 10/12/1999 triển khai thực hiện Nghị quyết 09/CP ngày 31/7/1998 của Chính phủ và Chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm.*
2. Bộ Chính trị (2002), *Nghị quyết số 08/NQ-TW ngày 22/01/2002 về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác cải cách tư pháp trong thời gian tới.*
3. Bộ Chính trị (2005), *Nghị quyết số 49/NQ-TW ngày 02/6/2005 về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020.*
4. Bộ Chính trị (2010), *Chỉ thị số 48/CT-TW ngày 22/10/2010 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới.*
5. Bộ Công an (1999), *Kế hoạch số 358/KH-BCA ngày 12/4/1999 thực hiện Nghị quyết 09/CP và Chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm của Chính phủ.*
6. Chính phủ (1998), *Nghị quyết số 09/CP ngày 31/7/1998 về tăng cường công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới.*
7. Công an quận Bình Tân, *Báo cáo tổng kết các năm 2010, 2011, 2012, 2013, 2014, 2015.*
8. Cục Thống kê quận Bình Tân (2015), *Niên giám thống kê quận Bình Tân năm 2015*, Nxb Thống kê, Hồ Chí Minh.
9. Hoàng Văn Hùng (2007), *Tội trộm cắp tài sản và đấu tranh phòng chống tội phạm này ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ luật học, Trường đại học Luật Hà Nội.
10. Quốc Kiên (2012), *Thực hiện hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu Nghị quyết năm 2012*, Báo quận Bình Tân (số 144), tr.1-2.
11. Nguyễn Đức Mai, Nguyễn Ngọc Anh, Trần Văn Luyện, Trần Quang Tiệp, Nguyễn Mai Bộ, Nguyễn Văn Huân (2010), *Bình luận khoa học Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
12. Phòng Tư pháp quận Bình Tân (2013), *Báo cáo nhìn lại 05 năm thực hiện chương trình phổ biến, giáo dục pháp luật giai đoạn 2011 – 2015 trên địa bàn quận Bình Tân.*
13. Quốc hội (2009), *Bộ luật hình sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa*

Việt Nam, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

14. TAND quận Bình Tân (2008), *Bản án số 08/2008/HSST*, ngày 26/3/2008.
15. TAND quận Bình Tân (2008), *Bản án số 10/2008/HSST*, ngày 08/4/2008.
16. TAND quận Bình Tân (2008), *Bản án số 37/2008/HSST*, ngày 26/9/2008.
17. TAND quận Bình Tân (2009), *Bản án số 01/2009/HSST*, ngày 19/1/2009.
18. TAND quận Bình Tân (2011), *Bản án số 45/2011/HSST*, ngày 29/6/2011.
19. TAND quận Bình Tân (2012), *Bản án số 45/2012/HSST*, ngày 08/3/2012.
20. TAND quận Bình Tân (2012), *Bản án số 19/2012/HSST*, ngày 24/7/2012.
21. TAND quận Bình Tân (2012), *Bản án số 73/2012/HSST*, ngày 31/8/2012.
22. TAND quận Bình Tân, *Báo cáo tổng kết các năm 2010, 2011, 2012, 2013, 2014, 2015*.
23. TAND quận Bình Tân, *139 bản án hình sự xét xử sơ thẩm các vụ án cướp giật tài sản trên địa bàn quận Bình Tân từ năm 2011 đến năm 2015*.
24. TAND quận Bình Tân, *Thống kê xét xử các vụ án hình sự sơ thẩm từ năm 2010 đến năm 2015*.
25. Thủ tướng Chính phủ (1998), *Quyết định số 138/1998/QĐ-TTg* ngày 31/7/1998 phê duyệt Chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm.
26. Phạm Văn Tinh (2007), *Khái niệm tội phạm và tình hình tội phạm dưới góc độ tội phạm học*, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật (số 6), tr. 1-10.
27. Phạm Văn Tinh (2007), *Vấn đề định nghĩa khái niệm tội phạm học và nhu cầu nâng cao trình độ lý luận tội phạm học ở nước ta*, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật (số 12), tr. 11-19.
28. Phạm Văn Tinh (2007), *Một số vấn đề lý luận về tình hình tội phạm ở Việt Nam*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
29. Phạm Văn Tinh (2008), *Nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm ở nước ta hiện nay - Mô hình lý luận*, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật (số 6), tr. 10-17.
30. Phạm Văn Tinh (2009), *Khái niệm tình hình tội phạm với những hệ lụy của sự “dễ tính” trong khoa học*, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật (số 11), tr.1-9.

31. Phạm Văn Tinh (2009), *Tội phạm học Việt Nam và phòng ngừa tội phạm*, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật (số 4), tr. 28-39.
32. Phạm Văn Tinh, Đào Bá Sơn (2010), *Đấu tranh với tình hình tội phạm chống người thi hành công vụ ở nước ta hiện nay*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
33. Trần Hữu Tráng (2010), *Bàn về nguyên nhân tội phạm*, Tạp chí Luật học (số 11).
34. Trường đại học Luật Hà Nội (2009), *Giáo trình Tội phạm học*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
35. Trường đại học Luật Hà Nội (2000), *Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
36. Trường đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh (2010), *Tập bài giảng Tội phạm học*.
37. Đào Trí Úc, Võ Khánh Vinh, Trần Văn Độ, Trần Đình Nhã, Nguyễn Ngọc Hòa, Đặng Quang Phương, Ngô Ngọc Thủy, Phạm Văn Tinh (1994), *Tội phạm học, Luật Hình sự và Luật Tố tụng Hình sự*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
38. Ủy ban nhân dân quận Bình Tân (2011), *Chỉ thị số 07/CT-CTUBND ngày 05/12/2011 về việc mở đợt cao điểm tấn công, trấn áp các loại tội phạm, đảm bảo an ninh, trật tự Tết Nguyên đán Nhâm Thìn 2012*.
39. Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh (2013), *Báo cáo số 201/BC-UBND ngày 15/11/2013 về việc sơ kết 3 năm thực hiện Chỉ thị số 48-CT/TW ngày 22/10/2010 của Bộ Chính trị về “tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới” trên địa bàn thành phố*.
40. VKSND quận Bình Tân, *Báo cáo thống kê án hình sự các năm 2010, 2011, 2012, 2013, 2014, 2015*.
41. VKSND quận Bình Tân, *Báo cáo tổng kết các năm 2010, 2011, 2012, 2013, 2014, 2015*.
42. Trịnh Tiến Việt (2008), *Khái niệm phòng ngừa tội phạm dưới góc độ tội phạm học*, Tạp chí khoa học Đại học quốc gia Hà Nội (Số 24), tr.185-199.

43. Võ Khánh Vinh (2003), *Giáo trình tội phạm học*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

44. Võ Khánh Vinh, Phạm Hồng Hải, Đào Trí Úc, Nguyễn Mạnh Kháng, Phạm Văn Tĩnh (2000), *Tội phạm học Việt Nam - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

45. Nguyễn Xuân Yêm (2001), *Tội phạm học hiện đại và phòng ngừa tội phạm*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

PHỤ LỤC

Bảng 2.1. Xu hướng tổng quan của THTP và tình hình tội cướp giật tài sản từ năm 2011 đến 2015 trên địa bàn quận Bình Tân

Năm	THTP (Vụ/ bị can)		Tình hình tội CGTS (Vụ/bị can)		Tỷ lệ %	
	Số vụ (1)	Số bị can (2)	Số vụ (3)	Số bị can (4)	(1)/(3)	(2)/(4)
2011-2013	1842	2618	78	238	4,23	9,09
2013-2015	1559	2261	84	244	5,38	10,79

(Nguồn: Theo số liệu thống kê của VKSND quận Bình Tân)

Bảng 2.2. Bảng mức độ tổng quan tuyệt đối của tình hình tội cướp giật tài sản trên địa bàn quận Bình Tân từ năm 2011 – 2015

Năm	Số vụ	Số bị cáo
2011	22	61
2012	26	83
2013	28	85
2014	29	84
2015	24	66
Tổng	129	379
Trung bình	26,6	78,8

(Nguồn: Theo số liệu thống kê của TAND quận Bình Tân)

Bảng 2.3. Bảng so sánh Số vụ án về tội cướp giết tài sản so với số vụ án về xâm phạm sở hữu trên địa bàn quận Bình Tân giai đoạn 2011 – 2015

Năm	Tội cướp giết tài sản	Các tội xâm phạm sở hữu	Tỉ lệ %
2011	22	131	16,8
2012	26	129	20,2
2013	28	142	19,8
2014	29	125	23,2
2015	24	96	25
Tổng	129	623	21,7

(Nguồn: Tòa án nhân dân quận Bình Tân)

Bảng 2.4. Bảng thống kê Tỉ lệ tội cướp giết tài sản trong THTP ở quận Bình Tân giai đoạn 2011 – 2015

Năm	Mức độ tổng quan của THT cướp giết tài sản		Mức độ tổng quan của THTP ở quận Bình Tân		Tỷ lệ %	
	Số vụ (1)	Số bị cáo (2)	Số vụ (3)	Số bị cáo (4)	(1)/(3)	(2)/(4)
2011	22	61	621	897	3,54	6,8
2012	26	83	615	858	4,23	9,67
2013	28	85	606	863	4,62	9,85
2014	29	84	541	782	5,36	10,74
2015	24	66	412	616	5,83	10,71
Tổng	129	379	2795	4016	4,62	9,44

(Nguồn: Tòa án nhân dân quận Bình Tân)

Bảng 2.5. Bảng so sánh tỷ lệ tội cướp giật tài sản ở quận Bình Tân với tỷ lệ THPT về cướp giật trên phạm vi toàn thành phố Hồ Chí Minh

Năm	Tội cướp giật tài sản ở Q.Bình Tân		Tội cướp giật tài sản toàn TP.HCM		Tỷ lệ %	
	Số vụ (1)	Số bị cáo (2)	Số vụ (3)	Số bị cáo (4)	(5)=(1)/(3)	(6)=(2)/(4)
2011	22	61	993	1211	2,22	5,04
2012	26	83	856	960	3,04	8,65
2013	28	85	901	1045	3,11	8,13
2014	29	84	978	1138	2,97	7,38
2015	24	66	968	1102	2,48	5,99
Trung bình	25,8	75,8	912	1171	2,83	6,47

(Nguồn: Tòa án nhân dân quận Bình Tân và Tòa án nhân dân Tp.HCM)

Bảng 2.6. So sánh tỷ lệ tội cướp giật tài sản, THPT về xâm phạm sở hữu ở quận Bình Tân với tỷ lệ tội cướp giật tài sản, THPT về xâm phạm sở hữu đối với các quận huyện giáp ranh

TT	Địa danh	Tội cướp giật tài sản		Các tội về xâm phạm sở hữu		Tỷ lệ %	
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(1)/(3)	(6)=(2)/(4)
1	Bình Tân	129	379	623	929	20,71	40,8
2	Quận 12	210	398	1121	1367	18,73	29,11
3	Quận 8	267	465	1329	1494	20,09	31,12
4	Quận 6	196	312	1287	1445	15,23	21,6

(Nguồn: Tòa án nhân dân quận Bình Tân và Tòa án nhân dân Tp.HCM)

Bảng 2.7. Cơ cấu xét theo mức độ của từng hành vi phạm tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn quận Bình Tân giai đoạn 2011-2015

Hành vi	Số vụ	Số bị cáo	Tỷ lệ % số vụ	Tỷ lệ % số bị cáo
Tội cướp tài sản (điều 133)	50	54	8,02	5,8
Tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản (điều 134)	3	5	0,5	0,54
Tội cưỡng đoạt tài sản (điều 135)	13	16	2,08	1,72
Tội cướp giết tài sản (điều 136)	129	379	20,7	40,8
Tội công nhiên chiếm đoạt tài sản (điều 137)	10	12	1,6	1,3
Tội trộm cắp tài sản (điều 138)	286	317	45,9	34,12
Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản (điều 139)	132	146	21,2	15,72
Tổng số	623	929		

(Nguồn: Tòa án nhân dân quận Bình Tân)

Bảng 2.8. Tình hình hình khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử tội cướp giết tài sản giai đoạn 2011 – 2015 tại quận Bình Tân

Năm	Tố giác, tin báo tội phạm	Khởi tố	Truy tố	Xét xử
2011	42	22 vụ/ 64 bị can	22 vụ/ 64 bị can	22 vụ/ 61 bị cáo
2012	58	27 vụ/ 86 bị can	27 vụ/ 86 bị can	26 vụ/ 83 bị cáo
2013	47	29 vụ/ 88 bị can	29 vụ/88 bị can	28 vụ/ 85 bị cáo
2014	34	30 vụ/ 87 bị can	30 vụ/ 87 bị can	29 vụ/ 84 bị cáo
2015	32	25 vụ/ 69 bị can	25 vụ/ 69 bị can	24 vụ/ 66 bị cáo

(Nguồn: Số liệu thống kê của VKSND quận Bình Tân)

Bảng 2.9. Cơ cấu của tình hình tội cướp giết theo địa bàn phạm tội

Tổng số	Bình Hưng Hòa	Bình Hưng Hòa A	Bình Hưng Hòa B	Tân Tạo	Tân Tạo A	Bình Trị Đông	Bình Trị Đông A	Bình Trị Đông B	An Lạc	An Lạc A
129	24	18	14	15	9	19	6	8	11	5
100%	18,6	13,95	10,85	11,63	6,98	14,73	4,65	6,2	8,53	3,88

(Nguồn: 129 bản án xét xử sơ thẩm của TAND quận Bình Tân)

Bảng 2.10. Cơ cấu theo trình độ học vấn của bị cáo địa bàn quận Bình Tân năm 2011 đến năm 2015

Năm	Số bị cáo	Trình độ học vấn				
		Từ ĐH, TC trở lên	Trung học PT	Trung học CS	Tiểu học	Không biết chữ
2011	61	0	8	22	28	3
2012	83	0	21	31	24	7
2013	85	0	9	39	31	6
2014	84	0	11	44	25	4
2015	66	0	4	39	21	2
Tổng	379	0	53	175	129	22
Tỷ lệ%	100	0	13,98	46,17	34,04	5,81

(Nguồn: Tòa án nhân dân quận Bình Tân)

Bảng 2.11. Cơ cấu theo nghề nghiệp của bị cáo địa bàn quận Bình Tân

Năm	Số bị cáo	Nghề nghiệp		
		Nghề nghiệp ổn định	Nghề nghiệp không ổn định	Không có Nghề nghiệp
2011	61	7	16	38
2012	83	6	34	43
2013	85	10	28	47
2014	84	7	27	50
2015	66	8	17	41
Tổng	379	38	122	219
Tỷ lệ %	100	10,03	32,19	57,78

(Nguồn: Tòa án nhân dân quận Bình Tân)

Bảng 2.12. Cơ cấu của THPT trên địa bàn quận Bình Tân từ năm 2011 đến năm 2015 xét theo tiêu chí tiền án, tiền sự, tái phạm, tái phạm nguy hiểm

Tổng số	Phạm tội lần đầu	Tái phạm, tái phạm nguy hiểm
379	295	84
100%	77,84%	22,16%

(Nguồn: Tòa án nhân dân quận Bình Tân)

Bảng 2.13. Cơ cấu về nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và tạm trú của người phạm tội cướp giết tài sản

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và tạm trú	Số bị cáo	Tỷ lệ
Quận Bình Tân	118	31,13
Địa phương khác	212	55,94
Sống lang thang	49	12,93
Tổng số	379	100%

(Nguồn: Tòa án nhân dân quận Bình Tân)

Bảng 2.14. Cơ cấu của tình hình tội cướp giết trên địa bàn địa bàn quận Bình Tân từ năm 2011 đến năm 2015 xét theo độ tuổi và giới tính bị cáo

Năm	Số bị cáo	Giới tính		Độ tuổi		
		Nam	Nữ	Dưới 18 tuổi	Từ 18 đến 30 tuổi	Từ trên 30 tuổi
2011	61	60	1	4	51	11
2012	83	83	0	1	48	6
2013	85	84	1	4	89	7
2014	84	83	1	7	75	18
2015	66	65	1	2	38	17
Tổng	379	375	4	19	301	59
Tỷ lệ %	100	98,94	1,06	5,01	79,42	15,57

(Nguồn: Tòa án nhân dân quận Bình Tân)

Bảng 2.15. Cơ cấu của tình hình tội cướp giết theo thời gian gây án

Số vụ án	Từ 0h đến cận 6h	Từ 6h đến cận 12h	Từ 12h đến cận 18h	Từ 18h đến cận 24h
129	6	28	49	46
100%	4,65%	21,71%	37,98%	35,66%

(Nguồn: Tòa án nhân dân quận Bình Tân)

Bảng 2.16. Tình hình tội cướp giết trên địa bàn địa bàn quận Bình Tân từ năm 2011 đến năm 2015 xét theo tổ chức quy mô của tội phạm

Tổng số vụ cướp giết	1 bị cáo thực hiện	2 bị cáo thực hiện	3 bị cáo thực hiện	4 bị cáo thực hiện	5 bị cáo thực hiện
129 vụ / 379 bị cáo	20 vụ / 20 bị cáo	21 vụ / 42 bị cáo	36 vụ / 108 bị cáo	51 vụ / 204 bị cáo	01 vụ / 05 bị cáo
Tỉ lệ	15,50% số vụ; 5,27% số bị cáo.	16,27% số vụ; 11,08% số bị cáo.	27,90% số vụ; 28,50% số bị cáo.	39,53% số vụ; 53,82% số bị cáo.	0,7 % số vụ; 1,32% số bị cáo.

(Nguồn: Tòa án nhân dân quận Bình Tân)